

TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Chiếc áo xường xám
màu hoa đào



vh NXB Văn học

Table of Contents

... Sùng sững một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệu...
Đồng chí Hùng Vương
Tào Lường
Du kích huyện
Đi dân công
Xuống làng
Cứu đất cứu mường
Vợ chồng A Phủ
Vượt Tây Côn Lĩnh
Mùa hái bông
Thào My kể chuyện đời mình
Sâm Sơn
Chiếc áo “xường xám” màu hoa đào

... Sùng sùng một tòa ngôn ngữ chân chấ t, tinh diệu...

(Thay lời giới thiệu)

Trong tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* của Đỗ Chu, Nguyễn Tuân, Tô Hoài được tác giả giới thiệu bằng cảm hứng và lời văn trác tuyệt. Trong thăm thăm bóng người có bóng ta. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân trong những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đấ y, “ đứng chồ ng đòn gánh, dưới chân là hai quang sách nặng ”, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông. Trước “cô t kiêu” và uy bút lực của hai ông, Đỗ Chu - lâ n đầ u tiên tôi thấ y - ... đứng khép nép.

Tôi đã có lâ n khép nép trước một tác phẩm của Tô Hoài, đó là *Chuyện đầ m sen Đê n Đồ ng Cổ* in trong tập truyện ngắn này. Sau *Giăng thê*, đây là kiệt tác thứ hai của Tô Hoài. (*Đê mèn phiêu lưu ký* đương nhiên là một tác phẩm bất hủ, nhưng ý tôi nên xé p sang một chiế u khác). Trong *Chuyện đầ m sen Đê n Đồ ng Cổ*, hơi thở hùng tráng của lịch sử vừa kín đáo, vừa mãnh liệt chạm vào tình cảm sâu lắ ng nhấ t của bất kỳ độc giả người Việt nào. Ta gặp lại đam mê của Tô Hoài quan sát những lễ tục dân gian và sự am hiểu tinh tường những tập quán ngành nghề, sinh hoạt mà tác giả miêu tả.

Cảnh đám rước kiệu “bà” quay tròn:

“Kiệu bát cống quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả ngàn người xem hội cứ thế bông bột mãi lên. Hai mươi bốn trai kiệu, nghe tiếng trống khẩu, một lượt quỳ như hai mươi bốn thót voi rồi từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lì như tường đứng.”
(tr. 146)

Mùa vụ cấy dón (làm bột giấy):

“Cạn kỳ dón chính tuyền, vừa cuối thu. Lên sang vụ dón Một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo dón mới lột, quết sương hay mưa đầu ô nước, mất công phơi nhiều nắng mới bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rìng này lại phải lặn lội sang rìng khác, đã vào vụ dón chiêm. Dón chiêm tiếp dón đầu tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyền.” **(tr. 163)**

Đúng là Tô Hoài. Chỉ có thể là Tô Hoài.

Nhưng cái mà tôi kính nể là đọc tác phẩm này tôi như đứng trước sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chất và tinh diệu. “Trong ngọc” nhát trong tòa ngôn ngữ này là những câu văn thuộc loại “văn xuôi thơ” sáng giá của văn chương Việt Nam hiện đại. Đây là những câu văn tả tình cảnh một người con gái ngời trên thuyền ngược sông đi lấy chôn giấy u mạn ngược:

“Những lời hò vui mà thăm thiếp t:

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bên vui em đến...

Trên mũi bông lóng lánh một trời sao. Con thuyề`n đêm nao cũng đi qua một trời sao á`y. Dù cho con người có cạn nước mắt rô`i cũng muô`n hy vọng, như người chèo thuyề`n mong đé`n bẻ`n...

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngô`i một lúc thật lâu. Bô`n bẻ` lặng ngắ`t. Những ngôi sao long lanh nhỏ lã chã những giọt nước mắt xuô`ng thê` gian...” (tr. 162)

Một lâ`n Hội nghị nhà văn trẻ, nghe giới thiệu nhà văn Tô Hoài lên phát biểu ý kiế`n, cả hội trường im phăng phắ`c. Trái với sự chờ đợi của mọi người, nhà văn lão thành lên diễn đàn chỉ đé` nói với các nhà văn trẻ một câu: “... chừng nào chưa phân biệt đợc “*mô`m*” và “*miệng*” thì đừng có câ`m bút...”. Tôi thiế`t nghĩ các bạn trẻ háo hức viế`t văn nên tìm đợc *Chuyện đầ`m sen Đé`n Đô`ng Cổ*, đợc xong mà nhận ra đợc vô`n ngôn từ của mình sao mà nó nghèo nàn, thảm hại, xô bô` đé`n thê` thì dù có tiế`n hay thoái cũng là một sự thức nhận hê`t sức có ích.

Thăm thăm bóng người trong tập truyện ngắ`n này:

Bóng cô Cúc, “một sinh viên người Huế` đẹp tuyệt trầ`n” đợc nhà văn Tô Hoài trao cho bản thảo cuô`n tiểu thuyế`t *Đêm mưa* “một chiề`u đông rét mướt” năm 1946 và tòa nhà lưu niệm “tiêu điề`u, ám đạ`m**” của bà Điề`m (cô Cúc năm xưa, nay đã trở thành nhà điêu khắ`c nổi tiế`ng Điề`m **Phùng Thị**),... “trong những tủ kính trang nhã, phủ bụi mắ`y bức khắ`c tự họa của nhà điêu khắ`c”. (Hô`i ký *Tiểu thuyế`t đêm mưa*)**

Một người đàn bà “cả đời chỉ đi bói chèo ước mong tái hợp” vì chông đi “đất đỏ Sài Gòn” mãi không trở về. (Cô đào Thương)

Bà Tư dở điên dở dại lúc hấp hối phải gặp được người tình năm xưa mới yên tâm nhắm mắt. (Tình buồn)

Có một loạt truyện giúp độc giả hình dung được đầy đủ hơn trí tưởng tượng kỳ thú và hóm hỉnh của tác giả Dế mèn phiêu lưu ký : Đôi ri đá, Con gà trống ri, Truyện gã chuột bạch, Một cuộc bể dâu, Mụ ngan...

Trong những truyện về các dân tộc miền núi mà tiêu biểu là truyện Vợ chông A Phủ, còn gì giản dị và sâu sắc hơn tinh thần cứu đất cứu mường nảy sinh trong tâm khảm và gắn với cuộc đời của các nhân vật.

“ ... Nhân nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình. Nhân muôn khóc.

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phùng sần. Nhân không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đâu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhân tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhân .” (Cứu đất cứu mường)

Tập Chuyện để quên có những truyện rất “quý”, làm sống lại không khí hào hứng hào nhiên của những năm đầu kháng chiến, những đoàn dân công, bộ đội, cán bộ đi công tác...

Truyện - ký Khiêng máy là một tác phẩm xuất sắc. Tiêu biểu là cảnh đám công nhân nhà in báo “ Cứu quốc Việt Bắc”

khiêng máy nghỉ lại ở lán.

“... Cứ tồ i đê n, các lán sàn trên, sàn dưới, hai tâ ng ghép lại bả ng ô ng vâ u tươi, người nă m người ngô i ngổ ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giâ y, tải gạo, tải muô i... Tưởng như mỗi khi ngả lưng xuô ng thì thiế p đi đê n chệ t. Tiê ng moóc-chi-ê ình oàng vào sương đêm, không biế t từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chộp mắ t. Từ chập tồ i đê n khuya, người nă m cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hả hê. Họ đố nhau ăn uô ng cái gì ngon nhấ t, rô i lấ y quâ n áo ra đỏi chác. Quanh quẩn chỉ vài cái cứ đỏi đi đỏi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ô ã ào như đưong chề chén ở hiệu cao lâu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bót xén như ở nhà câ m đờ Vạn Bảo. Lúc lại bắ t chước vợ chồ ng ỏn ẻn, nũng nịu. Rô i hát tuồ ng, gảy đàn mô m, mãi khuya mới ngót “cuộc vui”...” (Khiêng máy)

Có những truyện nói về cuộc số ng cơ cực của người dân trong vùng bị chiế m đóng.

“Hòn khoác thừng kéo cày vào người, lúc đỏi vai, lúc thắ t ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cồng rét, bị nê p thừng kéo thít xuô ng. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấ m xuô ng tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cứ n rãng, lội. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thừng, lạch đi. Trên cánh đờ ng này biế t bao nhiêu người bì bõm câ y bừa, câ y hái quanh năm như thê , cho đê n lúc phía tỉnh gầ m gừ tiê ng xe, trời tảng sáng, các đờ n bô t dọc đưong sắ p xua nhà phạ t và lính tráng vác gậy đi dò mìn, thì những người làm đờ ng kiệt sức mới lục đực về làng.” (Người mắ t trí)

Trong một thời gian khá dài (hơn bô n năm), tôi tham gia làm đê tài nghiên cứu khoa học do anh Tô Hoài chủ trì.

Thời gian đầu, một tháng họp một lần. Công việc tiến triển hơi chậm, anh Tô Hoài quyết định một tuần họp một lần. Tôi nghĩ bụng đến tuần thứ ba không biết còn chuyện gì để mà bàn, có khi phải hai, ba chầu bia mới hết buổi. Nhưng không phải như vậy. Tô Hoài là một kho chuyện vô tận, có khi một nghìn lẻ một buổi họp vẫn chưa hết chuyện, không riêng gì chuyện văn hóa, văn nghệ, hình như chuyện gì anh cũng biết, chuyện nào anh cũng nhớ vài ba chi tiết đặc sắc, rất quan trọng. Không riêng gì những thời kỳ gần đây, mà những chuyện thời Tự lực văn đoàn và Thơ mới, thời Đề cương văn hóa và Văn hóa cứu quốc, những năm đầu kháng chiến... anh Tô Hoài vẫn nhớ và nhớ tường tận. Những chuyện anh hỏi tường và kể lại bao giờ cũng hấp dẫn. Anh rất quan tâm đến sự chính xác: tên người, địa danh, niên đại, những sự kiện lịch sử và những chi tiết của đời sống thực tại. Tô Hoài hay nhận xét về những chỗ sai, không chính xác trong các bài báo, bài văn và công trình nghiên cứu anh đọc nhưng tôi chưa thấy ai nêu những điều không chính xác trong những trang viết của anh. Duy có một lần Nguyễn Nguyên, một ký giả lão thành ở Sài Gòn nói với tôi: “Trong bút ký, hỏi ký của Tô Hoài có những chi tiết thân tình, phải là một người sành ăn thì miêng thịt chó ngon mới gọi là “đậm và phải chăng cái miêng thịt”. Chi tiết là trong một bài viết về “xóc đĩa” đăng trên *Kiến thức ngày nay* hỏi năm trước có những chi tiết sai, tôi có cảm tưởng là Tô Hoài chưa từng bước chân vào sòng xóc đĩa.”

Nghe anh Tô Hoài hỏi về “những năm tháng, con người và cuộc đời”, tôi hình dung một lịch sử văn hóa, văn nghệ khác, không giống như những điều được trình bày

trong những bộ sử đã công bố, nó phong phú hơn, sống động hơn, chứa chất kịch tính, xem ra thâm hơn, mà cũng lớn lao hơn. Cuối cùng thì tôi thông, hợp tuân một lần không phải là nhiều vì đề tài nghiên cứu của chúng tôi có liên quan mật thiết đến lịch sử văn hóa. Những chuyện anh Tô Hoài hồi tưởng và kể lại thiên về giải ảo hơn là ảo hóa những người thật, việc thật. Cách nhìn giải ảo thường là một nhân tố tiến bộ trong văn hóa, nhất là khi người giải ảo có ý thức đặt sự thật cao hơn những ước lệ và cấm kỵ. Tô Hoài quá hiểu lịch sử và lịch sử xem ra cũng nể ngòi bút hồi ký của ông. Tô Hoài không chỉ là một nhà tiểu thuyết phong tục có hạng, tác giả *Cát bụi chân ai* còn là một tác gia hồi ký bậc thầy, và chẳng những truyện hay của Tô Hoài thường là mang tính chất hồi ký: *Giăng thề* (1943), *Mười năm* (1957), *Tự truyện* (1978), *Ba người khác ...* Anh Tô Hoài không thích nói chuyện sách vở nhưng khi nói chuyện đụng đến những công trình nghiên cứu thì thấy anh có đọc và đọc khá nhiều. Tôi vẫn cho rằng khổ công đọc sách là một biểu hiện đáng tin cậy của sự khiêm tốn, có thể giả vờ khiêm tốn trong ứng xử nhưng đọc sách thì không giả vờ được. Trong một chuyện thầy trò trường viết văn Nguyễn Du hành hương về Tiên Điền, Nghi Xuân thăm quê hương đại thi hào có nhà văn Tô Hoài, chủ tịch đầu tiên và cuối cùng Hội đồng giáo dục Trường Nguyễn Du cùng đi. Trong buổi lễ viếng mộ, mọi người nín lặng khi nhà văn Tô Hoài bước ra đứng trước mộ. Ông thả p nhang, rót rượu lên mộ rồi ông rót rượu vào cái chén ông cầm trên tay và uống cạn chén rượu trước mộ Nguyễn Du và trước mặt mọi người. Tôi nghe tiếng má y sinh viên viết văn thì thào: “Tô Hoài tranh thủ

uống rượu”, “Tô Hoài cũng ngang đâ y chứ”... Tôi nghĩ đến hai câu thơ chữ Hán trong bài thơ *Đôi tầu* của Nguyễn Du:

Sinh tiền bất tận tam bôi tửu

Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi.

Diễn nghĩa:

Lúc sống không uống cạn hô` rượu

Chết rồi ai rót rượu trên mộ` cho?

Làm đề tài nghiên cứu khoa học, về bất kỳ vấn đề nào anh Tô Hoài cũng có chủ kiến riêng. Về vấn đề tranh luận: làm thơ bằng ý hay bằng chữ? Ý kiến của Tô Hoài: làm thơ bằng chữ nhưng vấn đề là người làm thơ sống những chữ của mình như thế nào? Tôi thấy nói như vậy cũng là rõ và đủ. Đề tài của chúng tôi được phân thành nhiều vấn đề. Giải quyết mỗi vấn đề, trong nhóm đề tài (có Ngọc Trai, Vương Trí Nhàn và tôi) mỗi người viết bài, sau đó anh Tô Hoài tổng kết. Tôi nghiệm thấy trong bài tổng kết, anh Tô Hoài hầu như chỉ trình bày những chủ kiến riêng của anh. Mặt khác, anh Tô Hoài không bao giờ có ý định đưa ra những ý kiến hướng dẫn, dù là dưới hình thức góp ý, gợi ý nhẹ nhàng. Riêng tôi thấy cách làm việc như vậy hết sức dễ chịu. Có một buổi sinh hoạt nhóm tôi trình bày những ý kiến của tôi về văn hóa làng. Sang buổi sau anh Tô Hoài đưa tôi cuốn sách của Nguyễn Hồng Phong về Công xã nông thôn và hỏi: “Hiến đã đọc cuốn này chưa?”. Quả nhiên tôi chưa đọc cuốn này và đây là một

tài liệu quý đố*ì* với đề tài của tôi, không có nó nội dung bài viết của tôi sẽ kém phần “chắ*c* thiết” nhiê*u*. Trên đời có một loại ân nhân rấ*t* đáng quý nhưng lại ít được chú ý, đó là những người biế*t* ta đươ*ng* cần đọc cuố*n* sách gì và đưa cho ta một cách hờ*n* nhiên đúng cuố*n* sách ấy. Trong các bạn đồng nghiệp ở trong nước, loại ân nhân này rấ*t* hiế*m*. Trong những bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ và Việt kiê*u* dễ gặp hơn những người sẵn sàng chia sẻ sách và tư liệu với mình. Không có những cuố*n* sách mà Dan Duffy, Neil Jameison, François Jullien, Nguyễn Bá Chung (Mỹ), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp)... cho tôi, những công trình biên khảo của tôi sẽ khó khăn hơn rấ*t* nhiê*u*.

Những ý kiế*n* riêng của anh Tô Hoài đôi khi rấ*t* bất ngờ. Trong một cuộc hội thảo, có một diễn giả nói rấ*t* mạnh về sự thiê*u* khiêm tó*n* trong giới trí thức. Đây là một định kiế*n* phổ biế*n* và tôi cũng nghĩ như vậy. Giờ nghỉ, anh Tô Hoài nói với tôi: “Lạ thật, cứ nói đề*n* trí thức là nhấ*n* mạnh vào bệnh không khiêm tó*n*, tá*t* cả những người trí thức tôi biế*t* đề*u* hê*t* sức khiêm tó*n*, không khiêm tó*n* làm sao có trí thức đượ*c*?” Tôi thấ*y* anh Tô Hoài có lý. Thiện cảm và ác cảm ở anh Tô Hoài cũng rấ*t* riêng. Có một người bạn văn anh Tô Hoài quen đã hơn bớ*n* chục năm nhưng chưa lâ*n* nào anh đề*n* chơi nhà, anh giải thích: “Giả dụ hôm nay tôi mời ông ấy ăn phở, y như rằ*ng* ngày hôm sau ông ta mời bằ*ng* đượ*c* trả lại ngay, những người như vậy tôi thấ*y* rấ*t* khó giao thiệp”.

Hoàng Ngọc Hiế*n*

Đông chí Hùng Vương

Tư háp táp chạy sang nhà chủ nhiệm Việt Minh Nông Văn Páo. Vào một xóm lúa thưa má'y búi mai. Đông chí Tư qua dưới nhà đông chí Hùng Vương [1], nghe tiếng trang thóc rào rào trên sân sà, Tư ngẩng đầu gọi to:

- Kìa Hùng Vương!

Hùng Vương ngừng tay trang thóc, nhìn xuống. Hùng Vương, người nhể nhại mồ hôi dưới ánh nắng hanh. Đôi vai trằn và tảng ngực gồ lên trong múi thịt tròn, đỏ bóng. Hùng Vương lặng lẽ nhìn xuống, như nghĩ ngợi mà chưa tìm ra được một câu gì để nói. Đó là một cái thói quen trằm lặng chậm chạp vốn có.

Tư rửa chân, lên nhà. Hùng Vương ngò'i xuống sân và hỏi:

- Mới ở đâu về đây?

Tư sốt ruột, hỏi lại:

- Đông chí biết Pháp tá'n công lên chợ Phủ chưa?

- Biết.

- Chợ Phủ có kịp phá hoại không?

- Phá hết rồi.

- Bắ y giờ từ chợ Phủ lên và trong toàn châu chuẩn bị như thế nào?

- Đương chuẩn bị cả.

Hùng Vương vòng tay lên đầu gối, ngược mắt lên nghe cán bộ Tư hỏi từng việc: Phá châu, phá đường cái chưa? Canh gác làm sao? Còn quân dân? Kế hoạch đô i phó với tình thế mới cho các ban Việt Minh xã? Châu bộ khai hội chưa? Mỗi câu Tư hỏi, Hùng Vương lại hươ một tay qua đầu, trả lời:

- Không sợ. Chúng nó không thể làm gì được ta đâu.

- Đô ng chí phải về châu ngay, triệu tập châu bộ thảo luận má y ý kiến tôi đã đưa ra. Nhấ t là công tác phá hoại, phá đường, phá ngay không có không kịp.

- Thế thì tô t đã y. Tôi đi ngay được.

Hùng Vương gọi con đẻ n. Thắ ng bé má t đen láy, mới độ mười hai, mười ba tuổi. Cũng cởi trầ n và ngực cũng dô ra như bồ . Hùng Vương dặn nó đồ nô t thóc ra sân phơi. Hùng Vương lắ y cái áo sơ mi trắng cộc tay, mặc quầ n soóc vàng. Hùng Vương đội mũ trắng. Cái xắ c cô t da bò quàng vào sườn bên vai trái. Con dao găm cắ m trong bao da đeo sườn bên phải, cạnh túi quầ n sau. Hùng Vương bước xuố ng câ u thang thong thả, chắ c chắ n.

Hùng Vương rẽ sang đường cái lớn đi lên châu.

Năm năm trước, cán bộ Đức Xuân về khai hội bí mật, đặt bí danh cho các tiểu tổ nông dân, cũng bắ t đầu từ á y, Hứa Văn Nảo có tên bí mật là đô ng chí Hùng Vương do Đức Xuân

đặt cho. Đức Xuân nói: “Hùng Vương là tên ông tổ sinh ra các họ nước ta. Đặt bí danh thế cho suốt đời ta nhớ được tên ông tổ”. Đức Xuân ở đây rồi về sau trúng kế của thằng phản động cai Mói, bị giết ở Hạ Vị, sau đó thì tiếng đồn cách mệnh đã về ở núi Cứu Quốc [2] nhiều lắm, thôi thì bọn châu Hồ, châu Quận, cai Mói ra sức lục lợi khắp các triền núi. Người ở các bản xung quanh bỏ hết rẫy ruộng, ngày đêm phải khôn khéo đi tuần phòng, mò thám. Các làng Mán bị dồn xuống ở cả dưới chân núi. Chúng sợ các làng Mán nuôi cách mệnh ở trên núi. Nhưng cách mệnh vẫn ở trên núi được. Cho đến một hôm giữa năm 1941, có cuộc khủng bố to, tất cả dân các bản phía núi Tây Bắc, từ trẻ con, đàn bà đến người già mắt còn sáng, mỗi người phải đem dao đi mò các hang, các khe, các hốc đá từ dưới chân thung lũng lên tới đỉnh ngọn Píc Cáy. Hùng Vương và đồng chí Lâm Tuấn đã tìm cách vượt vây, từ đây Hùng Vương bỏ vùng quê, bỏ nhà, thoát ly đi công tác bí mật. Đến khi đảo chính Nhật, bộ đội về giải phóng xã, làm chủ nhiệm Việt Minh xã. Sau tổng khởi nghĩa, Hùng Vương lên làm cán bộ Mặt Trận của châu.

Pháp đã lên tới chợ Phủ rồi. Các xóm bắt đầu làm vườn không nhà trồng, lại như những năm chạy Nhật trước. Bà già, trẻ con đeo túi quần áo, chăn, màn, xanh, khiêng nồi, chảo tốt vào ở kín trong ngọn suối. Từng bu gà, bu vịt, gánh lợn cũng kịt kịt. Làng xóm đi lạng lẽ, lạnh lẽo và bí mật. Nhưng ngoài đồng, tiếng đập lúa thành thịch vẫn đều đều. Những đệp thóc gặt rồi phơi vàng rượi trên các mỏm đá dọc bờ suối.

Tur ra ruộng tìm, thây Pảo đương gặt. Tur bàn với Pảo: “Ta bàn với Việt Minh xã, với Ủy Ban về khai hội. Tình hình nóng lắm rồi”.

Pảo lên bờ ruộng nói:

- Việt Minh cả xã, chúng nó cũng sẽ thất bại thôi, đừng chí a.

- Thất bại là thế nào?

- Anh em bận gặt, phải gặt nhanh.

- Thế thì tôi nay khai hội ban làng vậy.

Pảo gặt đâu, lại bước xuống ruộng. Xung quanh cánh đồng người lặng lẽ, bình thản khuôn từng bu gà, bu vịt, dồn lợn vào lán. Người vẫn tập nập đập lúa, thản nhiên như chưa biết Pháp đã tới chợ Phủ.

Cuộc khai hội ban làng tôi hôm ấy lại có cả chủ tịch kháng chiến và nhiều tổ trưởng các giới cứu quốc đến tham gia. Mười hai người ngồi vòng trước bếp lửa trước nhà. Chủ nhiệm Việt Minh Nông Văn Pảo kê một mảnh giấy bên cạnh đống củi bập bùng cháy, viết chương trình khai hội. Anh ngẫm nghĩ, đôi lông mày dúi lại. Anh cúi xuống viết, rồi giơ giấy lên đọc: “Thưa các đồng chí, chương trình khai hội hôm nay có: lý do, bầu chủ tịch, thư ký, thảo luận công tác canh gác, giao thông, du kích, tiếp tế, công tác phá hoại, làm mít tinh giải thích cho xóm biết cách đề phòng Tây.”

Bắt đầu, bàn việc canh gác... Họp đến khuya mới xong. Mọi người chuyên nhau cái điếu cày, bàn tán về thuốc Lào mấy hôm nay đắt giá. Tám mươi đồng một bánh mà không có người bán. Chuyện khuya rồi mọi người ngủ ngay trên mặt sàn bếp lửa.

Hôm sau, Tư ra hỏi kết quả khai hội. Hai dân quân đã vác súng kíp ngò i giữa đình rồi. Buổi tối, Tư lại đến nhà Páo. Bỗng nghe có tiếng súng xa âm ỉ. Trời tối, Tư, Páo và Eng, em trai Páo, ra đứng ngoài sân ngẩng đầu lên. Tiếng âm ỉ từ ngoài chợ Phủ đưa lại. Thấy xa xa phía ngoài đường lặn lên một vạch sáng. Cách một quãng lại nổi từng hàng ánh sáng trắng như một dải vải mới. Páo vào nhà, rít hơi thuốc, lại ra đứng, vừa thở khói, vừa hỏi:

- Ô tô của ta hay của nó, đồng chí Tư?

Tư khẽ đáp:

- Ta không có ô tô. Mà nhiều thế kia. Ô tô của nó rồi.

- Một cái, hai cái, ba cái, bốn cái, năm cái...

Đoàn xe ấy chạy, lặn sáng cứ tuôn mãi ra. Sáu cái, bảy cái, tám cái... Sương lạnh phủ vào mặt Tư đang nóng bừng.

Tiếng Páo nói:

- Ngày trước ô tô của Nhật nó cũng đi cả đêm thế này. Nó còn chạy bộ từng mấy trăm thặng nữa. Lúc nào bị ta phục kích thì nó nằm im hết. Thặng Nhật gan lắm. Nó ném một quả lựu đạn khói, mà mẹ nó, nó đã đứng vào khói và lười lê trước mặt ta rồi.

- Mười bốn cái, mười lăm cái...

- Thằng Pháp này chắc là dốt lắm. Cái năm mà Việt Minh xuống lập ban châu, quân cách mạng ta bảo nó cùng bắn thằng Việt gian châu quận, nó không dám bắn. Đến lúc ta bắn thì cả lũ lính, cả thằng đồn Tây Đờ-đông, Tây chủ mỏ cũng tái mét mặt. Pháp, thì như con cua. Thế là Tây hàng cách mạng hết rồi.

Câu nói ấy của Páo làm cho Tư vừa bực mình, vừa buồn cười. Nhưng sự ung dung lạ lùng ấy thực tình khi cướp chính quyền tỉnh cũng làm cho Tư bình tĩnh trở lại từ lúc nhìn đoàn xe Pháp chạy qua núi.

*

* *

Từ sau hôm đấy, ngày nào cũng có ô tô Pháp vù vù chạy ngoài đường cái. Dân làng đã vào các lán. Trâu bò đuổi hết lên rừng rồi. Có một lần mười lính Pháp mò vào làng. Nhưng không lấy được gì. Chúng nó đốt hai cái nhà.

Thế rồi một tháng qua. Pháp không thể xuyên chéo qua được tỉnh Bắc Cạn, chúng phải kéo về chợ Phủ, bỏ vị trí huyện Chợ Rã.

Ở Pá Pâu về, Tư đương lợi suôi, nom xa thấy đồng chí Hùng Vương. Xắc cốt da vẫn quàng cạnh sườn. Bao dao găm thò một tí đầu mấu dưới thân áo sau lưng.

Hùng Vương đến bắt tay Tư, rồi nói:

- Tôi xin báo tin: Pháp đã rút khỏi châu Chợ Rã. Ông chí đã biết chưa?

- Biết rồi.

- Mời ông chí về nhà tôi. Tôi có vấn đề muốn thảo luận.

Cái máng nước nhà Hùng Vương lại lách rách chảy xuống chiềc bồn gỗ đầu thang. Trong nhà, bếp chưa đặt kiềng, bên buồng còn ngổn ngang ba, bốn túi đựng quần áo mới mang ở lán về. Thằng bé con Hùng Vương cởi trần, đắp chăn, đương ngủ ngon.

- Ta chưa nên cho người già, trẻ con và đem quần áo về nhà vội.

Hùng Vương cười, tìm chổi quét sàn, nói: “Tôi cũng chủ quan một tí đấy”.

Tư hỏi:

- Có việc gì thảo luận với tôi?

- Tôi có nhiều danh từ muốn hỏi ông chí (Hùng Vương lấy sổ tay, bút máy trong xác cốt), nhiều chữ mới lắm. “Lễ Nô-en”, “Nhân dân giải phóng quân Trung Hoa”, “tài phiệt Mỹ”, “kế hoạch Cờ-lô Cờ-lô”, “hội tề”. Từ hôm chị Bắc đi về khu, tôi có nhiều danh từ lắm mà không hỏi được ai.

Tiếng đại bác phía chợ Phú vẫn dội lại. Nhưng, như không nghe tiếng, hai người vẫn ngồi, người nói, người ghi cả m

cúi.

*

* *

Rô`i có đê`n má`y tháng, lâu không gặp Hùng Vương. Nhưng thỉnh thoảng Tư vẫn nhận được thư của Hùng Vương gửi về` hỏi chữ. Biê`t Hùng Vương bận công tác ở xã mà vẫn chịu khó đọc chữ. Tư đọc thư, lâ`n nào cũng trả lời ngay.

Thỉnh thoảng, đi qua nhà Hùng Vương, gặp thắ`ng bé con, Tư hỏi:

- Cá (bô`) có về` không?

Nó đáp:

- Cá không về`.

Một hôm, em bé đê`n tìm Tư, bảo:

- Cá đã về` đầ`y. Cá bảo đờ`ng chí ra chơi ăn cơm ngay.

Nhưng Tư bảo nó về` trước. Tư đã thuộc cái tính rề`nh ràng của mọi người ở đây. Quả nhiên, một lúc sau, Tư ra thắ`y mới chỉ có một mình bô` Hùng Vương ở nhà. Ông ké nói:

- Hùng Vương còn đi đắ`p bờ ruộng.

Ngô`i đợi một lúc mới thắ`y Hùng Vương lững thững về`, quầ`n xoe lên tận bẹn. Vai vác cái mai đắ`p bờ. Chiế`c xắ`c cớ`t đựng tài liệu vẫn quàng bên trái sườn. Con dao găm cắ`m trong bao da đeo bên phải. Vợ Hùng Vương cũng vác

mai, tay xách thêm giỏ ốc. Tư ra cầu thang, vừa cười vừa nói:

- Đi làm ruộng mà cũng đeo xách ốc à?

- Quân sự hóa, đồng chí ạ. Bao nhiêu năm nay thế, nó thành tính rồi.

Vợ Hùng Vương nấu nồi canh ốc cả vỏ. Con bé chạy vào lán trong rừng lấy thêm bát. Trong khi ấy Hùng Vương cầm cái kéo ra sân sàn cào đất cho thảnh con gai. Tiếng kéo kêu tách tách, Hùng Vương nói:

- Sang năm nay thảnh này nó nhón một tý, tôi cho nó đi theo đồng chí. Cho nó học tập, nó tiến bộ, về sau hơn tôi nhiều.

Một lát sau, vào mâm cơm, Hùng Vương mới thông thả nói:

- Đoàn thể vừa đổi tôi lên công tác trên Ngân Sơn, đồng chí ạ.

- Đi Ngân Sơn à? Bao giờ đi?

- Mai tôi cùng đi với Páo. Páo cũng công tác trên Ngân Sơn.

Ngân Sơn. Hai tháng nay Pháp chiếm Ngân Sơn, phá châu Ngân Sơn rất dữ, rất hại. Châu Ngân Sơn, toàn rừng thưa, núi đá, đồi trọc san sát liền nhau như bát úp, người đi đêm lúc nào cũng trông thấy bóng. Tây lên, làng không có chỗ làm lán bí mật, phải chạy sang các châu khác. Cán bộ

thì cứ ngày nă`m trong rừng, đêm về` gặp dân. Ngân Sơn, đấ`t bị khủng bô` , đấ`t đau thương. Cán bộ Hoàng, người Mán năm trước đã chệ`t ở đấ`y. Cả cán bộ thượng câ`p, đôn`g chí Mã Gầ`y [3], cũng đã ngã xuô`ng hy sinh ở Ngân Sơn. Trong vòng hai tháng nay, nhiề`u cán bộ đã hy sinh ở Ngân Sơn.

Hùng Vương nói:

- Tôi lên công tác Ngân Sơn, không gặp được anh Tư cũng là thiệt cho tôi, không học thêm được chữ mới.

Ăn xong, ông ké say rượu vào nă`m trong phản nói mê một lúc rồ`i ngủ. Ba bô` con Hùng Vương và Tư ngô`i chơi trước sân sà`n.

Hùng Vương dạy các con học hát. Hai đứ`a bé ngô`i xê`p bắ`ng trước mặt bô` .

Trăng mùng mười đã lên đứng trên đầ`u núi trong leo lẻo. Tiế`ng hai đứ`a trẻ thánh thót hát theo bô` .

- Mai Hùng Vương đi lúc nào?

- Hùng Vương bừa sáng xong rồ`i mới đi. Lên Ngân Sơn phải đi đêm mà.

Sáng hôm sau, từ sớm, Hùng Vương với vợ và thắ`ng bé đã ra ruộng. Ba con trâu, ba cái bừa răng gỗ, ba người đi bừa lại, quầ`n vòng vèo trên mảnh ruộng nước hẹp, như trẻ con chơi rồ`ng rắ`n đuổ`i nhau.

Rồi mỗi lần, nghe tin giặc khủng bố Ngân Sơn, Tư lại nhớ Hùng Vương và Páo. Nghĩ đến những khi cùng nhau còn công tác ở dưới này. Không biết Hùng Vương đã trở lại Ngân Sơn chưa. Khuôn mặt vuông, chắc của Hùng Vương. Lặng lẽ, chậm nhưng bình tĩnh, bây giờ nghĩ lại, mới càng hiểu, càng nhớ.

[1] Trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc, cán bộ cơ sở hoạt động bí mật thường dùng bí danh lịch sử và cách mạng như: Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Hồng Quân, Liên Bang...

[2] Vùng núi kháng chiến huyện Chợ Rã bí danh là núi Cứu Quốc.

[3] Đồng chí Phùng Chí Kiên.

Tào Lường

I.

Từ Nà Lộc đến Bản Hậ lên Pá Pâ`u nửa ngày leo núi. Lớ`i đi xoay xoắn dưới chân dốc lên càng cao càng dựng đứng. Qua rẫy sả`n của bản Nà Lộc đến dốc rừng hạt dẻ, rừng tre rồi rừng gianh, rồi lại dốc, lại rừng tre. Bỗng Tư trông thấy một rẫy lúa chín vàng nuốt bên sườn núi. Tư hơi ngạc nhiên vì đột ngột gặp được công cuộc làm ăn cá`y hái ở một nơi cheo leo thế` này. Rừng núi mệnh mang mà chỗ nào cũng có lớ`i đi, lớ`i đi chắ`ng chịt như mạch máu trên thân người.

Những cây hạt dẻ cao vút, quả khô, gai lửa tủa. Quả trám trắng lệt đẹt rơi. Con hươu gộc dưới gồ`c, tiếng hươu khô như một cành củi gãy. Dưới xa, trong lòng thung lũng tiếng suối phẳng phất thở dài. Trông sang phía Cao Bắ`ng trước mặt, núi xanh, núi trắng loang lổ dán lên nhau. Tư hỏi chú giao thông:

- Sắ`p đến chưa?
- Còn một dốc thêm.

Rồ`i qua bụi sa nhân, bụi nát, má`y cây chanh, cây mận và lúa thưa cây mậ`n tang. Lộ ra má`y cái nhà bạc phé`ch, lớp thanh tre như ổ`ng máng. Nhà làm theo bậc núi, mỗi cái hai gian nhỏ, cái nọ gồ`i sau cái kia. Có ba túp nhà cả thảy,

má y con lợn thò đầu ra ngoài vách, rồi thụt vào trong. Đó là làng Pá Pá u.

Anh giao thông trèo lên cái nhà trên cùng.

Tư bước vào. Một người cỡi trâu nằ m trên một mảnh ván cạnh bê p, giữa mặt có một vết thương đương lên da non, đỏ hỏn hỏn gầ n suốt hai má. Vai, cổ, cái đùi, bụng, sườn, bắ p chân, cánh tay, loét từng vết thương dài như vết quào, chém. Người á y nói tiế ng Thổ:

- Đò ng chí Chấn đi rầy, muố n gọi tôi gọi về cho.

Rồ i anh nói ra ngoài cửa má y tiế ng Mán. Một bà già thấ p, sau lưng ngắ t nghẻo địu một đứa bé, cung cúc chạy xuố ng đố c. Và một người mà đò ng chí Tư không đoán được là đàn bà hay đàn ông, vì trên đầu có một túm tóc hoa roi rừ dài xuố ng gáy, người á y lặ ng lễ thò đầu vào, Tư hỏi: “Chấn đấ y à?”. Anh thanh niên ó m ngồ i trên tấ m ván trả lời: “Không phải, đấ y là Bàn Văn Minh ở nhà dưới”. Lát sau, một người mặt vuông, da mai mái, gò má hơi nhô, cắ m nở bạnh nét. Cái áo chàm đã xạm xỉn, hai ó ng quầ n bọt hế t gầ u. Người vác ngang trên vai khẩu súng kíp, lưng đeo túi đan bằ ng da con nhông vàng xọng.

- Đò ng chí Chấn đấ y à?

Một giọng nói tiế ng xuôi lơ lớ:

- Phải... tôi... đò ng chí Chấn.

Tư nói thế đễ Chấn biế t là Tư lên đây họp với làng Mán đễ tổ chức báo tin truyề n làng. Nhưng Tư muố n sang núi

Píc Cáy trước vì bên Píc Cáy gầ n đò n Tây ở chợ Phủ hơn. Nghe Tư nói, Chấn gật gật đầ u, đáp chuyện nhịp một tiế ng... “thế ... thế ...”

Đêm ấy, Tư ở lại Pá Pầ u. Đêm trên núi cao, gió thổi rét buồ t. Chấn lầ y thịt gầ u khô treo trên bế p nầ u cho Tư ăn. Thịt con gầ u chó, anh em Chấn mới bắ n được hồ i tháng Tám. Chính con gầ u ấy đã quào nát mặt Páo, bôi thuồ c đế n bây giờ chưa khỏi. Páo chồ ng gậy nhảy đế n bàn com. Một người con gái gầ y gừa, chít khăn thêu đỏ, ngô ì ăn com với mẹ trên bế p. Ăn xong, bà mẹ buộc chặt lại địu đừa bé, bước ra cửa với cô con gái. Hai người ở dưới nhà lên, vác súng lừ đừ đi sau hai người. Tư hỏi đi đâu, Chấn bảo: “Nó lên ngủ”. Người nhà đi ngủ rùng, nhườnng chồ nằ m cho khách mà bàn việc vừa ăn com lại ngủ nữa. Đêm trên núi cao, gió thổi càng khuya càng rét.

Bầ y giờ vào khoảng cuồ i tháng Mười. Buổi sáng, từ trong hồ c núi cuồ i thung, mây trắ ng trôi cuồ n cuộn bập bề nh như sóng trên làng mạc và cánh đồ ng. Các chỏm núi trên miề n Cứu Quồ c xanh rì và nhô lên như những cù lao chơi vơi giữa bể tuyế t. Chấn đã thổi com xong, vui nô i xuồ ng gio rô ì xách cái nỏ lên rùng. Bà già địu cháu, cô gái gầ y gừa và Minh ở trên rùng về ngô ì quanh bế p. Một thoáng, Chấn đã về, xách một con chuột đuôi xù dài. Thịt chuột nướng lên bế p, rô ì bỏ vào chảo.

Com xong, cô em gái xuồ ng nhà dưới, cùng mọi người đi làm rầy. Bà già địu cháu vào rùng vác củi. Páo lầ y mặt gầ u bôi khắ p mặt các vế t đau rô ì ngô ì lên vót tên bắ n chuột. Tư và Chấn cùng nhau leo sang Píc Cáy. Trong nhà vắ ng

tanh. Cả gà, lợn cũng đã bắt đem vào “cơ quan” trong rừng cả. Thỉnh thoảng, một đứa bé nhà dưới ra đứng cửa cất tiếng eo éo: “Tăm lơ lơ... Tăm lơ lơ...” Nó gọi con chó...

Đến khi Tư và Chấn trở về thì đã chiều lắm, sương đã xuống lạnh hai bàn tay. Trong nhà có tiếng gõ cành cạch và tiếng rì rầm lè nhè. Đó là ông tào - thầy cúng - đang cúng ma cho cô Liễu, cô em gái gầy gù, em gái Chấn, độ này hay ốm.

Cúng xong, Chấn ôm vào nhà một đống củi, đốt cháy lên ngùn ngụt. Cả làng đến chơi. Ông thầy cúng cũng ở lại đây. Tất cả quây quanh lửa. Cả làng được chừng mười người. Họ đến để nghe Tư nói về công việc báo tin truyền làng, phòng giặc Tây thành linh tới. Bây giờ làng nào cũng phải canh gác đề phòng Tây và Việt gian hay đi mò thám. Nếu không cẩn thận mà như ngày trước hôm còn bí mật, để cho thằng giặc Nhật lên vây tận trên núi Píc Cáy thì hại cách mạng nhiều lắm, các đồng chí nhớ không? Nhiều người nói:

- Nhớ lắm! Nhớ lắm.

- Lần ấy thằng Nhật làm đau cách mạng đấy!

Người nói câu ấy là thầy cúng Triệu Văn Hương. Tư hỏi:

- Đồng chí Hương bây giờ ở đâu?

- Tôi ở Nà Lường.

- Nà Lường có bao nhiêu nhà?

- Có một nhà.

- Chỉ có một nhà?

- Trước ở Nhà Lường còn có nhà tào Lường. Ông tào Lường dạy người ta biế t cúng đấ y. Nhà tào Lường đã nuôi nhiề u cách mạng lắ m. Pháp lên tìm bắ t đượ tào Lường, đem cắ t lắ y đầ u, đã tù bốn năm nay rô i, lại có thày cúng lại tên là tào Lường làm thày cúng. Húi dà, khỏ lắ m, đau lắ m, lúc trước thắ ng Nhật, thắ ng Pháp làm người ta khỏ lắ m, đau lắ m.

- Lúc trước cách mạng ở Nhà Lường có nhiề u không?

- Lúc thì nhiề u, lúc thì ít. Đồ ng chí Liên Bang, đồ ng chí Tiề n Phong, đồ ng chí Thanh Quang, đồ ng chí Tư có biế t các đồ ng chí â y không? Vàng Kheo, Píc Cáy, Khuỏi Slám đầ u có du kích. Cách mạng vui lắ m, làm hát, dạy cho biế t chữ khắ p mọi người ta. Tôi đã đánh Nhật ở Phiề ng Phườ ng.

Rồ i ông thày cúng Hương thờ dài:

- Ba hôm, năm hôm, Pháp đi tuầ n một lầ n, khám nhà một lầ n. Người ta đi đầ u nó cũng bảo đi với cách mạng, nó bắ t. Dem nắ m com to đi làm rầy, nó bảo đi đem cho cách mạng, nó bắ t. Nó xui người Thỏ ở chợ Phủ không bán muố i cho người Mán, nó bảo Mán ta ăn rô i làm cộng sản thì nó không bằ ng lòng, nó đem giế t mắ t tào Lường.

Pảo từ nầy ngô ì yên, giờ mới nói to:

- Tao nhớ mãi cái thù mày giết tao Lường. Bao giờ tao chết thì tao mới để mày lấy máu độc lập của tao...

Tư bật cười vì lời nói chữ rất lạ mà ý nghĩa. Tư đã thấy bao nhiêu chua cay, căm thù trong lòng mọi người. Tư bỗng hiểu rằng tại sao, trong hoàn cảnh khó khăn xưa kia, các làng Mán quanh năm đói rách trên các mỏm núi mà vẫn cố sức giúp cách mạng. Tư bỗng hiểu tại sao hiện nay, trong vùng Chợ Rã có thổ phỉ Sý Lìn về quấy rối, quan đồn Pháp cho Sý Lìn đi lôi kéo, dụ dỗ mà không làng Mán nào theo, những làng Mán trung thành, nuôi cách mạng, để ra cách mạng. Có những làng vùng Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, những nơi chôn rau cắt rốn của đội giải phóng quân. Pá Pâu, Pác Cáy, Vàng Kheo, Nà Lương, Nà Đông, Phiêng Phàng, Nậm Tuộc, Nà Ngòi... Những cái tên, mà đọc lên, không một chiến sĩ giải phóng quân nào trước kia đi Nam tiến đã qua châu Trung Vương (Chợ Rã) mà không biết, không thuộc, thuộc từng khe đá, góc cây, từng cái lều canh rẫy, cái cối nước ngủ đêm.

Páo nổ trong đống quần áo rách trên mảnh ván, lâu lâu nói:

- Tôi khỏi đau thì tôi đi bán thừng Tây.

Chấn và Hương đã trèo lên gác bếp, chui sọt soạt trong đống rơm. Chấn nói chỗ xuống:

- Bán thừng Pháp cũng bán bán con gà u thôi.

Cả bốn người cười hà hà trong tiếng gió lùa ù ù vào khe nứa. Triệu Văn Hương thở dài thật to. Chấn rì rầm hát như

thầy tào cúng ma. Pảo nghiêng đầu thổi lửa cho đỡ lạnh và cũng lên tiếng hát, giọng rau rĩ:

- Anh chị em ơi! Ngẫm nghĩ tỉnh Bắc Cạn, dân ta làm than khổ sở, núi rừng thì trùng trùng điệp điệp, đất cày ruộng có ít, nhưng mà Nhật, mà Tây không thương hại dân ta. Thảm thiết lắm! Ba năm qua rồi, dân ta bị đánh đập như con trâu, còn bò... [1].

- Ai dạy Pảo hát bài hay thế?

- Cán bộ dạy cho đấy.

II.

Một lần khác, Tư lên Pá Pá u. Đang đi trong rừng tre, nghe trước mặt có tiếng hát. Tiếng hát khi xa khi gần, nhịp theo bước chân, bước cao bước thấp của người xuống dốc. Đến gần, tưởng ai, hóa ra Pảo. Nom Pảo đã khác hẳn con người năm ô m trên mảnh ván hôm nọ. Chân đau chỉ còn hơi tập tễnh một tý. Pảo hạ cái nỏ trên vai xuống, cười, trở một người đang đi cùng:

- Đây là đồng chí Hoàng, cán bộ người họ Dao ta.

Hoàng mặc quần tây, áo sơ mi dạ xám dài tay. Trạc tuổi ba mươi, vóc người vạm vỡ. Tư đã thường được nghe bà con làng Mán ở Pá Pá u nói đến một vẻ quý báu lắm về cán bộ Hoàng, cũng người Mán, quê trên Kim Mã. Vừa gặp Tư, Hoàng đã hỏi:

- Đồng chí có tài liệu mới về tình hình thế giới cho tôi biết với.

Rô`i rút ngay sỏ tay, bút máy ra.

- Tình hình thế` giới thì Giải phóng quân Trung Hoa vẫn tiến mạnh xuống Hoa Nam, gần tới biên giới ta rô`i. Pháp mượn đường thắ`ng Tưởng Giới Thạch theo đường Tà Lùng vào chiếm Cao Bắ`ng, muố`n bao vây biên giới mình.

- Thế` à?

Rô`i Hoàng cười:

- Thắ`ng Pháp dố`t quá. Thế` là tôi lại thêm tài liệu mới đi nói chuyện.

Rô`i Hoàng bắ`t tay Tư. Hoàng xuống dố`c. Một mình Páo đứng lại. Tư hỏi:

- Páo đi đâu?

- Tôi đi bắ`n con chuột cắ`n trộm thóc rầy.

Tư cũng theo Páo vào rầy đơi Páo bắ`n chuột, rô`i cùng về`. Đến nhà, thắ`y cô Liễu đã khỏe, ngô`i trước cửa thêu đầ`u thắ`t lưng. Nhìn Tư, Liễu đứng lên, cắ`t túi kim chỉ, rô`i lắ`y cái chổi tre lạch cạch quét nhà. Con Pú, thắ`ng Lý, hai con đồ`ng chí Minh, không biế`t ở đâu ra, đương thò đầ`u nhòm vào trong nhà. Mặt và tay đừa nào cũng đã vừa rửa trắ`ng bóng. Thắ`ng bé con đồ`ng chí Quân thì mặc áo dài, đến ngô`i nghiêm chỉnh lên mảnh ván đồ`ng chí Páo vẫn nắ`m, nghề`ch mắ`t nhìn Tư, như khoe cho biế`t là mình không ngô`i bệt xuống đấ`t như mọi khi đâu. Đố`i với Tư, lũ trẻ không lạ nữa. Lại còn thân hơn và nghe những điề`u Tư bảo. Mỗi khi Tư lên nhà, dù rét đến đâu, con Pú cũng rô`i

rít dắ t em ra máng nước cọ mặt, cọ chân, cọ tay. Cô Liễu thì quét nhà, chít lại khăn, phủi bụi áo.

Liễu quét nhà xong, đặt siêu nước lên bếp rồi ra cây ổi hái lá ổi vào “làm chè”. Tiếng hát nhịp nhàng đưa vào: “ *Vì nước ta phải giặc Tây xâm chiế m...*”

- Cô Liễu học được bài hát mới ở đâu thế ?

- Ông chí Hoàng, cán bộ người họ Mán ta dạy cho em biết.

Càng về` chiề`u càng lạnh tê. Trên núi, con sơn dương kêu kít kít. Mỗi năm, khi sơn dương về` tránh rét đầ u núi thì trời càng trở lạnh thêm. Người ta xúm xít quanh lửa. Những buổi tối i có Tư lên cả làng tụ tập vào bếp lửa nhà Chân. Bây giờ Tư lại mới được biết thêm là Chân ngày trước là y em gái Quân. Nhưng vợ Chân ốm, chết năm ngoái, để lại con bé mới được mười tháng vẫn ngoẹo ngo trên lưng bà già, mẹ Chân. Cả nhà trước ở Píc Cáy, bị Tây đồn ở Chợ Rã lên đồn xuống bắt ở chân núi. Đến Tổng khởi nghĩa mới bỏ được mà về` ở Pá Pầ u. Minh thì trước cũng ở Píc Cáy. Nhưng ở Píc Cáy ho luôn, sốt luôn, “cái ma” nó thổi cho bụng mỗi ngày một to, không làm gì nên ăn, phải đem vợ con sang Pá Pầ u. Nhà ông chí Quân cũng đến Pá Pầ u. Từ đầ y, Pá Pầ u thành làng.

Không cứ gì Tư nói chuyện hay không, Tư đến thì trong nhà nhộn nhịp, ríu rít. Trẻ con thi nhau hát bài *Bắ c Sơn* . Chúng nó thuộc lòng cả quyển *Vầ n quồ c ngữ* , dù chưa đưa nào biết chữ, chưa đưa nào nói tiếng xuôi được. Tư thường

kể chuyện thủ đô Hà Nội cho mọi người nghe. Hà Nội là thủ đô nước ta. Hà Nội cũng có nhà gác như nhà sàn, nhưng ba, bốn năm tầng, mà nhà nhiều hơn cả cây trong rừng ấy. Ban đêm đèn điện mọc ra lắm bintang sao trên trời. Đê quốc bắt ta ra thuê, thuê nuôi con chó, thuê nước uống, thuê nhà ở, thuê đường, thuê đi ỉa. Nhưng đến khi có cách mạng về thủ đô, thì dân ta khỏi khổ lại được tự do mà đê quốc thì sợ ta lắm.

Kể đến những đoạn lạ thường “đèn điện nhiều bintang sao trên trời”, “đê quốc bắt ra thuê nuôi chó, thuê nước uống, thuê đường đi...” thì mọi người cùng kêu: “A lúi! A lúi!” kéo dài, ngân ngừ, ngơ ngác. Đến chỗ “cái năm Cụ Hồ về Thủ đô thì dân ta được tự do và đê quốc sợ ta”, thì Pảo kêu: “Húi dà!...”. Chân đang dậm chân vào chậu nước nóng, ngẩng lên cười:

- Bao giờ hoàn toàn, cụ Hồ lại về Hà Nội, tôi mua bộ quần áo tốt mặc về đi chơi với đồng chí Tư.

Pảo giơ tay ngập ngượng, nói hẳn một câu tiếng Kinh:

- Tôi cũng về Hà Nội với anh em!

Cô Liễu thì cười, nói:

- Ngày nào hoàn toàn, anh Tư cũng cho em về chơi với.

Đêm trên núi cao, gió hun hút hú lên. Con sơn dương kêu kin kít, rét lắm. Mấy đứa bé ở truông đã ngủ co hai đầu gối rúc vào bụng mẹ. Tư nằm trên gác bếp, không thể chợp mắt được. Tư xuống ngồi dựa vào vách trước bếp tro

còn ấm, mắt gà gà. Con sơn dương kít kít, khấc khấc ghê lạnh như tiếng gió hú. Trong nhà, vang tiếng thở phì phò, mệt nhọc và tiếng ho thúng thắng. Chắc đâu ai đã ngủ được. Bỗng Tư nghe tiếng thổi lửa phù phù. Tư choàng mắt. Bà ké ẵm đứa bé, đã đến ngò i thổi lửa trước mặt, từ lúc nào.

- Rét lắm, đồ ng chí Tư à.

- Rét lắm.

Ánh than hồ ng lên khuôn mặt gồ ghề, rấn chấc, soi rõ hai cửa tay áo dài bà già đã rách bợt lượp tượp. Năm nay bà sáu mươi mốt tuổi. Tư lan man nghĩ đến những chuyện lật vạt ban ngày, những cái con con mà cảm động. Thấy Tư đến thì quét nhà, rửa mặt, tồ i đi ngủ trẻ con rửa chân cẩn thận. Bà già lấ y rau cải ngoài rừng về, vò rửa rồi mới bỏ vào chảo. Com xong thì uớng nước nóng, không làm ngum nước lã như mọi khi. Thích hỏi, thích đọc báo. Tư tưởng tượng sau này một anh Chấ n, một anh Pảo, cứng cỏi, lành lặn, khỏe như cán bộ Hoàng, đương đi tung tăng giữa phố đông... Tư nghĩ liên miên đến cách mạng tới với các làng Mán.

Bà già về giường ngủ. Nhưng lúc sau, đứa bé ọ ọe khóc, bà lại ra thổi lửa. Và chồc chồc lại có người dậy, ra thổi lửa, ngò i hơ tay một chồc, lại ngủ, ngủ một chồc, không ngủ được, lại ra thổi lửa, hơ tay, hơ lưng. Rồi hai con gà trong chuồng dưới chân giường đã đập đập vỗ cánh, te te gáy. Rét quá. Tư cũng chưa ngủ được một giấc nào. Nhưng Tư vẫn chấ p nồ i hình dung một ngày kia Pảo đi công tác, đồ ng chí cán bộ Pảo.

Sang đầu tháng Giêng, các làng Thổ dưới chân núi còn thong thả thì các làng Mán trên núi đã bắt đầu phát rẫy tra ngô. Nhà nào, năm nào cũng lo thiếu ăn, càng phải đi làm sớm. Tư lên thì gặp Pảo một hôm cuối tháng. Tư thực hiện cái ý nghĩ của mình đêm ấy là đưa Pảo đi công tác, Pảo nói:

- Tôi muốn được đi với đồng chí, với đoàn thể để được giỏi, được như cán bộ Hoàng người họ Mán ta. Nhưng tôi đi thì ở nhà người già làm không đủ ăn.

Pảo không đi.

Được ít lâu, Tư có việc đi từ bên kia triền núi, qua đèo xuống Nà Lộc. Về tới Pá Pâu, ghé lại ngủ đêm ở đây. Khi qua hết bụi sa nhân, bụi cây nát, trèo lên đứng dưới góc mạn, Tư thấy cái nhà đã tuồng hết vách nứa. Cả giường đồng chí Minh, con trâu đã giãm đổ. Cái bếp nhà Chân mà Tư vẫn nếm, đổ sụp xuống. Những máng nước gãy, tan tác mỗi nơi một mảnh. Làng Pá Pâu đi đâu? Tư không biết. Sự bí mật lạnh lẽo, bản tính của người Mán, cũng chẳng khác gì triền núi Phia Bióc bí mật hoang dại. Không biết họ đi đâu, nhưng Tư có thể đoán được là ở Pá Pâu, nương rẫy làm vài năm đã hết màu, cây hái không tốt, không đủ ăn nữa, người ta lại phải kéo nhau đi tìm đất mới.

III.

Một hôm, Tư về xã khai hội bầu lại Việt Minh và ban chấp hành các giới cứu quốc trong xã. Tư vừa lên thang

nhà chủ nhiệm thì một người xô ra:

- Đờng chí Tư!

Tư reo to:

- A Chấn, đờng chí về hội à?

Chấn mặc áo sơ mi, quần soóc vàng, đeo túi xách cốt như cán bộ Hoàng. Nhưng Chấn gầy hơn mọi khi. Hai gò má nhô cao càng thõa thêm cái môi dưới. Vẻ mặt nhọc như vừa mới sốt xong, sắc mặt nhợt xám còn in vết những buổi trưa nắng gò lưng trên rẫy lúa, rẫy đậu.

Tư ngắ m nghĩa, vuốt áo, xem mũ, rồi nắm chặt hai cánh tay Chấn:

- Quần áo tốt đây. Hoàn toàn thì về Hà Nội nhé.

- Hoàn toàn thì thế nào cũng về Hà Nội thôi.

Hai người cùng cười. Tư hỏi cả làng đã đi đâu, Chấn trả lời rằng nương rẫy ở Pá Pâu, Vàng Kheo, Píc Cáy làm nhiều năm rồi, người ăn hết màu của nó rồi. Phải đi đốt rẫy mới bên Khuổi Buôn. Chấn nói:

- Việc làm ăn phải đi xa, nhưng mà không bao giờ ta bỏ anh em đâu. Tôi được giầy gọi khai hội, tôi về ngay đây.

Tư hỏi Chấn mua cái túi xách cốt bao giờ. Chấn nói mới mua ở chợ Lèng. Tư đoán:

- Chấn mới đi dự lớp huấn luyện cán bộ tỉnh?

- Không, chỉ có Pảo đi, Pảo đi rồi mua xác cốt ở chợ Lèng đây.

- Pảo đi dự lớp về hội à?

- Về rồi lại đi nữa.

- Đi đâu?

- Pảo đi bộ đội võ trang tuyên truyền.

Pảo đi bộ đội võ trang tuyên truyền rồi. Đội võ trang ấy của trung đoàn 72, đại đội trưởng Hoàng phụ trách. Tư nhớ lại một chuyện đau xót hai tháng trước, đội võ trang về qua rừng Kim Mã, Hoàng tạt vào thăm nhà, bị phục kích. Hoàng đã hy sinh.

- Thế ra đồng chí Pảo đi bộ đội võ trang.

- Pảo đi võ trang rồi. Nó báo thù thằng Tây cho đồng chí Hoàng.

Nhớ lại đầu mùa đông năm ngoái, cái đêm bên bếp lửa mà thầy tào Triệu Văn Hương kể chuyện bởi tào Lường nuôi cách mạng đã bị Tây giết. Về mặt Pảo rất cảm tức, bây giờ chỗ vết gấu vô còn đau mà Pảo cứ ngời dậy, Pảo nói to: “Tao nhớ cái thù mày giết tào Lường...” Thế là Pảo đã đi võ trang, đi để báo thù...

[1] Bài hát “Hô hào đồng bào tỉnh Bắc Cạn” bằng tiếng Tày của đội Tuyên truyền Hồng Phong trong Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân năm 1943.

Du kích huyện

Eng vừa ra khỏi Khuổi Phai thì trông thấy mười một cái tàu bay lên phía trên. Nó muốn đi nhảy dù ở đâu, Ngăn Sơn hay Cao Bắ`ng? Trưa hôm qua, ở Khuổi Phai, Eng được tin Tây mới nhảy dù xuống Bắ`c Cạn. Eng phải vội vã về` ngay, Eng đương là du kích huyện.

Mười một cái tàu bay vù vù qua rồ`i. Chưa thấy gì lạ. Dưới đồng, lúa đang chín. Có làng đã gặt. Về` gần tới làng thì được tin Pháp đã đánh lên chợ Phủ. Làng vắng lắ`m. Gà con nhà ai kêu chiêm chiêm dưới chân cột. Tiếng mõ trâu đặc quen thuộc mọi khi không còn nữa. Trâu bò lợn gà đã đuổi lên rừng cả, trong nhà không có người. Cả quần áo, giường thờ, nồ`i, kiề`ng cũng đã dọn đi sạch trơn. Thế` là lại làm “vườn không nhà trống” rồ`i. Eng nhớ năm trước cả làng đã vào rừng chạy Nhật giữa những đêm gió rét. Bây giờ, vẫn quen lổ`i năm trước, Eng đi.

Eng xách túi, đeo lên vai, đi qua một cánh ruộng, trèo ngược một thác nước đổ ào ào rồ`i tạt vào một khoảng rừng thưa. Ba, bốn cái lán mới đã mọc lên dưới gốc cây, một mái tựa vào tảng đá. Cái nào cũng lụp xụp lợp lá chuối`i, kè kè bên cạnh một chuồ`ng lợn. Trong chuồ`ng, lợn rít in in. Trong lán, trẻ con khóc he he. Gần đây, hai con bò đốm cỏ đương khóc mò mò.

Eng về` lán của nhà ở tận cùng rừng. Bà ké Nhậm đương ngồ`i đeo má`y cái ổ`ng bương đựng nước. Eng bỏ túi xuống

sàn, cởi áo, ra đứng ngắm nghĩa xung quanh lán. Rồi Eng quay lại hỏi mẹ:

- Mẹ à, cái thuồng của nhà đâu?

Eng lấy thuồng ra đào cái lò đặt chảo nấu cơm cho lợn. Tôi hôm ấy đào lò xong, Eng ra làng ngủ, còn bó thêm được một bó đờ đặc trên bếp, để mai bà Nhậm ra khênh vào rừng. Sáng sớm, Eng phải về huyện tập trung với đội du kích huyện.

Bà kế Nhậm được năm người con. Páo lớn nhất, năm nay hơn ba mươi tuổi, làm ban Việt Minh xã. Từ hôm Pháp nhảy dù xuống tỉnh, về đóng chợ Phủ, ngày nào cũng có bộ đội, cán bộ, giao thông qua làng. Người thì tìm liên lạc. Người thì gọi giao thông. Người lấy gạo. Ai cũng hỏi Việt Minh Páo. Thành thử, Páo cứ đi công tác suốt ngày, cả đêm cũng còn rong đuốc đi. Cái Sam em Páo thì lấy chồng ở Khuổi Trang đã được hai con. Thằng Eng vừa đi hỏi vợ ở Khuổi Phai. Nó mới lên nhà vợ nó về. Bà định tháng Mười này gặt xong thì xin cưới. Nhưng bây giờ Tây nhảy dù, nó đi du kích huyện, biết bao giờ về. Thằng Tương, em nó, mười bốn tuổi đã làm đỡ được. Còn cái Hà mới biết thổi cơm. Bây giờ bà Nhậm và cô con gái út ấy phải ở lại lán trong rừng để đuổi bò, thổi cơm, trông con cho vợ Páo và quanh quẩn lo ăn cho hai con lợn. Cả nhà còn dọn nhà, dọn thóc ngoài làng và nghe Tây đến để chạy. Rồi mấy hôm liền, lại chạy nữa. Những con lợn to mỡ hay kêu và chảo lợn, cả xóm đã mang đi hết. Cả nhà sắp sẵn chăn áo, mỗi người đeo mấy cái túi. Họ leo qua quả núi - trời dần dần tối - lên tận những cái lều canh rẫy của người Mán. Bây giờ mới nghỉ lại mở ống

cơm lam ra ăn. Cả mấ'y làng, những đêm chạy giặc á'y đê'u ở trên núi giữa rừng sương. Có nhà ngô'i ngủ ngay dưới gô'c cây. Không dám đố't lửa, sợ lính Pháp ngoài chợ Phủ trông thấ'y. Đạn moóc-chi-ê của chúng nó véo qua, vật vào rừng réo lên ừng ừng. Các cụ già trẻ con sợ moóc-chi-ê, sợ nhấ't moóc-chi-ê. Ngày trước Nhật không bắ'n súng to, không bắ'n nhiê'u thê' này. Các lán ở ngoài gầ'n bờ suô'i đê'u dờ đi, dọn sâu vào nữa. Có những nhà vào làm lán tận trong rừng tre ẩn tồ'i gầ'n hang Tắ'c Ngoèm, xa hơn cả chỗ năm trước chạy Nhật.

Ai cũng mong bộ đội. Chưa thấ'y bộ đội đê'n.

Rồ'i một buổi kia, bộ đội tới. Bộ đội không ở trong rừng, bộ đội đóng ngay các nhà trố'ng trong làng. Dân làng tíu tíu quẩ'y gạo ra cho và xem bộ đội.

Đã lâu mới lại đượ'c thấ'y bộ đội đông như thê'. Năm trước còn kháng Nhật, bộ đội ông Trung Lâm có hai người Tây là đờ'ng chí Đờ'ng Tâm và đờ'ng chí Bác Ái cùng đi đánh Nhật, cũng chưa đông bằ'ng. Trẻ con kéo ra đầ'y làng. Các chị vác hàng chực bó củi to. Người ta quẩ'y về' mấ'y cái chảo đạ'i, bắ'c bẻ'p thổi cơm ngay giữa lố'i đi. Khói bô'c xanh cả làng. Người nói chuyện uôm uôm. Dường như không để ý thắ'ng Tây vẫn còn đóng ở chợ Phủ, cách làng có một dãy đờ'i. Bộ đội thì nằ'm, ngô'i trên các nhà sàn, bỏ trố'ng hớ'c cả bô'n vách. Họ sưởi trước nồ'i cơm và chuyện với các cụ già, mấ'y chị và từng tồ'p trẻ em. Súng dựng xung quanh vách. Ba lô treo lưng lẩng khắ'p xó. Các đờ'ng chí xoa đầ'u em bé:

- Không sợ nó đầ'u, nè!

- Nó lấ'y mấ't của nhà em ba mươi cum thóc à? Anh sẽ chọc cái bụng nó cho lòi thóc của nhà em ra.

Một đờ'ng chí giơ' sún'g:

- Thắ'ng Pháp? ... Bờ'm... Bờ'm ... Chắ't bỏ mẹ nó.

Lũ trẻ cười thích lắ'm. Hôm sau, các chị ra phơi thóc, xuố'ng suố'i giặt không phải trèo lên đờ'i trông trước ra cánh đờ'ng nữa. Có bộ đội đứng gác đầ'u núi rờ'i. Ai gặp nhau cũng khoe:

- Bộ đội đã về' đề'n.

Các lán trong rừng thắ'p thỏm đợi nghe sún'g.

Bộ đội đi phục kích một buổi sáng, gặp một toán Pháp và xe ô tô. Chúng dắ't theo cả một đàn trâu vừa trộm được của các làng dọc đường. Bộ đội nắ'p trên núi, nổ ba loạt sún'g vào toán dắ't trâu đi sau. Trâu bờ'n lung tung. Chúng nó khuân mườ'i mấ'y thắ'ng chắ't lên ô tô. Rờ'i đố't làng Phiêng Phườ'ng.

Eng đi công tác, về' qua Phiêng Phườ'ng. Những đám than nhà cháy còn nóng hỏ'i. Vào làng, nhìn lên đỉnh đờ'i trơ' vơ' không bóng người gác. Vào tận mấi suố'i vẫn chưa gặp ai. Eng tìm về' lán của nhà. Lầ'n này về' khác lầ'n trước, phải trèo lên tận đỉnh Pù Cút, lại xuố'ng qua một cái thung lũng sâu tớ'i om om toàn tre và mai. Nhà mới chuyển lán vào đây. Cái lò đắ't đươ'ng nghi ngút khói lên quanh chảo lợn đầ'y tú'ụ bẹ' chuố'i. Bà Nhậ'm ngắ'ng đầ'u lên nhìn Eng rờ'i lại cúi xuố'ng tỳ con dao dài trên thân cây chuố'i trắ'ng

nõn, thái xuông sần sạt. Trong lán, vợ Pảo đương lắ p cái khung cửi vải. Eng treo túi lên cột, bảo Pảo:

- Thằ ng Pháp nó luồ n vào thì chề t hề t. Du kích bỏ canh gác thề mà không biề t phê bình nó.

Rồ i Eng lại cởi áo, lắ y thuồng ra đào sửa cái bê p lộn. Buồi tồ i, bà Nhậm bảo Eng:

- Tháng này thì tao đi lắ y vợ về cho may. Nhà còn có ít thóc nế p, mai tìm thêm vài chục ổ ng nữa làm rượu.

Eng không nói gì.

Được tin Eng về, hôm sau, có đồng trai làng đế n gặp Eng để bàn về việc du kích xã. Họ hỏi vào lán:

- Eng có nhà không?

- Nó đi rồ i.

- Sao đi ngay thề?

Bà Nhậm tầ n ngầ n nói:

- Muồ n giữ nó lại để lắ y vợ về cho nó mà không được. Nó bảo bộ đội đương lên Pắ c Nậm đánh thổ phi Lìn cho nó khỏi tràn xuông cướp cái Tề t. Nó lại đi rồ i, nó bảo chắ c Tề t cũng chưa về.

Bà già rơm róm khóc. Sắ p Tề t rồ i.

*

* *

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Năm thứ tư vừa về` đến

Đình Hội cũ đã qua theo mùa đông

Tiền cũ, đón mới xuông Mậu Tý

Dù đương đánh nhau to với Tây

Nhưng xóm làng ta vẫn được vững

Chúc bộ đội đánh giặc thắ ng trận

Chúc đô`ng bào ở yên Tề t xuân.

(Bài thơ chúc Tề t 1947 bắ ng tiế ng Tày ở Bắ c Cạn)

Chắ ng còn mắ y ngày nữa thì đé n Tề t. Theo tục lệ kiềng đi hái củi ngày Tề t, nhữ ng bó củi to mà mọi người kiề m sẵn cho thắ ng Tề t đã dựng cả đầ u lán và rải rác trên các lồ i rừ ng. Buổi sáng, sương nặng hạt rơi buồ t như mưa nay [1]. Dưới thung, vườn mậ n nở hoa trắ ng tinh. Các ông ké ngồ i lán trên mỏ m núi mở tờ giắ y mán ra chép lịch mới. Thỉnh thoảng, tiế ng moóc-chi-ê xa xa phía chợ Phủ đội đé n, lị m vào sương mờ và rừ ng hoa mậ n trắ ng xóa. Năm nay hắ n ắ n Tề t trong rừ ng.

Đoàn thể phụ nữ xã bậ n lắ m. Kề t quả quyề n gó p Mùa Đông Khắ ng Chiề n đượ c hơn một nghìn bạc, ba mươi sắ vải, năm áo trắ n thủ và bớ n đôi giầy. Chị Nhiề u, chị Vải, chị Quế, nhiề u chị nữa lại đi khắ p các bản hô hào mọi nhà giắ

gạo làm bánh biêu Tết bộ đội. Các chị quảy gánh bánh, vải, giầy và đem tiển lên huyện.

Mấy anh trai làng đi phá hoại ngoài đường đá vể gặp, bảo nhau:

- Chồng nó đi du kích nên nó mới hăng hái thế!

Họ nói, cốt cho các chị nghe tiếng. Rồi họ cười. Các chị cũng cười. Kể ra thì từ xưa nay chị Nhiều cũng đã hăng hái, hăng hái học chữ cũng như công tác. Chứ không phải vì ai. Song thật lòng thì mấy hôm rồi quảy gánh gạo lên huyện cũng có ý muốn được thấy mặt Eng một tý. Vì tháng Mười Eng lên Khuổi Phai chơi, khi thắng Pháp vừa nhảy dù xuống tỉnh, đóng chợ Phủ, từ lầnn ấy tới giờ Nhiều chưa thấy mặt Eng.

Nhưng du kích huyện đi Pắ c Nặm chưa về.

Các chị giao quà bánh rồi trở lại, ngồỉ nghỉ trên bờ suối. Chị Vải lấy hộp trầu cau trong thắ t lưng ra, nói đùa chị Nhiều:

- Ăn trầu đi, đừng khóc. Đểnn Tết thì nó về.

Rồi Tết đểnn. Mọi nhà trong làng dựng lên đầu lán một cành tre buộc cái hoa chuồỉ rừng đỏ chói. Người ta xuống suối làm thịt lợn. Nhà khá ăn cả con, nhà nghèo thì hai ba nhà chung nhau mổ. Năm nay chỉ có một đầm còn ở một khoảng ruộng gầnn rừng. (Năm ngoái thì quả còn bay khắ p đờng như bướm bướm). Quả còn đuồi tím, đuồi đỏ, nhíp nhàng lượn bên trai sang bên gái, bên gái về bên trai.

Những tà áo, những thắt lưng, những nẹp váy chàm tím ngắt, tung tăng. Những miệng nhai trầu chúm chím đỏ. Những con mắt đung đưa. Các chị Nhiêu, chị Quê, chị Vải, tất cả có mặt ở đám còn, không tung cũng đứng vào đám.

Bốn ngày Tết đương qua, đám còn mỗi hôm mỗi nhạt. Cũng chưa thấy Eng về. Mãi đến hôm đi xem kịch của thông tin về diễn, cũng không thấy Eng. Tan kịch. Ông trăng mừng mười vừa lên lơ lửng đầu núi, ánh trăng rét ngọt. Dòng suối mờ mờ giữa những tảng đen sẫm. Trai gái làng còn nhớ năm trước tan kịch cũng trăng rét ngọt như thế này. Thế nào cũng có người kín đáo đợi nhau ở đầu bản, tặng nhau chiếc khăn mặt, con dao díp, cái hộp trầu và đưa quần áo đổi cho nhau giữ làm kỷ niệm. Ông giăng mừng mười lơ lửng trên đầu núi. Các bó đóm lập lòe về lán trong rừng. Chị Vải ôm vai chị Nhiêu, nói nhỏ:

- Mà bạn không nên đâu. Ngày nào độc lập thì nó về mà.

Hai cô rúc rích cười. Mà cô đi sau hỏi:

- Hai đứa cười cái gì?

Nhiêu đương nhìn đám đuốc đi trước. Tưởng như đây là người ở Pắc Nặm về, bộ đội đánh tan thổ phi đã về, các làng vác đuốc đi đón. Nhiêu vẫn cười, quên trả lời các cô bạn đi sau.

*

* *

Cũng trong mấy ngày Tết ấy thì các đội du kích của huyện đã đi từ vùng thỏ phi về huyện. Về để dự kịp ngày thành lập đội du kích Ba Bể. Và Eng đã trở thành hội viên của một đội du kích. Chính buổi chiều ở Nà Lộc, Khuổi Phai diễn kịch, ở huyện làm lễ thành lập đội du kích Ba Bể. Bên kia, đồi cỏ tranh lơ xô. Sau lưng, triền núi Cứu Quốc vươn lên như một cánh tay áo chàm bát ngát. Giữa bãi cỏ, ba trung đội du kích đứng dưới cột cờ, trước mặt các đại biểu chính quyền, đoàn thể, nhân dân các dân tộc khắp huyện. Có cả mấy cụ già người Mán Tiên, ngày trước nuôi cách mạng nhiều lắm, mới ở Ngân Sơn xuống. Một cụ mặc áo chàm rộng, khuy tết, búi tóc to trĩu sau gáy, đứng ra trước bàn thờ Tổ quốc nói hoan hô đội du kích. Đứng bên cạnh Eng là hai người Mán Đỏ: Bàn Đình Lợi, Sầm Tiến Thành vừa vào du kích, cứ nghênh mặt nhìn ông già Mán Tiên. Tất cả chào lá cờ từ từ kéo lên. Thế là đội du kích Ba Bể ra đời - đội du kích mang tên hồ Ba Bể lịch sử của huyện Chợ Rã.

Rồi một buổi sáng, không kịp nghỉ ăn Tết nữa, đội du kích qua hồ Ba Bể, cùng đại đội 132 trèo núi Ca Chá p lên đánh đồn Nà Phạc. Tiểu đội phó Eng chỉ huy một tiểu đội.

Trời trắng sương. Cũng cái trắng sương của những đêm mùa xuân diễn kịch, đàn hát ngọt ngào của các làng, các bản đang ăn Tết. Mưa bụi lớt phớt trên mũi, lạnh buốt như gai hạt dẻ. Mưa vẫn lâm râm, con chim khảm khác kêu đôi nhau, tiếng buồn thấm chìm vào nước mưa. Đồn Nà Phạc mờ mờ trên ba quả đồi trước mặt.

Mọi người đào công sự làm chỗ nấp. Đào bằng dao, cứ ngò i ôm súng đợi mượn dao. Khoét, móc đất cùng một lúc,

Eng ngồ i thử vào, vẫn thấ y chồ m hỏm. Đấ t đố c quá, không làm thề nào hơn đượ c, bực mình, Eng cắ m dao vào vỏ. Rồ i cũn g vác súng, nghĩ vắn vợ, loãn quẩ ng, nhớ đắ m còn ngày Tề t ở làng năm trước.

Mưa độn g ở giọt lá, rỏ tí tách xuồ ng, ẩ m cả túi, cả chắ n trên lưng. Bỗn g một loạt “đòm đòm” xắ sang quả đồ i im lặ ng. Du kích đã khai hỏa? Eng bắ t người lên, ghé ch súng bắ n liên tiế p vào nhữn g lỗ lử a trước mặt. Trong đồ i, liên thanh phóng ra, rề o rề o trên đầ u như rắ n mỡ. Đạn moóc-chi-ê cầ y đấ t tung miệ n g, lắ p mặt. Lắ n sáng đạn lử a rề n rẹt xé ngang xé dọc. Quả pháo hoa cà hoa cái lơ lửn g rơi xuồ ng đồ i, rơi xuồ ng lưng áo của Eng. Eng phải nghiề n g mặt lên thồ i cho nó tắ t sang chổ khác rồ i lại cú i xuồ ng bắ n.

Cho tới khi nghe một hồ i kèn xé lên: tồ te... tồ te... Eng báo hiệu cho tiể u đố i bò xuồ ng, rút về . Nhiệ m vụ bắ n nghi binh cho xung kích vào đờ n của tiể u đố i, đã làm xong.

Hôm sau, kiể m điể m, Eng nói:

- Tôi chắ n g rút đượ c kinh nghiệ m gì cả. Bớ trí phải chổ đố c, nó bắ n cho bỏ mẹ.

Nhưng trận ấ y ta đắ n g vớ đượ c hai lô cô t đờ n Na Phạ c. Rồ i bộ đố i về đón g ở gầ n chợ So, cho dễ tiế p tề . Và bắ y giờ mới đượ c ă n Tề t. Chợ So, năm hôm một phiề n, đôn g lắ m, bắ n g chợ Phủ ngày trước. Đôn g nhắ t là bộ đố i. Bộ đố i ở đầ u mà kéo ra nhiề u thề . Trong hàng phở, má y cái chỏ m mũ ca lô cú i trên bát, và soàn soạt, nhữn g đầ u ruồ i

súng giáp năm, giáp ba thò lên ngó ngoáy trên gáy. Người ta vào các hàng thuốc lào, thuốc lá, xúm xít như tổ ong mùa hè. Các nhà bếp hỏa thực ôm, đội những thúng cà chua, rau muống, rau cải, lại lễ mễ đeo từng xâu lạt buộc thịt lợn. Có một đám các chị ở bản Hon, bản Là xuống chợ bán mật, gặp anh bộ đội quen, cứ hỏi mãi: Bao giờ các đồng chí lên? Có lên nữa không? Lên thì để giã gạo trước, lại phải mua chỉ sắn vá quần áo, khâu giày, khâu ba lô cho.

Một chú bé ở bản Là tóm cái quai túi xách cốp của Eng, rủ Eng cùng về. Các chị bản Là đứng gần đây cứ đảo mắt nhìn sang, khúc khích cười. Eng biết các chị ấy đùa mình, xui chú bé ra kéo “đồng chí Eng về bản Là ăn Tết, bản Là vẫn còn Tết vui lắm đây”.

Bỗng nhiên, Eng quay lại nhìn thầy Nhiêu và Vải đang khoác tay nhau trước một lều hàng xén. Không hiểu hai người đã nhìn rõ Eng chưa. Eng vội chạy về phía ấy, làm cho các chị bản Là đang cười đột nhiên im hẳn, nhìn theo Eng. Eng háp háp hỏi trệch:

- Vải đi chợ đây à?

- A lúi [2].

Cô Nhiêu vừa ngẩng trông lên, Eng đã đến trước mặt. Dưới cái mũ ca lô xanh, mặt Eng rúm đỏ. Eng khỏe mạnh, đôi mắt Eng vẫn lừ đừ như mọi khi. Cái dây da chéo ngang ngực áo đeo chiếc xách cốp, trông Eng đẹp chẳng khác cán bộ đi công tác.

Eng hỏi thăm làng Tết có vui không? Làng đã cày chưa? Thằng Pháp lâu nay có đánh vào lán nào nữa không? Hôm Tết, đi diệt thổ phỉ về, chúng tôi cũng nhận được bánh của ban phụ nữ huyện gửi cho. Những ai quảy gánh lên huyện thế? Cô Nhiêu cứ im lặng, hai tay vân vê vành nón, thỉnh thoảng lại kéo kéo cái mép áo trắng bịt tà và ngẩng lên. Đôi mắt đen lung linh, cặp má phính hây hây đỏ ửng dằng nhìn Eng từng lúc lâu.

Chợ dần dần vắng. Hai chị em ra về. Eng đi cùng hai người một quãng đến bờ suối thì rẽ. Eng nói ngoài lại:

- Về làm nhiêu “vườn kháng chiến” cho bộ đội đi qua có rau xanh ăn nhé. Bây giờ giống rau bí, rau bao được rồi.

Eng nhìn theo hai cái nón trắng trắng khuất trong rừng. Cứ tà ngẩn nhìn như tiếc giặc chiêm bao. Eng về, anh em hỏi:

- Đi chợ có gặp vợ không?

Eng cười tít mắt, lấy gói thuốc lá sợi trong túi xách cốt ra cho cả bọn cùng hút.

Vài hôm sau, đã đến tai bà kế Nhậm cái câu Eng đã nói với Nhiêu ở chợ So. Cô Nhiêu đã từ Khuổi Phai sang chơi với bà Nhậm, kể chuyện gặp Eng cho bà Nhậm nghe. Bà Nhậm thở dài:

- Chúng nó đi cả, còn có người già ở nhà khó nhọc lắm. Tao muốn lấy mày về làm dâu nhà tao.

Buổi tối, bà Nhậm bảo anh Páo:

- Mày viết cái giấy gửi thằng Eng gọi nó về cưới vợ cho tao được dâu về làm.

Pảo gắ t:

- Biế t nó ở đâu mà viết!

- Cái Nhiề u vừa gặp nó ở chợ So. Nhà cũng còn thóc nếp, mai tao đi tìm thêm vài chực ó ng nữa về làm rượu cưới.

- Biế t nó nghĩ thế nào? Thôi mặc kệ nó!

- Chúng mày đi cả, năm nay ai làm cho đủ ăn được!

Bà Nhậm không nói nữa. Bà nghĩ đến cô con gái lầy chông ở Khuổi Trang. Bà muôn đi bàn chuyện với con gái. Bây giờ đã sang tháng Ba, vừa qua Tết tảo mộ. Nghe tin ở Khuổi Trang, bà Nhậm càng nhớ vợ chông nó. Khuổi Trang cũng gần chợ Phủ. Từ năm ngoái, Pháp đã vào đốt hết cả làng Khuổi Trang, rồi lại thường vào bắt trâu, bắt lợn luôn. Mà sao vẫn chưa thấy chúng nó tản cư sang đây. Nhà đang thiếu người làm bà càng mong. Chị Sam đã hẹn lên mà không thấy tin tức.

Một ngày kia, bà Nhậm sắm sửa túi “lam” hai ó ng com nếp rồi đi Khuổi Trang thăm con gái. Ở Khuổi Trang đã bắt đầu làm mùa, sớm hơn cả Nà Lộc. Có nhà làm rẫy trên núi xong lại ra làm tận cánh đồng làng, có du kích đứng trên đồi gác Tây.

Vợ chông A Sam đã tra được mười ó ng ngô và cắt được những mười lăm cân dây khoai lang. Bây giờ đang làm rẫy

gạo bí mật trên núi. Bà Nhậm ở chơi với chàng rể và con gái hai ngày. Bà nói:

- Chúng nó đi công tác cả. Vợ chồng Pảo, con bé Hà chả làm được nên ăn. Chúng mày có lên ở với tao không?

Sam nói:

- Mé lầy dầy về cho nó làm. Chúng con ở làng này trông nom được. Bây giờ rời tay ra phải đánh Tây thì ở đâu cũng khó nhọc thế cả.

Về Nà Lộc, lần này, bà Nhậm lại bảo Pảo:

- Mày viết cái giấy cho thằng Eng.

Lần này Pảo viết. Nửa tháng sau, làng Nà Lộc có một đám cưới ở trong lán: Anh Eng ở Nà Lộc lấy chị Nhiêu bên Khuổi Phai. Cưới xong được ba ngày, Eng lại trở về đơn vị bây giờ vẫn còn đóng gôn chợ Phủ.

*

* *

Mưa tầm tã. Mưa trắng núi, trắng trời. Bộ đội từ bên kia đèo về làng. Họ đi dưới mưa như một dòng kiến bò vắt qua ruộng, qua rừng, qua đèo, về từ trưa, mãi tới chiều ngót mưa mới cạn người. Đông lắm, đóng chặt ních cả bốn xóm nhà bỏ hoang.

Người làng từ lán xuống, trông thấy toàn bộ đội quen. Đây là tiểu đoàn “mũ sắt” 39. Nào trung đội địa lôi. Nào đại

đội Ba-dô-ca trợ trợ tiế ng Trung bộ khó nghe. Tiểu đoàn 55, đem theo cả cái văn phòng lưu động có cái máy chữ nặng phải hai đội viên mới khênh nổi. Lại ban chỉ huy trung đoàn 72, có cả đội du kích Ba Bê.

Bộ đội và du kích vừa đánh trận phục kích ở chân đèo Giàng về`.

Nhà ông Ích thịt một con bò, không đủ bán. Bộ đội ở mặt trận về` ăn thịt như voi ăn kẹo. Có nhà giết thêm hai, ba con lợn mà cũng hết veo. Ủy ban làng tíu tíu gọi người gánh gạo ở các kho của bộ đội từ lán trong rừng ra. Các chị Vải, chị Nhiê`u, chị Quê, nhiê`u chị nữa, mỗi người vác ủng hộ bộ đội một bó củi ta đã kiế m sẵn, vẫn để ở nhà.

Một ông già ở lán xuô`ng thăm nhà, cứ đứng nhìn khói, rô`i nói:

- Nhà ta má`y tháng nay không được có khói, con mọt ăn hỏng hết cột, các bộ đội ạ.

Một anh nói tiế ng Bắ c Ninh, vừa đảo chảo thịt bò, vừa đáp chuyện cụ chủ nhà, đôi lúc lại pha lời má`y tiế ng Thổ:

- Bao giờ độc lập thì câ`n ké (người già) làm cái lườn (nhà) mới cải lai, cải lai (to lắ m, to lắ m), thế` có sướng không?

Ông già cười:

- Sướng chứ.

Eng cũng ở trong đám được về` qua lán. Đại đội cho về` nhà tô`i hôm á`y, Eng kể chuyện:

- Lưng đeo cách chỢ Phủ có nửa cây, ngay chỗ Nà Mầu ra. Đánh xong trèo lên núi trông xuống thấy bốn cái ô tô bò lên đem xác những thằ ng chệ t về ình.

- Đáng kiế p chưa!

Cả nhà vừa nghe chuyện, vừa làm. Bà Nhậm đưa con dao thái chuô i, sạt sạt. Vợ Pảo cho con bú. Cô Hả dọn cơm, ngả cái mâm gỗ rô i lấ y bát đũa ra. Chị Nhiề u ngô i, vấy xòa trước cửa bê p giữa lán xào một chảo rau cụt , ánh lửa hắng lên làm tròn thêm khuôn mặt. Từ khi về ình nhà chồ ng, Nhiề u đẩy ra. Anh Pảo thì vừa nghe chú em kể chuyện mặt trận, tay vẫn câ m quyền sỏ, vừa lằm nhằm tính sỏ tâm binh của làng.

Chỗ nào nghe thích chí lại vỗ quyền sỏ xuống chiế u, cười thật to, làm cho mọi người phải quay cả lại, nhìn hai anh em.

Sáng hôm sau, Eng trở dậy sớm. Đã nghe tiế ng vợ đương gọi trâu, tiế ng “cừa, cừa” trên núi xuống. Bà Nhậm lại đã ngô i thái chuô i sạt sạt đầ u lán. Ngoài kia, mưa vẫn tâ m tã trắ ng núi, trắ ng trời... Eng bắ c nô i đương sôi réo trên bê p xuống, lấ y ô ng nước vào pha, rửa mặt. Rô i Eng từ lán trong rừng trở ra ngoài làng, với đơn vị, lại đi. Lầ n này đi, bà Nhậm không dặn với theo nữa. Mà Eng cũng không nghĩ một điề u gì khác. Du kích tập trung của huyện, khi thì đi đánh giặc, khi thì qua nhà, về ình nhà, rô i lại đi, lại về ì.

Tiểu đoàn “mũ sắ t” 39. Đại đội Ba-dô-ca. Trung đội địa lôi. Ban chỉ huy trung đoàn 72. Tiểu đoàn 55, mà đi sau vẫn là văn phòng lưu động có cái máy chữ hai người khiêng lưng

lắng. Sau cùng là đại đội du kích Ba Bể. Tất cả lại tiếp tục hành quân. Họ đi dưới mưa, đoàn người như dòng kiến bò từ từ vắt qua ruộng, qua rừng, qua đèo...

1948

[1] Mưa nay: Mưa nhỏ ra tuyết mịn trên các đỉnh núi cao ở Việt Bắc.

[2] Một tiếng kêu tỏ dấu hiệu ngạc nhiên.

Đi dân công

Loa của các ủy nhiệm thôn đã gọi rờng rã suốt ba buổi. Cuộc mít tinh toàn xã tối hôm đó tổ chức ở chợ, giữa phiên chợ đông.

Phó chủ tịch xã Sin, Minh Thông, cán bộ huyện lên giải thích, kêu gọi đi dân công.

Ngoài đồng, lúa con gái đã ong óng, thơm từ mặt ruộng.

Ban xã làm việc suốt ngày ở trụ sở. Chỗ chỗ, tất cả lại giật mình nhẽn đầu chạy ra. Tưởng có hỏa tốc trên huyện về. Minh Thông với ba người khác, xoay quanh cái bàn, đọc, đếm, chép danh sách các thôn. Mỗi ngày một bên. Ngày nào cũng tưởng “hỏa tốc” về, càng lóng nhóng hơn.

Sin, một tệp giấy danh sách đặt trước mặt. Mỗi lúc rỗi mắt, rỗi óc quá phải đọc to từng tên. Đọc ba bốn lần vẫn chưa viết lên chữ, lại chầm mực, chầm mực. Rồi thừ người ra, nhìn trời âm u ngoài kia, lại nhớ ra hai đậu ngô phơi ngoài sân sà ở nhà mưa ướt tiệt cả. Mẹ Sin có về kịp không? Cứ loay hoay thế, không biết bao nhiêu lâu, cho tới lúc thoáng có tiếng người gọi nhau ngoài rờng: “Về ăn chiều vớ... chiều vớ!...”. Chiều lúc nào rỗi. Sin ngẩng đầu lên chợ thấy vắng sau lưng. Thì ra bọn Minh Thông “rút lui” đã lâu.

Bước khỏi trụ sở gặp ngay ông Siêu. Ông Siêu chố ng cái gậy đi đâu lặt đặt thế? Ông Siêu đứng sững lại. Như tình cờ gặp, ông Siêu kêu lên:

- Kìa đồ ñng chí!

Sin biế t thừa cái thóp ông Siêu. Có thể ông á y đã đứng đầu hàng buổi ngoài cửa đợi lúc nào ta đi ra. Á y là cái ló i lên hầ u quan nha thời đê ́ quố c vẫn hay to nhỏ một mình như thế ́. Ốc lão này chưa sạch đượ c. Lại chỉ việc dân công, biế t rô i, danh đống cọc vẫn chỉ việc á y.

Hai lâ n năm ngoái gánh gạo chiế n dịch thu đông, lão lờ đi, mặc dầ u có nhiề u người lớp tuổi như lão xung phong quẩ y, chở mắ ng, mắ i miế t hàng tháng. Lão vẫn còn ngượ ng.

- Ông Siêu đi đâu?

- Ra gặp đây. Định ra từ lúc nấ y, cứ vướ ng đuổ i con trâu về ́ mà lâu quá.

Sin hỏi thẳng:

- Cái việc đi dân công của ông á y à?

Ông Siêu hai tay xoa xoa cười lâ y lệ:

- Á y thế ́!

- Không nên đâu. Ông xem: cả ủy viên kháng chiế n, cả ban đặ c điề n, cả ủy nhiệm thôn, bí thư các giới cùng hế t. Người ta đượ ng tình nguyện â m â m cả làng đầ y.

Ông Siêu về ngược một bên ria:

- Tôi biế t, tôi biế t. Tôi biế t chứ. Nhưng mà lão ủy nhiệm thôn này nó thù tôi.

- Ủy nhiệm thôn làm theo thông tri cá p trên thoi.

- Cái này chưa biế t. Nói thì dài, để mai tôi lại chơi, đờ ng chí nghe hộ tôi câu chuyện, tôi tức lắ m.

Sin bực mình: “Tô i nay tôi khai hội. Mai tôi đi”. Nhưng ông Siêu nói vội: “Tôi đế n sớm. Tôi đế n sớm. Cứ nghe hộ tôi”. Cái gậy lão Siêu hạ xuô ng, bước lọc cọc, bước vội. Sin không quay lại nữa. Sin về nhà. Quả nhiên, hai đậu ngô vẫn lẩn lóc ngoài sân ướt mừng nước mưa. Hàng xóm cũng đê u đi ruộng đi rẫy vắ ng. Lúc mưa chỉ có má y đứa trẻ con chơi trong nhà, quên cá t ngô.

Bô Sin đi thoi cơm đợi vợ. Nô i cơm vắ n đặt xuô ng đờ ng than rô i, mẹ Sin mới về . Nghe tiế ng lạch xạch rửa chân ngoài thang, đã quen lệ, bô Sin nhắ c cái chào lên kiề ng. Mẹ Sin xách giỏ tép, cúi nghiêng người để thả ng Khơi trên lưng tuồ n xuô ng bên cạnh bô . Mẹ Sin đưa cho chồ ng cái giỏ - đượ c một mớ cá đòng đong. Sin khoắ ng cái chào, cặ n mớ còn lại kêu xèo xèo. Mẹ Sin cời thắ t lưng, cái áo dài còn ẩ m sệt nước mưa, hơ lên tràn bê p. Không ai nói. Mẹ Sin không hay nói. Bô Sin cũng chẳng má y khi trò chuyện với vợ. Lúc nào cũng bận công tác. Ngày trước, chồ ng cá y, phát nương, vợ thoi cơm, bắ t cá, trang thóc ở nhà, thì bây giờ, vợ làm chồ ng, việc làm ăn trong nhà, vợ đã làm thay hế t.

Khởi đề n ngò i trước mặt bô , nhìn chào cá rấn khan. Tội, lại con mọn. Lắ m lúc bô Sin thương vợ con lắ m. Bô Sin bỗng nói:

- Bẹ ướ t cả, mai nắ ng lại phơi lại, mà y ạ.

Mẹ Sin đang rửa bát, quay lại, muố n nói một câu, nhưng thắ y bô Sin đã đượ c cắ m củi chẻ đóm, biế t là bô Sin lại sắ p sửa đi. Cái câu định nói lại im.

Ánh đườ c của bô Sin đã xuố ng sau bụi chuồ i. Sin đề n họp với trung đội quân dân.

Sin ngò i ra giữa sàn. Anh nói về thi đua đi phục vụ tiề n tuyề n và tặng gia. Bây giờ lại đề n vụ chăm làm cỏ giữ nướ c, bón phân. Giồ ng lạc vụ sau ngay đi. Sửa soạn làm bẹ mùa thì vừa. Tặng gia và đi dân công phải đi đôi. Đượ c nói như thế , đột nhiên bô i hồ i thương mẹ Sin.

Hơn ba mươi khuôn mặt đen rám ngò i quay một vòng tròn rộng quanh ngọn nế n trám tuôn khói thơm hắ c, không một ai nhề ch mép, không một ai chớp mắ t. Rồ i một cái cúi đầ u xuố ng. Mệt, buồ n ngủ - có thể là lo lắ ng, mồi.

Bỗng góc nhà có tiế ng cá t to:

- Cho hỏi một câu.

Giọng đầ y hơi rượ u sắ n sỏ tiế p:

- Tôi hỏi rắ ng nói như thế chứ rồ i cứ đi hế t, không còn ai là ở nhà đâu, sang năm chề t đỏi thì ra thế nào?

Sin trả lời câu hỏi ấy của lão xã đoàn ngày trước. Vừa nói, anh vừa nhớ: xã đoàn có hai vợ, bảy tám con nhớn đã làm được. Vợ mình có biết cày rẫy bao giờ mà vụ chiêm này nó phải cày thêm một cái rẫy nữa. Bọn ngay xuong này muốn phá hỏng nên mới nói thế. Ờ ờ... Sin quay lại phía lão xã đoàn lại vừa giơ tay, Sin nói:

- Ông ơi! Ông có hai vợ, ông có tám con trai, con gái làm được, ông có hai chục con trâu, ông có mười mẫu ruộng tốt ở chân núi đất, ông đi dân công một tháng chứ ông đi một năm cũng xong. Có chết đói thì nhiều người chết đói đã ba năm rồi, còn ông vẫn sống ngơ ngác rượu đây, ông ạ.

Tiếng cười ô, nhao nhao: “Đông ý! Đông ý!”. Một người nói:

- Ông quá lo thôi. Bây giờ người già, đàn bà đi cày rẫy được hết, đói thế nào được.

Quá nửa đêm mới tan, Sin ngủ luôn đây. Sáng ra về sớm, đâu hãy còn vương cái câu của lão xã đoàn ương ngạnh. Có vài người cũng loại ấy, loại lão Siêu, mặt mắt, râu ria lúc nào cũng bự rụ rọ. Lão Siêu hen sáng nay đến. Được, lão mà đến thì Sin sẽ nói đâm toạc vào mặt như lão xã đoàn này.

Về nhà, thấy một con gà nhốt trong bu để ngoài liếp. Sin hỏi, vợ đáp:

- Gà đem về ăn giỗ ngoài đây.

Bố Sin mới nhớ ngày mai giỗ bố vợ. Thật ra vẫn nhớ, nhưng cú tưởng còn xa ngày. Giá gọi được thằng Sin về cho hai anh em nó cùng nhau đi ăn giỗ ngoại. Mọi năm, năm nào anh em chúng nó cũng được đi giỗ ông ngoại với bố. Ô, mai rồi nhỉ? Không biết có gọi kịp thằng Sin về không?

Như gọi được trúng nhịp, câu nung nấu từ tối hôm qua, bây giờ mẹ Sin mới nói:

- Gọi thằng Sin về thôi.

Thằng Sin mười bố n. Đứa trẻ khác, ở tuổi ấy, dắt con trâu còn khóc. Nhưng Sin đã làm được đủ việc. Ngày ngày chăn trâu, tát cá, thổi cơm, kiếm củi, không được đi học như các trẻ em khác. Bố Sin nghĩ khổ hại lắm. Nhưng biết làm thế nào. Nó phải đỡ cho mẹ. Nếu không thì đói. Nghĩ mãi sau ra một cách: cho Sin ra huyện, trên huyện đương cần liên lạc viên. Nó sẽ được các đồng chí trên huyện dìu dắt. Đỡ thiếu ăn, lại được học.

Thằng Sin lên huyện từ đấy. Nghe vợ nói, bố Sin gật đầu:

- Được rồi, mai cho nó về đi ăn giỗ.

Bố Sin gật đầu. Nhưng làm thế nào gọi được Sin về kịp, chưa biết. Bên sườn còn đầy một xác cốt việc phải nghĩ đây. Sin đứng lên, lấy cái nôi xuống thổi cơm sáng để vợ ra sân phơi ngô.

Có người đi qua dưới vòm chuồng. Nhưng không phải lão Siêu. Minh Thông háp táp nói với lên:

- Hòa tởc mới, Quởc Hởng ời!

Mẹ Sin quỏ bảng ra suởi lỏy nước. Lúc về thì bở Sin và Minh Thông đã cùng ra khỏi ngõ. Mẹ Sin tởn ngỏn nhìn theo, rỏi lại lỏng lỏng thời cơm, ỏn xong, đừ thỏng Khoi, một mình xách bu gỏ về ngoỏi gỏp giỏ.

Vừa rỏi Minh Thông đừa cho Sin hai cái sao lục công điện mật của tỉnh và một thông tri hòa tởc của huyện. Hòa tởc ỏy đã chạy đem từ huyện về. Có hai việc cho xã: 1) Lỏy một trăm mừi dân công loại A. 2) Mừn của dân hai trăm cái cuởc bàn.

Minh Thông nhỏn nhỏ:

- Khỏ lỏm, việc bỏn đởn nơi mà tao lại bệnh.

Sin vẫn cúi, đỏc lỏm nhỏm, chỏt hỏi:

- Sao?

- Từ đem qua đởn giờ tao đi kiẻt tám lỏn.

- Uỏng sỏi thuởc phiện chưa?

- Đừnh đi kiẻm sỏi thuởc phiện thì gỏp hòa tởc này.

Sin thờ mặt, về nghĩ, lờ đờ mỏt:

- Làm công tác neo người thì sinh bởi rỏi, mà việc lại không chạy, cũng khỏ. Đỏn bà ở nhà neo người cũng khỏ.

Minh Thông nhĩ?

Sin thoảng tưởng cái bu gà rầ u rĩ, ngờ ngẩn đặt trong đầ u. Nhưng hai tờ công điện to tướng lại mở ra, che kín ngay. Và Sin nghĩ ngay cho giao thông chạy các làng lập tức, làm thế nào đến tới, các thôn kịp triệu tập được các trung đội, thế là cái bu gà về ngoại, việc đi gọi thằ ng Sin về ăn giỗ không còn chỗ mà chen ra được. Ngày mai giỗ bố vợ. Nhưng ngày mai cũng bao nhiêu chờ đợi. Ngày mai, đội dân công của xã lên tỉnh. Bao nhiêu người chăm nom, lo lắng, hô i hộp, vắ t vả mắ t ăn mắ t ngủ vì việc này bắ y lâu. Sin hỏi Minh Thông:

- Làm thế nào bây giờ?

- Nào biết t!

Chồ c chồ c, Minh Thông lại chạy ra cửa trụ sở. Trở vào, mặt nhếch nhác thảm hại, một tay ôm bụng. Sin ái ngại:

- Đề nghị thế này: tôi đưa dân công đi. Minh Thông ở nhà đi mượn cuốc và phân công cho mua ngô, mua lợn giúp ban quân lương, mắ y việc đã bàn hôm nọ á y.

- Được đầ y!

Giao thông đã xuồ ng đến các thôn rồ i. Tiếng loa gọi khai hội vọng đến trụ sở, rõ mồn một. Sin hô i hả đi các làng.

Năm thôn trong xã rải rác bọc quanh một cánh đờ ng nhỏ. Đứng sườn đờ i làng này trông thấy mái nhà, vườn chuồ i làng kia. Các ủy nhiệm thôn trèo lên cây, quay loa

gọi, tiếng vang vào núi, hát sang thôn khác, buổi chiều hôm ấy hàng xóm bỗng trang trọng, rộn rục lên. Vội quá, còn có một ngày để chuẩn bị. Giới phụ nữ đi quỳ gối làm bánh tiến dân công và tân binh lên đường. Tiếng chày giã gạo thành thịch, tiếng hát đồng thanh riu rít. Làng thức khuya, chốc chốc lại chập chờn một bó đuốc vào trong ngõ, như có bộ đội về đóng.

Trưa hôm sau, một trăm mười người “nghĩa vụ” sắp hàng trước trụ sở.

Đại biểu xã, đại biểu Liên Việt nói chuyện. Nhắc nhiệm vụ, kỷ luật và bảo người đi đừng ai thối mác việc nhà. Gặt hái ở nhà mùa này sẽ được lo liệu, nhà đủ giúp nhà neo, thế nào cũng xong được.

Sin đeo túi và bao gạo đứng với ban chỉ huy đại đội. Sin trông mây vẫn đầy trời, lo chốc nữa có thể mưa. Sin nhìn Minh Thông phát biểu, cái tay cứ giơ lên giơ xuống phẳng phẳng. Kiệt lý khởi rồi hay sao mà giơ tay khỏe thế? Hay lão này giả vờ ốm? Hay lão này sợ đi khó nhọc? Nhưng Sin cũng chỉ đoán thoáng qua, rồi lại tíu tít nghĩ chuyện gập đi.

Phút chốc, đoàn người náo nức tập hợp. Nhưng đến khi chiếu nô-i của các tiểu đội sau cùng bông bên trên đầu gây không còn trông thấy nữa, bãi cỏ và cái trụ sở bỗng thanh vắng trở lại, mọi người đứng lại đó vẫn nhìn theo, thì mọi người cũng nghĩ tới một sự gì nghiêm trọng có thể xảy ra ở trên mặt trận phía biên giới kia.

Tất cả đi khỏi, Minh Thông sục ngay vào bàn viết cái thông tri mượn cuốc.

Xong việc cuốc rồi. Chưa hết đâu. Còn ngọn việc đây. Vinh Quang ơi! Quốc Toàn ơi! Mau lại đây làm thông kê. Ba người hí hoáy đọc chép danh sách, xoay quanh cái bàn.

Một lúc, lại ngừng bút, nói chuyện:

- Này, cậu nào biết chuyện lão Siêu chưa?

- Lão nghe phải đi dân công, lão cầm dao lên rừng chém vào chân. Thế nào chém quá tay hóa ra gãy xương, bây giờ què rồi.

- Đã gọi đến loại B của lão đi đâu?

- Thế mới gà hóa cuốc, oan cái chân.

Ba người ôm bụng, cười sằng sặc. Chuyện lão Siêu lên rừng chém dao vào chân là câu chuyện vui, vui qua thì giờ. Rồi trời đổ mưa to. Rồi chiều lúc nào không biết. Thế là ai về nhà nấy.

Hôm sau Minh Thông nghĩ một lúc không thấy có việc gì phải ra trụ sở. Minh Thông ăn cơm sáng xong, tản mẫn lên rừng tìm nấm hương, bỗng xem thấy có lốt chân hổ. Minh Thông về sai thằng con đi lấy cây, hai bố con hì hục chữa lại cái cũi bẫy.

Một hôm, đương uống rượu, bỗng Sin lù lù về. Minh Thông, một tay đương quơ cái chai, một tay cứ nguyên thế, ngượng quá.

- Quốc Hồng về đây à?

- Ừ.

- Có việc gì?

Sin bí mật:

- Chẳng có việc gì.

Nhưng rồi Sin cũng nói:

- Chiến dịch còn dài, còn nhiều...

- À... à... ở nhà nhiều việc tôi đã giải quyết xong, Quốc Hồng có gặp món gánh cuộc ra ngoài ấy không?

Minh Thông phẩy phẩy mặt sần, ngò i nhích vào trong, chưa bao giờ cung kính với bạn như thế.

- Quốc Hồng có gặp à... Chạy mượn cuộc hai hôm sưng cả chân. Mượn thừa ra ba chục cái. Xã mình thế nào cũng được nhất, đã đúng hạn, lại cho mượn thừa, nhất rồi. Hôm nay mới rồi một tý về ném được vài cân cá. Ưng một chén cho vui.

Minh Thông cứ nói liên thoả ng. Anh sợ sự im lặng làm anh rất mặt.

- Ưng một tí đi. Đúng đây. Quốc Hồng ơi! Có về đến nhà mới biết đàn bà trong nhà neo người, khổ thật.

Chai rượu, đĩa cá rán. Vợ Minh Thông, và đưa con ngò i ăn cơm sau cái nò i. Sin nhìn Minh Thông lố mắt như chưa

thấy nhau bao giờ. Cái tay Minh Thông rót rượu, cái miệng Minh Thông nói gì, cái chai rượu, người vợ đẻ nhiều, khó nhọc nhiều, héo hắt xương đi, ba đứa con, đĩa cá, những thức linh tinh lấp lánh sau cái mặt phính đỏ, bộ ria như lão Siêu. Hôm qua hội nghị tỉnh Sơn dự, bí thư tỉnh nói: “Chúng ta mà dựa dẫm, sợ việc thì không xứng đáng”. Cán bộ mà dựa dẫm, sợ việc còn hại hơn lão Siêu, lão Siêu ít hại bằng một cán bộ dựa dẫm, sợ việc, nói dối. Đúng như thế. Minh Thông không cày, không tăng gia. Minh Thông đeo xách cốt lên huyện, xuống xã, vờ vẫn làm. Nghĩ cho kỹ: cán bộ như thế chẳng có lợi cho ai.

- Phải kiểm thảo Minh Thông.

Nhưng rồi Sơn lại ngại, nể và tự nói: “Huyện sẽ kiểm thảo nó, bận gì đến mình”. Và Sơn đưa Minh Thông một tờ giấy. Minh Thông hỏi háp táp:

- Việc gì? Việc gì hả?

Quốc Hồng lắc đầu nói lửng:

- Thấy bảo huyện sắp giao công tác mới.

Minh Thông tợp một hơi cạn chén, tặc lưỡi:

- Công tác mới! Cũng tốt thôi!

Sơn không nói, Sơn im lặng. Sự im lặng chụp xuống dãn vật, bút rút, khó chịu cho cả hai người. Họ tình cờ nhìn ra những ruộng lúa sắp chín, vàng rực. Bỗng nghe ngoài đồng xa gợn lên một tiếng động lạ.

- Cái gì nhỉ? Súng à?

- Tàu bay đấy.

Thoáng một lát, từ đầu cánh đồng phía nam đưa lại, chiếc máy bay Đa-cô-ta hiện ra lừ lừ, từng đợt ba chiếc, bay qua trên làng mạc, rừng ruộng, trắng toát rừng rợn xanh ngắt.

Sin nghiêm mặt, nói nho nhỏ:

- Nó bay lên cứu nhau, chiến dịch ta bắt đầu rồi.

Tiếng tàu bay càng rền rĩ nhiều quá. Sin không thể ngồi yên. Sin chạy ra trụ sở. Minh Thông gọi với. Nhưng Sin không quay lại. Minh Thông đuổi theo. Ngoài đường, vẫn như thường. Con trâu gặm cỏ. Trẻ con lạng lẽ nằm trên các mỏm đá giữa đồng nhìn lên tàu bay. Người vào rừng, xuống suối, ra đồng, đến trụ sở, đi chợ, gặp nhau không nói nhưng trong ánh mắt lạng lẽ ai cũng như muốn nói: Ta bắt đầu rồi... Ta bắt đầu rồi... Mà cứu nhau thế nào...

Đêm ấy, Minh Thông trằn trọc không ngủ. Sáng hôm sau Minh Thông lên huyện sớm.

Rồi hai đội dân công “hỏa tốc” nữa cùng đi một ngày. Rồi một đội toàn thanh nữ, phụ nữ lại đi hôm qua. Sin cũng đi nữa rồi. Hai đội dân công loại B cuối cùng đi nốt, cả lão Siêu đã khởi chân cũng đi trong đó.

Ông Siêu đi hể hả, thật tình ông hể hả. Ông được đi. Ông đi ngay. Tổ cha đưa nào đồng ông chặt chân. Ông lên rừng

kéo dây song chẳng may hòn đá rơi vào chân, ông đau chân mất vài ngày mà nó dám treo mõm đôn thổi bảo gãy xương, ông què rồi, liệt giường rồi, năm đợi chết thôi. Nó bêu riếu ông trốn dân công. Việc gì ông phải trốn. Đi dân công năm bảy ngày, một tháng, ông vẫn đi thường. Ông khỏi chân, ông đi, cho đũa nào thù ông, nó trắ ng mắ t ra, hộc máu ra mà chết. Đến khi đội dân công loại B được gọi, ông Siêu đi ngay. Vai bên phải đeo bao gạo. Bên trái quàng ống thịt gà rang gừng - bà lão giết một con gà hiến cho hai bố con (chị Thanh Xuân phụ trách trung đội dân công nữ) làm canh rau ăn đường. Ông đầy đủ rồi. Ông đi.

Đoàn vận tải ấy qua sông với nhiều đoàn khác, hàng nghìn người rộn rịch công kênh hòm, sọt, dậu...

Đội trưởng thở hồng hộc, giơ cái cành cây ngụy trang đã trụi hết lá, làm hiệu cho mọi người đứng lại. Từng đám lão đảo đứng lại.

Những đoàn dân công đang đi lên đả ã ng Đông Bắc.

Tiếng hô của đội trưởng chạy lan xuống cuối toán:

- Chưa tới điểm nghỉ. Một quãng nữa mới tới, các đồng chí cố gắng. Ta lại đi thôi.

Trong bóng tối, người và hòm, sọt, dậu lại đứng lên, cắ m củi leo dốc xuống dốc. Mãi đến lúc có một cơn gió ẩm ướt thổi vào mặt, mồ hôi lạnh toát, mới nhìn xuống thì thấy lửa sáng và tiếng người reo âm âm. Trạm tiếp nhận dân công ở đây. Địa điểm nghỉ đây.

Lửa đang rừng rực quanh tiếng hát của một toán em nhỏ trong đội kịch lưu động. *Quê em miền Thất Khê ...* Ánh giăng xuống, đuốc đóm, tiếng ngáy, tiếng rên rết, tiếng hoan hô, tiếng ho, hỗn loạn trên bãi quanh rừng, núi đá mù mịt. Đội trưởng rong bó đuốc đến, tàn đóm lửa rơi xuống soi lên những bộ mặt tối tăm, chỉ thấy nháp nhoáng tảng trán.

- Đội một đâu? Đội ba... Còn thiếu đội ba. Có ai thấy đồng chí Quốc Hồng ở đội ba?

Ba bốn lần hỏi mới có tiếng đáp:

- Đội ba đang đi tìm nhà.

- Tìm làm gì nữa. Nhà ở chỗ nào năm ấy chứ đâu. Anh em đến trước ngủ hết nhà rồi.

Không ai nói thêm, không ai trả lời. Cũng không ai nghĩ đến có nhà ngủ. Nhiều hôm nhớ độ đường, đến trạm chậm, đã ngủ ngay giữa đường như thế này rồi.

Khi đội trưởng tìm ra đội ba thì đội ba đã ngáy khò khò từ lúc nào. Sín bị lay dậy. Hai vai đau buốt như đóng đinh. Sín vừa năm xuống chưa được mười phút. Lại ngời lên hội ý. Cuộc trao đổi nhát gừng giữa mấy người phụ trách ở ngay chỗ ấy.

Lại một đêm nữa qua giữa trời.

Năm sáu sáng nay, cứ còn mờ mờ tối tăm, đội trưởng đã nhồm dậy, hốt hoảng, lật đật nói bô bô xuống những cành lá ngụy trang rũ rượi, những bụi cỏ sương còn ướt trắng,

những cái hòm, những người nằ m, người chạy thúc cả vào lưng vào đầ u: - Đội một... Đội hai! Chuẩn bị!

- Đi anh em ơi! Đứng cả lên!

Lại đi. Cứ buổi sáng nào cũng lử là không thể nhắ c nổi một cánh tay nhưng rô i lại đi, vẫn đi. Những lúc ấy Sin vẫn nhớ vợ, thương vợ lắ m. Mẹ Sin bây giờ chắ c đương gặt với hội đổi công. Ông bà ngoại chắ c giận mình quá. Không hiểu sao anh đã nhớ, mà rô i lại quên bằng không gọi thằ ng Sin về cho nó giúp mẹ nó vụ gặt, cho nó về ă n giỗ... Mẹ Sin thật khổ. Người ta biế t chữ cả, mẹ Sin vẫn chưa đọc nổi một chữ. Sao anh luẩn quẩn thế ! Những ý nghĩ lằng quắ ng ấy đẩy chân Sin đi không kịp biế t mỗi nữa.

Hề t núi, xuồ ng đồ ng, men theo những bờ ruộng, lúa nặng trĩu lại hai bên chân. Những người dân công mà ở quê làng có ruộng cao, bây giờ càng nhớ đám lúa câ y sớm chắ c chắ n sắ p được ăn tháng Tám. Mặt trời rọi chề ch cồ, đắ ng sau gáy. Chỉ có mặt trời với lúa rục rờ. Không thắ y ở đâu có con trâu, có khói thổi cơm chiề u, có bó củi dựng chân thang. Đây gầ n đồ n Tây lắ m, làng mạc đã vào núi, vào lán, chỉ ra làm ruộng rô i lại lủi ngay.

Tự dưng, toán đi đầ u loạng choạng dạt cả xuồ ng. Có người chạy. Nhưng rô i thồ t nhiên đứng sững lại. Không thắ y Tây. Đắ y là bộ đội ta đương đi tới. Bộ đội khoác lưới cỏ ngụy trang. Thắ y đoàn vận tải, có người kêu khe khe:

- Ô kìa đạn! Hoan hô đạn!

Đi lẫn với bộ đội bên kia, có từng đoàn dân công áo chàm dài một lượt. Đôi bên vuốt mồ hôi, thở, lướt qua nhau, hỏi thăm lao xao không ngắt, quên cả giữ bí mật. Đây là dân công Quảng Uyên, Phục Hòa, Hà Quảng, Trùng Khánh. Đây dân công Đội Cấn, Quốc Khánh, Hành Lữ tới. Đoàn này đưa muối sang đông bắc, đoàn này theo bộ đội ra tiền tuyến, đi ngược, đi xuôi, mỗi một huyện ủy viên làm toán trưởng.

Sin chột trông thấy Minh Thông đội mũ nôm cao cao. Minh Thông cũng vừa trông thấy Sin. Minh Thông nhấc cái mũ xuống lau mặt, cười, vẫy.

Giữa lúc đó, hai chiếc máy bay phóng pháo lao tới lượn quanh cánh đồng một vòng rồi thả từng loạt bom trông rõ như từng quả bưởi đen sì rơi rơi.

Trận địch ném bom đoàn dân công đi tiền tuyến buổi chiều ngày hai mươi bốn tháng Tám âm lịch này huyện Bắc Sơn mất mười bảy người hy sinh, ba mươi năm người bị thương. Minh Thông đã chết trong trận bom ấy.

Nửa tháng sau, các xã trong huyện tổ chức lễ truy điệu những người đã hy sinh.

Biểu ngữ dài suốt hai dãy quán chợ. Hoan nghênh các chiến sĩ bộ đội và dân công đã giải phóng Cao Bằng, Đông Khê, Thát Khê, Na Sầm, Đông Đăng, Lộc Bình... Nhớ ơn các chiến sĩ bộ đội và dân công... Mỗi chữ khiến cho mọi người nghĩ ngợi.

Cán bộ Sin nhớ sắp đến ngày sơ kết kinh nghiệm huy động dân công toàn huyện. Hội nghị này có tự phê bình, phê

bình để rút kinh nghiệm. Có nên đem việc Minh Thông định trốn ở nhà ra phê bình không? Minh Thông đã hy sinh rồi.

Quốc Hồng không biết trả lời mình ra sao. Tan cuộc truy điệu, trên đường về làng, lão Siêu cứ lú lú riu riu chuyện. Nhưng Sin đang mải nghĩ, không nghe thấy.

Cánh đồng gặt đã vắng. Hội đồng công chỉ còn giúp mấy nhà cấy muôn. Góc rạ mới còn vàng hây. Buổi chiều óng ả cây rơm, cái lóng đưng thóc đập giữa ruộng, và tiếng trẻ em reo. Cánh đồng mới gặt thơm ngọt, đậm ấm.

Hội đồng công năm nay cố gắng lắm. Phải kiểm điểm để rút kinh nghiệm chung. Người chết, nhưng kinh nghiệm vẫn để lại học được. Cứ đem Minh Thông ra.

Sin đã nghĩ được câu trả lời. Sin đi rảo bước. Đã xâm xâm tới. Từ dưới bờ suối lên đường cái, mẹ Sin gánh hai đấu thóc.

Bố Sin trông thấy thằng Khôi ngủ gật gật ngưỡng trên địu lưng mẹ nó. Bố Sin bảo vợ đặt gánh thóc xuống, cho mình quẩy đỡ, và nói:

- Tao đã gọi thằng Sin trên huyện về làm giúp nhà vài hôm rồi đấy.

Chiến dịch Biên giới tháng 10 - 1950

Xuông làng

Bà Ké có hai người con. Lạn và Mười. Anh Mười đi cán bộ. Chị Lạn năm nay ba mươi một tuổi. Má đã hơi khô, lấm tẩm chân hương. Nhưng, cũng như chị em phụ nữ huyện Thoát Lãng, Lạn đầy đà, khỏe. Đôi mắt thăm thẳm.

Những đêm mùa đông, lạnh tê, trăng trọc nghĩ đến người con gái đầu lòng ấy bao giờ bà Ké cũng thờ dài trông ra trời, trời mãi chưa thấy sáng. Tháng Chín, Lạn đem con về ăn giỗ ông Ké, thằng Kim cứ mỗi lần mỗi khác. Chiếc mũ ca lô chon chòn trên cái trán dô, cái cằm vuông bạnh. Sao nó giống bố nó thế, giống bố nó như tạc.

Bố thằng Kim đi đã ngoài mười năm. Năm ấy, cũng vào tháng Chín, thổ phỉ bên Trung Quốc tràn sang cướp. Trâu bò, thóc vừa gặt, mất sạch. Rồi ráp luôn lúc đó Tây gọi lính bị ban. Bố Kim phải về tỉnh. Nhà còn một con bò dắt đi bán nốt. Rồi lớp bị ban ấy phải sang Tây. Ở bên ấy bố Kim gửi về được mấy chữ: *Anh sang Tây chuyên này chưa biết bao giờ lại thấy quê...*

Mười năm qua, Lạn nhớ chồng, vẫn chỉ thấy có mấy chữ ấy, bây giờ thằng Kim đã biết đọc, nó đọc: *Anh đi chuyên này chưa biết bao giờ mới lại thấy quê... Anh đi lần này chưa biết bao giờ vợ chồng mình mới lại thấy mặt nhau.* Đời người đàn bà vắng chồng chấp vá những buồn tủi.

Lạn ít nói. Đi khai hội, hay ngô ì cúi mặt. Không ai nữ
nói người Lạn vẫn hay chạnh lòng. Chờ ng sang Tây từ thời
đề quốc, chứ chờ ng chị không đi ngụy binh. Chờ ng chị
không thể ví với chờ ng con mẹ Vâu đi ngụy binh ra ở đồn
Thất Khê.

Lạn không gặp phải bước như Vâu. Nhưng mấy năm
nay Lạn xâu đi trông thấy. Mỗi lúc mở hộp ăn trà u, cái
gương trong nắp hộp lại trông thấy cái tay vuốt rưng
xuống một nắm tóc. Xót con gái, bà Ké gọi Lạn về ở với
bà từ lâu. Nhưng nhà neo ruộng xa, có hai người cũng phải
chia làm hai quê. Mẹ con chị Lạn thì ở trong rừng bên cạnh
nương. Nhà trong làng vẫn vắng vẻ.

Mười đi công tác có lúc bắt chợt lại về nhà. Bà Ké bảo
con:

- Con ơi! Mẹ bây giờ già chỉ còn tìm đường chết thôi. Mẹ
giữ nhà thế này hôm nào chết cũng không ai biết đâu.
Mày phải để mẹ kiếm con dâu về.

Có đám con gái ngoài làng, nhà Mười đã đi sâu được
bốn cái Tết. Nhưng nhà người ta lại ở làng “lấy thế” đồn
Tây bên kia sông, cách Na Sâm không đầy cây số chẳng
làm thế nào cưới được. Mà Mười thì đi công tác luôn. Bà lại
khóc.

Đến cuối năm, Mười được đổi về địa phương.

Mười về nhà:

- Mé à...

Mười cười. Mười chưa nói hết. Nhưng trông bộ mặt vui của Mười, Lan đã đoán biết câu chuyện của cậu em. Chị tủm tỉm.

Thế là đám cưới Mười định vào tối mười bốn. Đám cưới một anh cán bộ lấy vợ vùng địch. Dù sao cũng không thể được hẳn như ý nhà gái và các cụ muông. Thanh niên trong làng hầu hết đã đi bộ đội, đi công tác xa. Ông chủ tịch, ban xã và đội du kích thì ở trong rừng. Từ độ ông Nhượng ra làng uống rượu say ngủ lại bị lính tuấn bắt, các ông trung niên cũng vào ở rừng rồi.

Trong nhà đã bày hai mâm rượu các cụ. Tiếng đàn then nhảy nhót. Nhiều người chen đi chen lại, đàn bà quây quanh bếp, nói lào xào. Chú rể Mười với chủ tịch xã, xã đội ngồi một mâm. Cả nhà ăn uống đến mãi tận khuya.

Một du kích gác ngoài bờ sông chạy vào, tay ôm mũ:

- Có người sang sông.

Xã đội sửng sốt hỏi:

- Nhiều hay ít?

Mười say cười liu đàu xuống vai xã đội lè nhè nói:

- Ấy bảo tối mai đến mà đến sớm thế. Anh em pặc-ti-dăng đôn Nà Sầm về ăn cưới tôi mà.

- Thế nào?

- Mới thấy bóng người lội, tôi về ngay đây báo.

Mười lại cười khà khà:

- Người ta sớm t sáng về sớm càng nên hoan nghênh chứ.

Chủ tịch nói:

- Ta ra đón chúng nó vào uống rượu nhân thế.

Mười, và mấy anh du kích cùng đi. Kim cũng theo xã đội còn đủ tỉnh xách theo khẩu súng trường của chủ tịch treo trong góc sàn. Mọi người vừa đi khỏi, chủ tịch lồm cồm dậy, cũng chạy theo.

Bỗng, từ ngoài bờ sông, liên thanh học từng hô ì dài. Một tiếng ùng rùng rợn chuyển lại, tiếp một tiếng nữa, một tiếng nữa. Ca nông! Giời ơi! Súng ca nông!

Luôn mấy hôm, chiều nào ca nông bên Nà Sầm cũng nã quanh đây. Tiếng oàng dúì xuống đập mặt người xuống đá. Cái xóm bôc cháy. Không còn ai xuống làng nữa. Một con hươu phóng từ rừng ra rồi nó nghiêng đầu, đến trước một hũm đất đai bác vừa đảo tung lên, vục cái mũi nó xuống lạng lẽ tìm ăn trong đám tro còn nóng hổi.

Đại bác vẫn bắn. Mùa gặt hái đã qua, thóc đã vào kho lán. Cả làng vào lũng. Vào lũng, thành trì của các làng mạc biên giới. Bao nhiêu năm nay chạy thổ phỉ vào đây, khai hội Việt Minh cách mạng giải phóng cũng ở đây. Trên lối vào, từ những đời trước, các cụ đã xếp đá thành các đợt công kiên cố, mỗi quãng dựng một cái tường đá, kẻ cướp và đế quốc chưa bao giờ lọt được vào. Đường lũng vắt qua mỏm núi rồi xô xuống một cái triền dài những vạt đất, vạt

rừng kẹp giữa hai sườn yên ngựa. Nhà ở chỉ chít trổ trong hang. Đại bác không thể đánh cháy, đánh sập được.

Có đến mấy hôm rồi mà Lạn vẫn ngày ngày thơ thẩn xuống làng. Chị vợ vẫn đi tìm con. Nhìn cái lô cốt Nà Khuổi, quanh bờ suối, quanh rừng hồ. Chị ngồi thụp, hai tay chổng má, thờ thẩn. Một tiếng gọi:

- Pả! Pả ơi!

Chị thấy ngay sau nê nhà cháy nhô lên một người đàn ông, tóc rũ hết xuống, mặt tái mét. Chính người ấy vừa gọi Pả! Pả! Chị Lạn quay lại, bước ngay đến. Đã nhiều lần, cán bộ, bộ đội bị Pháp phục trên đường số 4, lội qua sông chạy vào làng, đầu tóc cũng lượt thượt thế này.

Người ấy cúi xuống sau tảng đá.

Sau tảng đá, còn người nữa. Chị Lạn bước lên thì thấy thằng Kim sổng sượt dưới đất. Tóc nó bê bê t máu.

- Ơi con!

- Lên núi nhanh lên. Nó biết tôi trốn rồi, ca nông nó đang bắn theo đây.

Chị Lạn run rẩy xúc Kim lên. Nhưng chị càng run hơn, nói không ra hơi. Người kia vội đỡ lấy thằng bé, vác lên vai, một tay đẩy lưng Lạn. Như mất hồn, chị Lạn lập cập chạy lên.

Kim đã tỉnh, đang rên. Người lạ ngồi, úp mặt xuống đất cúi, nhưng lại ngẩng lên ngay, nói sang bà Ké:

- Ké đừng nghĩ, anh Mười cũng trở n được thôi. Nó cùm cả hai chân mà tôi với em Kim cũng chạy được, bà Ké đừng nghĩ.

Lạn bưng thau nước nóng ra: “Đồ`ng chí rửa chân”. Ánh nê`n trám trên cái phen nửa tỏa xuô`ng nhờo nhọt hai cổ chân đỏ lên, nhâ`y nhựa nhữn`g máu. Người â`y còn nói pha trò:

- Thâ`ng Tây muô`n làm cho tôi rụng chân. Nhưng chân Việt Minh lại bả`ng sắ`t, chị ạ.

Hôm sau, đồ`ng chí â`y không cựa quậy được, đau phát số`t luôn má`y trận. Phải má`t một tháng nă`m liệt rồ`i nhữn`g vế`t thương còn để lại hai vòng sẹo quanh cổ chân.

Vừa khỏi, đồ`ng chí Kiên Quyế`t đã trở dậy, cá`t nhắ`c, làm đờ` việc trong nhà. Phơi thóc, xay ngô, đồ`t nương. Có khi đi vắ`ng đâu vài hôm lại về`. Bây giờ Kiên Quyế`t đã được huyện cử xuô`ng công tác địa phương này. Cũng khi đi, khi về`, như Mười dạo trước. Nhờ vậy, bà Ké được khuấy khỏ`a đôi chút.

Dưới thung, đưô`ng giữa cữ` hoa mận nở trắ`ng tròn như mâm xôi gạo mới vừa dờ`. Tề`t Nguyên Đán â`y cũng không có gì. Đắ`t lũng đá nhiê`u hơn hoa màu. Mới mừng hai đã phải đi đồ`t nương tra ngô, lúa mậ`.

Một hôm Kiên Quyế`t về` cười, nói:

- Đòi nợ chị Lạn đây!

- Nợ à?

- Cái nợ hôm nợ ấy.

Chị Lạn cười, lắc đầu.

Hôm nợ, Kiên Quyết bảo: “Sắp có cuộc tổng nguyện vận, tất cả địa phương ta, ai họ hàng quen thuộc một nguyện binh nào, cũng viết cái thư kêu gọi họ. Anh ấy thì ở tận bên Tây kia, chắc đâu đã về. Nhưng mà có nhiều lính khố đỏ, Tây mới mang về. Những người ấy đi lâu lại bị đế quốc giâu giếm, lừa dối, tưởng vợ con, cha mẹ ở quê tan nát cả rồi. Vậy ta phải giác ngộ cho họ. Chị cũng nên viết một cái. Thư của chị, không cứ anh ấy, ai cùng một cảnh ngộ như thế mà được đọc cũng phải tỉnh. Chị làm thư, chị Lạn ạ.” Nhưng Kiên Quyết đi khỏi, Lạn không viết. Chị ngại, chị sợ nhấc đế.

Khắp vùng, người viết thư nguyện vận tới tập gửi đến ban thông nhất địch vận xã. Hăng hái quá, cả những chị không có công đi nguyện binh, cả những chị chưa có công cũng viết. Lại có cả thư của chị Vân. Vân nói: “Tôi hết duyên nợ với nó, tôi lấy công khác rồi, nhưng tôi chẳng bao giờ muốn nó làm ác nên tôi viết thư”, và chị Vân viết thư.

Chị Lạn thức khuya. Hai mẹ con cụng đầu vào nhau, lúi húi viết.

Kim ngẩng đầu, bảo Kiên Quyết:

- Em viết thư cho mẹ đấy.

Chị Lạn vội xòe tay che tờ giấy: “Không phải đâu. Đừng chỉ xem không nên đâu”. Nhưng Kiên Quyết trông qua cũng thấy rõ. Cái thư viết lối phong thư, Kiên Quyết mỉm cười nhớ rằng vùng Thất Khê, Tràng Định vốn đã hát lượn, đã phong thư rất giỏi, rất tình. Chị Lạn kín đáo quá.

- Hoan hô!

- Tôi viết không nên đâu, Kiên Quyết đừng hoan hô.

- Chị Lạn à, chuyện nào gửi phong thư cho pác-ti-dăng vui lắm. Phụ nữ cả huyện cùng ra đường cái làm công tác ngụy vận. Chị Lạn cũng nên đi.

- Chưa đốt hết nương, chưa đi được.

Kim bảo Kiên Quyết:

- Em xung phong đốt nương cho mẹ em đi.

Rồi hai mẹ con lại loay hoay rì rầm viết. Kim đã ngủ, hai tay ôm vòng giữ lấy lưng mẹ. Mẹ nó ngò ì đọc lại tờ giấy phong thư: *Xuân mủ, bioc đào phong... Xuân mới, hoa đào nở, anh ơi!*

Sáng hôm sau, Kim theo bà Ké lên đốt nương, Lạn đeo túi, Kiên Quyết quảy hai cái dậu mới. Thong dong xuống làng như vợ chồng tháng Ba ngại việc đi buôn muôi chợ. Nhưng đây là họ đi ra đường ô tô số 4.

Ven sông Kỳ Cùng, dọc đường cái có nhiều vườn lê các làng tản cư bỏ hoang. Vườn lê trĩu quả. Không có người về

hái. Chỉ có con sóc, con chuột, con cheo cheo, bọn ngụy binh, bọn Pháp đến ăn trộm. Trên những quả lê thường có truyên đơn, khăn mặt buộc, máy câu lượn, một phong thư, có khi một gói kẹo. Nhiều khi ngụy binh biết có người đứng ở trong vườn nhưng ô vào thì các chị thoắt mất, chỉ còn lại quả bánh, phong thư trên quả lê vẫn đứng lúc lắc. Đọc phong thư, ăn kẹo bánh, bắt nghiện. Một hôm, mỗi khi ngụy binh cứ nói lóng “đi tìm lê” có nghĩa là đi tìm phong thư, tìm mọi giao thiệp với ta. Đồn Tây triết thế nào cũng có cách trốn đi tìm lê được.

Giữa năm ấy, các kế hoạch sửa soạn chiến dịch thu đông lại đã bí mật bắt đầu. Ngụy vận đường số 4 hoạt động mạnh hẳn lên. Có một số tài liệu cần phải gửi vào đồn Thất Khê. Kiên Quyết về nói với Lạn:

- Chị Lạn ơi, chị Lạn đi Thất Khê nhé!

Lạn đi chợ Thất Khê hôm phiên chợ đó. Lạn không nói. Kiên Quyết không nói. Nhưng mẹ và Kim dường như biết công việc của chị. Mỗi lúc chị Lạn sắp đi, Kim mới phụng phịu: “Mẹ không được vào đồn Thất Khê, mẹ không được gặp thằng pác-ti-dăng nhé. Chúng nó muốn giết con ở Nà Khuổi rồi, con đã kể cho mẹ nghe, mẹ còn nhớ chứ? Anh Kiên Quyết còn nhớ chứ?”

Lạn đi rồi. Lạn đi được một hôm, Kiên Quyết xuống trụ sở bàn với xã đội cho thêm du kích đi gác đường đón chị Lạn. Buổi sáng ấy thật sốt ruột, Lạn vẫn chưa về. Kim đi theo Kiên Quyết lên đầu lũng.

Kim vào vườn tìm lê. Kiên Quyết trèo lên một mỏm đá cao nhìn ra lối đường tắt ngoài bờ sông vào đôn Nà Khuổi. Cái làng vắng lặng bỏ hoang làm cho Kiên Quyết nghĩ đến chị Lạn.

Một vệt áo chàm đung dẫy và cái nón ánh trắng dưới thung. Trông rõ cả Lạn đang xách quàn lội qua sông. Một vệt chàm khác từ trong đôn vụt ra. Đấy là Kim. Tưởng nó trèo lê dưới vườn, ai ngờ nó ra rình đón mẹ. Hai mẹ con chiu vào nhau, rồi khuất vào bóng cây. Kiên Quyết cố ngòì rón lại, đợi trông cho hai du kích gác bờ sông vào nô t, bây giờ mới nhảy xuống.

Mẹ con Lạn đã đương ngòì gọt lê. Kim cười cười, nói nói, khoe cái gì với mẹ. Kiên Quyết chạy sầm đến, nắm tay Lạn: “Kết quả nò? Kết quả nò?” Lạn đưa cho Kiên Quyết một cái thư, và nói:

- Gặp cả bô thắng Vậu. Nó gửi cho mẹ Vậu cái hộp đựng trà u. Nó buồn lắm. Kiên Quyết à. Nó bảo bây giờ vợ nó lầy chông rồi, nó chẳng còn cái gì nữa, nó chết cũng bằng con ma không có ai cúng giỗ. Nó khóc rồi nó đi mua cái hộp trà u. Nó bảo: “Bạn sau có đi chợ thì rủ vợ tôi đi, cho tôi được gặp.”

Thắng Kim xịu mặt, vứt quả lê xuống đất. Kiên Quyết biết Kim giận mẹ lắm, liền nói tránh đi:

- Chợ Thắt Khê có nhiều thứ không?

- Không có một quả lê nào. Thắng bô Vậu nó bảo cái đời pạc-ti-dăng...

- Gié t ché t thắ ng bô Vậ u!

Chị Lạn mắ ng con:

- Không đượ nói nhắ!

- Thôi bây giờ chị Lạn, Kim nữa, ta vào hái lê về ă.

Cuô i mùa, quả lê đỏ mọng, sắ, Lạn vít xuô ng, đờ từng quả, bỏ vào một cái túi chàm.

- Ngày trướ, cứ tháng này xe ngựa Thắ t Khê, Lạn Sơn về mua đi từng vườn. Bao giờ đợ lập để có người về mua lê?

Kiên Quyế t như đang theo đuổi một ý nghĩ trong đầ u, rô i gậ cười:

- Gậ n thôi, gậ n rô i.

Lạn vụt nghĩ đế n Mười, cái đêm đám cưới của em Mười. Chị thờ dài:

- Anh đừng chủ quan quá.

Rô i lại hỏi:

- Thế liệu Tắ t này có xuô ng làng đượ không?

Xuô ng làng. Cái Tắ t trong làng sao mà đầ m á m. Đuôi những quả còn bay vi vút. Cả làng ă cỗ đoàn kắ t giữa đờ ng. Lạn thắ y phoi phoi. Lại hỏi:

- A, Tắ t mà đượ xuô ng làng thì đờ ng chí Kiên Quyế t đượ về Cao Bắ ng ă Tắ t với vợ con nhỉ? Đờ ng chí quê ở

huyện nào?

Kiên Quyết còn đương nghĩ câu trả lời để chữa câu nói “chủ quan” của mình, nên chỉ phảng phất bên tai câu hỏi của chị Lạn. Dần dần anh nhớ rõ ra, hơi lạ, anh chưa hiểu hết ý nghĩa của câu hỏi. Lạn đứng đình nhai trầu, đôi mắt lừ đừ. Kiên Quyết bắt đầu nhận ra cái nhìn nông nản ấy. Anh nghĩ một câu trả lời ý tứ: “Làng tôi cũng ở lũng, vợ tôi cũng như chị, chắc cũng đương mong xuông làng”. Nhưng anh không nói.

Rồi hết mùa lê. Một hôm, chủ tịch xã đeo khẩu súng trường Nga, nòng dài nghêu, đi từng lán nói vào: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!” Mọi người ngó ra cửa hang thây tháng Mười tới, gió se se lạnh đã thổi vào trong khe đá.

Lại như năm trước, mọi người chuẩn bị đi tiếp tế cho chiến dịch.

Đội tiếp tế đầu tiên buổi sáng ấy đi. Bộ đội về lấy dẫn đi về phía nam bờ sông. Mọi người đoán ta sắp đánh Thát Khê. “Đánh rấn phải đánh dập đầu trước. Thát Khê là cái đầu rấn!” Trong các lũng ồn hẳn lên.

Đội phụ nữ tiếp tế đi, Lạn cũng đi rồi. Bà Ké xuông lán trụ sở:

- Cháu ơi! Chính phủ còn tiếp tế nữa không?**
- Bà nội hỏi làm gì?**
- Tao cũng đi.**

- Không ai cho bà nội đi đâu.

Bà Ké nói to:

- Không, không, mày giấ u tao à?

- Tôi giấ u bà nội cái gì, khô quá!

Bà Ké như sắ p hét lên:

- Bộ đội sắ p đánh đôn Nà Khuổi, tao biế t rô i. ĐỪNG giấ u tao. Bộ đội đánh đôn Nà Khuổi, mày phải cho tao đi, cho tao đi.

Chủ tịch xã nhớ cái đêm say rượu, loạng choạng chạy theo Mười, nhớ những lúc bà Ké, chị Lạn như sắ p điên, cả ngày lẫn thẩn ra bờ sông, nhìn lên đôn Nà Khuổi, ai giữ thê nào cũng không được. Thằ ng Mười bị bắ t về đầ y.

Chủ tịch bèn nói: “Được, được”. Bà Ké gặ ng lại cho chắ c chắ n: “Tao đi được chứ?”, “Được, được. Bà cứ đi. Mẹ bộ đội mà đi tiế p tê thì bộ đội sướ ng bao nhiêu rô i”.

Từ các hang, các lũng, từng đoàn người đi ra trong mưa, trong sướ ng mù. Chiế c lá ray che túi đượ ng lương thực. Nước nhỏ lộp độp trên cái lá vung vẩy, ướt cả nắ m ngô bung, ướt cả vai áo thắ m xuố ng lưng. Họ đi tới kho gạo đặt kín xê phía dưới Thắ t Khê.

Nhưng gạo chưa tới. Ba mươi tá n gạo của các huyện đượ ng đượ c đưa ra mặt trận. Kho chuyê n kho, vai chuyê n vai. Trời mưa lắ m, lúa đổ đầ y đôn g mà không gặ t đượ c. Nhưng không thể đợ i tạnh ráo, các làng đội nón đi xén từng

nằm vênh, rang, đập, tuốt, rồi xay giã, gánh đi. Ba mươi hai tấn gạo, mặt trận đương chờ. Hàng nghìn vai quảy cũng chưa kịp. Kho ngay giữa trời, quân lương không cần vào sổ nhập, cứ nhập đến gánh nào là đã có vai khác đợi sẵn, đỡ đi luôn. Vẫn chưa xuể, vẫn chưa kịp, bộ đội lên mặt trận đông không biết đâu mà đến, người đi ngày đi đêm, gạo đi ngày đi đêm. Các ban xã, ban huyện cuối cùng quyết lo tìm thêm cách chuyên chở.

Sông Vạn Thủy, sông Bắc Khê mùa lạnh, cạn trơ gò đá. Bè khô nổi trôi được. Nhưng đã có cách. Bốn năm làng đi chặt nứa, kết bè. Những làng phía trên, giáp đồn, gần ngã ba sông Kỳ Cùng, chỗ đặt kho tiền tuyến thì người ta đắp bờ cản cho nước dâng cao lên, đủ thả mảng. Nhưng hàng chục năm nay, không ai buôn bè, không ai xuôi xuôi, xuôi dẫu họ đi xuống bán ở Thất Khê, những tay đẩy mảng thành thạo cũng ít còn ở nhà. Làm thế nào tải được gạo đi? Ba hôm sau, bờ sông đã nhận nhịp các cụ lão ông. Các cụ khắp huyện kéo về, mỗi cụ nghênh ngang trong tay một cây sào hóp dài. Con cháu đã tìm ra được những tay sào cứng ngày trước.

Trời vẫn mưa, vẫn sương mù. Quá trưa, loạt mảng dẫu tiên mòi cái của các cụ lừ lừ trôi vào. Bên kho đông nghịt. Người đỡ gạo, quảy đi trong mưa phùn. Các cụ lên bờ, ngực áo phanh trần, phì phò thở. Có cụ cỡi nằm rệu trong thớt lưng ra tu. Một tốp chị em trong Thất Khê ra đi dân công xuôi mảng, tay bám nối nhau, bả m ngón chân cặm xuôi mảng đất dốc. Các cụ nói:

- Chúng tao ở ngoài nghe nói các cháu trong này ở với Tây sung sướng, thế sao mà áo rách, áo bạc thế kia?

Có chị đáp:

- Ông nội, ông ngoại ơi! Ở với Tây rách áo, lại rách cả mặt nữa đây.

Rồi nhiều chị tủi thân vùng vằng quay đi ngay.

Lạ đưa gạo vào tận xóm Nà Nghiêu, cách Thát Khê độ ba cây số.

Nà Nghiêu vài nóc nhà, có nhà chỉ trông hộc bốn cái cột. Một người đàn bà ngô ì bên bếp lom đom lửa nước mắt chào: “Các chị đi tiếp tế vui nhĩ”. Người đàn bà ấy lòa cả hai mắt. Bên cạnh, một cô bé chừng mười lăm tuổi, mặt húp híp xỉ xuống.

- Các chị ơi! Người mù, người trẻ con mà. Tây cũng muốn bắt hết cả đi. Bớ nó, người ta bảo không còn nữa rồi. Khổ lắm, mẹ con tôi lấy gì nên ăn?

Bỗng nhiên, từ phía Thát Khê, sương và bóng tối còn mù mịt, một chặp moóc-chi-ê đổ như những cái bắp chuối lao về. Uỳnh... uỳnh... Người đàn bà lòa ngẩng mặt lên, theo thói quen, mỉm cười hỏi:

- Có phải ta đánh Thát Khê không?

Nhưng cô gái hốt hoảng nói:

- Không, moóc-chi-ê của nó đây!

Các chị dân công chỉ còn kịp trông thấy cô bé há p tấ p dấ t mẹ xuố ng thang và người đàn bà lòa ngửa mặt lên nức nở khóc. Ai nấ y đề u thấ y tự dưng ngưng. Muố n nói với theo người đàn bà lòa một câu, nhưng không biế t nói gì. Lát sau, có lệnh rút lui trở về`.

Tập trung ở trạm tải thương ven sông. Buổi trưa cũng chưa đi đâu, rô i có tin đế n bảo: “Các chị về` thôi, không đánh Thấ t Khê, ta hế t nhiệm vụ rô i”. Về` cũng mưa như hôm đi. Ai nấ y, hậm hực và buồn, cả ngày không ai nói một câu.

Một năm qua.

Bấ y giờ giữa tháng Tám (âm lịch) năm 1950, một buổi sáng, chủ tịch xã đội, ông Liên Việt xã, chị Mai Khuê, bí thư phụ nữ, má y anh nữa, tăng tá đi qua các xóm lại ngó lên từng nhà mà hét to: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!”. Trong rừng hô i, trong vườn lê, ngoài trời sương mờ mịt cũng như vang vang hai tiế ng: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!”

Làng làng lại đi tiế p tiế`. Về quan trọng hơn mọi năm, khác mọi năm.

Tô i nào xã đội cũng họp các giới cho học tập các tài liệu của ban huy động huyện đưa xuố ng.

Chị Lạn lại tô i tô i vác đườ c đi dự. Một tô i kia, tan họp, Mai Khuê gọi Lạn ra một chỗ, ngập ngừng rô i nói:

- Thôi để mai em đế n nhà. Mai chị đừng đi nương buổi sáng, em muố n nói câu chuyện.

- Có việc gì thế?

- Mai nói nhân thế.

Mai Khuê tắt tả đi. Nhưng dường như Lạn đã đoán được việc ấy.

Có người, người nào không ai biết, đi chợ Thắt Khê về nói rằng trông thầy bố thầy Kim đóng lon quan đội ở Thắt Khê. Bố Kim nói vừa mới ở bên Tây về đang muốn bắt liên lạc với nhà.

Tôi hôm ấy, Lạn ngồi xay ngô, sửa sửa lương thực đi dân công, chỗ chỗ lại nhìn con, thờ dài. Kim đang thịt con gà làm “rau xanh” cho mẹ ăn dường. Nó chặt mạnh tay dao bấn cả miếng thịt ra sàn. Nó chửi: “Ê mẹ chó mù.” Nó đang cẩu. Nó làu nhàu: “Pạc-ti-dăng rồi, không quý đâu, không phải bố đâu. Giời ơi, giời bảo anh Kiên Quyết về ngay, tao chỉ mượn quả lựu đạn, tao vào Thắt Khê ném chết nó đi. Nó sống không nên đâu. Nó trói người ta vào lô cốt. Nó trói tao vào lô cốt đây”. Kim lại chửi. Kim chưa biết mặt bố. Nhưng mà nó cứ tưởng tượng thầy một người pạc-ti-dăng răng vàng đầu để tóc húi cua, nó đã xâu hổ, nó muốn ném lựu đạn vào mặt ngay. Nó vẫn không thể quên cái lô cốt ở Nà Khuổi, có hai pạc-ti-dăng với một thầy Pháp vào xích chân nó treo ngược lên. Cái sọ còn lằn cộm vòng quanh cổ chân đây. Sờ thầy, nhắm mắt vẫn trông rõ.

Chủ tịch xã và chị Mai Khuê đến.

- Chiến dịch sắp đến nơi rồi, phải tuyệt đối giữ bí mật mà chúng tôi biết chị có tin tức ra vào Thập Khê nhiều quá, có thể nào thì chết thế đây.

- Không, không, có gì đâu.

Mai Khuê nói nhỏ:

- Hay là chị Lạn đừng đi dân công nữa.

Bà Ké không nhẹ nhàng được như chủ tịch và chị bí thư, bà Ké nói choang choác:

- Mẹ con tao bao nhiêu năm ở hang, ở lán, người mất, người còn, đêm nă m chỉ mong chóng sáng cho thấy độc lập, mẹ con tao ngò i đây mà chúng mày dám nói những câu ấy à? Tin tức đâu? Ai báo tin tức? Ai đi Thập Khê?

Lạn, hai mắt mọng đỏ, đến trước mặt Mai Khuê:

- Mai Khuê, mày bảo tao là Việt gian à?

Mai Khuê vuột vai áo Lạn.

- Không đâu, không đâu, chị dâu em à, chị cứ đi dân công.

Hôm sau, dân công bắt đầu đi. Ở trạm tiếp phát, toán phụ nữ Nhà Khuổi chia thành ba tổ p. Một bọn lại được lệnh vào Nhà Nghiêu. Những ai năm ngoái suốt đêm không chớp mắt được ở Nhà Nghiêu đoán chắc ta lại sắp đánh Thập Khê. Và họ nhớ đến mẹ con người đàn bà lòa nói: “Khổ lắm! Khổ lắm!” Nhớ tha thiết như một điều mong mỗi bây lâu. Thế nào ta cũng đánh Thập Khê.

Tiếng súng phía Thát Khê nổ rầm suốt đêm.

Một toán cán thương về trạm cấp cứu tiểu đoàn vừa tới đặt ở Nà Nghiê`u. Bọn chị Lạn xung phong ở lại tải thương để các chị kia được về lại đơn vị.

Cái xóm Nà Nghiê`u năm nay chỉ còn một rừng cỏ hoang.

Anh em thương binh mới ra đòi uống nước. Chưa có gạo tới, các chị phải lấy gạo của mình nấu cháo loãng thay nước. Có chị thương bộ đội quá, khóc từ lúc này, giờ vẫn thút thít.

Lạn thoáng nghe trên cán có tiếng rên liên chạy lên, thấy mảnh chạn trong cái cán lúc này đã xô về một bên. “Em kê lại đầu cho anh nè!”. Chị kéo chạn che kín cái tay trong chạn vừa tuôi ra. Cái cổ tay nhọt nhọt có thich chạm một đồng tiền. Chị nhìn lại anh thương binh: đầu húi ngắn, mặt trắng bệch, hai má chầy phị. Chị ngợ. Chị nhìn lại. Rồi chị nhón nhác trông ra bờ suối: bọn cái Vâu đang nấu cháo, xúm xít cả dưới ấy. Chị bình tĩnh quay lại, cúi xuống, khe khẽ hỏi:

- Anh... là pạc-ti-dăng à?

Người ấy mở mắt, gạt đầu. Muốn nói, nhưng cổ khô khè không bật ra tiếng. Lạn đã đứng lên đi qua từng cái cán, mở chạn, coi từng anh. Chỉ có một nó thôi, một nó thôi. Ta khiêng nhâm nó về. Các bộ đội thương binh đều tóc dài, má, mắt hăm sâu, da sốt rét xám, các anh đều bị thương ai cũng đều như nhau thế.

Có thể người pạc-ti-dăng này ở trong đồn Thắt Khê? Chị Lạn toan hỏi, thì tiếng bộ đội gọi Lạn xuống.

Lát sau, Vâu xăm xăm chạy ra kéo Lạn, hớt hải: “Lạn, Lạn! Tao với mày vừa mất công tải nhâm thặng pạc-ti-dăng”.

- Sao biết?

- Tao đem cháo lên, nó bảo nó là khô đồ. Tao trông đúng lắm. Tao báo với bộ đội rồi...

Chị Lạn sửng sốt:

- Báo rồi à? Báo thế nào?

- Tao không khiêng thặng toi áy nữa để cho nó chết thôi.

Nhưng chị Lạn đã lên bên cáng. Chiếc “hộp” sắt nghi ngút bốc hơi cháo dưới cở. Người bị thương mở to đôi mắt cău cứu, kinh sợ. Lạn khẽ hỏi:

- Ăn cháo nhé?

Chị Lạn đổ nước cháo ra bát từng ít một. Rồi tay nâng gáy, một gói mì lên cái chăn dạ để đầu người bị thương cao lên một chút, chị nghiêng bát nước cháo đổ cho người áy húp. Buổi chiều vàng sẫm hắt lên những cái bóng chạy đi chạy lại, hắt lên tiếng anh bộ đội và các chị nấu cháo đương nói lao xao: “Thế à, thế à, chúng em không bảng lòng để cái cáng áy cùng một chỗ với cáng bộ đội ta. Không, không...”.

Người nguy lính bị thương lắ c đầ u không muố n ăn nữa. Rồ i lại rên rỉ như đứt ruột gan ra. Lạn hỏi. Nhưng người á y dường sắ p ngắ t không biế t nữa.

Lúc này, làm sao mà Lạn bô i hờ i nghĩ đế n cái thắ g Chín đầ u đón trong đờ i chị. Thổ phỉ cướp của, đế quố c cướp chồ ng, có con bò phải đắ t đi bán nô t, còn một mình ôm con về ở với mẹ. Nướ c mắ t chị tràn xuố ng má. Không, bô thắ ng Kim nhắ t địn h không như người Việt gian kia.

- Anh có phải ở Thắ t Khê ra đầ y không? Anh có biế t bô Kim không?

Người khô đồ vẫn rên, quắ n quại, rồ i lắ ng ngắ t, có lẽ người á y chề t rồ i. Trời đã tồ i sắ m. Ngoài kia, nhiề u thương binh vẫn khát, đòi nướ c. Những vế t thương sơ cứu ngoài mặt trận bây giờ lại rỉ máu. Thật khô. Nhưng vừa may, đặ bộ phận của quân y đã tới.

Lịch kịch sọt, hòm gỗ. Chưa thắ y người đã nghe ồn ào từ đầ ng xa, những tiế ng điệ p nhau, nhắ c lại giồ ng nhau, ồn ào tới như một câu hát: “Thắ t Khê lắ y đượ c rồ i. Lắ y đượ c Thắ t Khê rồ i... Thắ t Khê...”, “Ai bảo thề?”, “Ông y sĩ ngoài trạm giải phẫu về bảo thề. Ban chỉ huy trận đặ gọi tê-lê-phôn báo tin”.

Y tá trườ ng xách cái đèn bão sáng vung vắ y đi tới.

- Đứ ng đầ y. Trạm ta giờ thành trạm giải phẫu, thương binh để cả đầ y. Ban huy độn g có lệnh gọi hế t dân công vào Thắ t Khê.

Nhiều người kêu ré lên.

- Bình tĩnh, bình tĩnh. Tàn binh nó còn cả lũ nấp trong rừng ấy. Các chị đi đi thôi.

Lạ chạy xuống theo chị em. Lại tiếng reo rập rờn đến sau lưng. Rồi lũ lượt nữa ào tới, toàn dân công. Lạ nhận được ra cả cô bé Nà Nghiều con người đàn bà lòa năm ngoái, cô ấy đang vung bó đuốc.

- Em à? Cho chị nhờ lửa với. Mẹ em đâu?

Cô bé ngẩn ra, rồi bít chặt vai áo Lạ. Cô bé giơ cả bó đuốc chỉ lên Thát Khê: “Chị ơi! Đi đi”... Nói không nên lời nữa, cô bé cứ bít vai áo Lạ giơ đuốc, hai người chạy vào Thát Khê.

Tin đồn Thát Khê giải phóng tràn trên các cánh đồng lúa đang chín. Người ta ra công gặt, gặt suốt cả trưa, cả chiều, cả tối. Bà Ké, nghe rõ tiếng thà ng Kim the the nói loa. Nó nói thay cho người thông tin đã đi dân công. Bà ngược lên mặt ruộng, nắm tay chậm chạp dậm lưng nhìn về phía có tiếng loa.

Kim đến hỏi bà:

- Bà nghe rõ rồi chứ?

Bà Ké buông cun lúa:

- Bà xuống Thát Khê bây giờ đây.

Kim reo:

- Để cháu đi gặt đổi cho bà.

Rô`i Kim nhảy xuống ruộng lúa.

Bà Ké đến trụ sở ủy ban xã. Chủ tịch vừa ngoài ruộng về, gánh thóc còn đặt ngang giữa cửa.

- Bà đi không được đâu. Đã bảo mà...

- Không cho tao xung phong à?

- Cháu bảo thật. Thắt Khê bây giờ có một rừng người, cũng chưa thấy được anh Mười đâu.

Bà Ké mê`u máo:

- Cái ma mày rửa tao rô`i, cháu ơi!

Thế` rô`i khác những lần trước, chủ tịch vội gặt lia lia: “Được, được, được, được. Cháu viết tên bà vào đầu danh sách dân công bắt thường đây”.

- Cháu viết cho tao được đi ngay.

Chủ tịch rút bút máy ra viết luôn.

Bà Ké đi. Bà Ké và chị Lạn, hai mẹ con gặp nhau ở công trường vận tải. Trông thấy mẹ, Lạn cau mặt. Bà cười: “Mày không biết, tao vui lắm”.

Mà vui thật. Đường Thắt Khê xuống Nà Sầm, người chen vai, đông như hội, đi nhanh, đi như nước chảy. Hai mẹ con bà Ké man mác giữa mọi người, bộ đội, dân công, hàng

binh, người hô i cự, ô tô, trâu gặm cỏ sườn đồi, hàng đàn nhận liệng ra, báo hiệu trời lại muốn mưa rét nữa.

Mưa bụi bắt đầu phơn phớt. Chốc lại bắt kịp máy người thông tin xách thùng mực luống cuống chạy giật lùi, phết lên những khẩu hiệu sẵn có trên đường, trên những tấm bảng gỗ, những mô đá, những cổng chào mừng chiến thắng ở đầu các làng, các phố, các chợ, một lô chữ mới: *Nà Sầm, Đông Đăng, Lộc Bình giải phóng đen nhánh, hắc ín, chữ viết càng về sau càng vội, càng bõ i rô i, lí nhí, nguệch ngoạc, quên hết cả đầu.*

Thằng Kim, quần xắn quá đầu gối, hót hải dưới bên lên, ôm choàng bà Ké, rồi quay lại thao láo mắt nhìn mẹ. Kim líu tíu: “Loa con gọi tin giải phóng cả ngày. Dân công làng ta mới ở Thát Khê về lại đi luôn Nà Sầm. Con mong quá. Con đợi mãi. Con lo quá. Người ta đi hết không có ai nghe loa nữa. Con cũng đi...”.

Rồi mẹ con, bà cháu riu rít, lúc đi, lúc chạy, bát ngát người ồn ào, cuồn cuộn. Chốc chốc thằng Kim căng lên, mách mẹ, mách bà:

- Mẹ kìa, nhiều quá, nhiều quá.

Một cái ô tô chạy qua, chao ôi, ô tô cũng muốn đứng lại, ô tô phải cố mới lách bánh lên được.

Kim bỗng nhú mắt, nghên cổ:

- Mẹ kìa...

Gì nữa? Một đoàn người nữa nghìn nghịt tiến lại. Kim tinh lắ m. Kim bảo: “Lính pạc-ti-dắng bị bắ t làm tù binh đầ y mà”. Thê là nó nín lặg, hai tay nắ m chặ t lại.

Kim nhìn theo, nó nhắ c đi nhắ c lại:

- Nhiê u pạc-ti-dắng lắ m... đê m không xuê...

Nhưng không thắ y bà Ké nhắ c lại, nó lại nói:

- Bắ t được nhiê u pạc-ti-dắng thê , ai đi làm cán bộ địch nguy vậ n? Không thắ y anh Kiê n Quyê t, bà nhỉ?

Kim ngắ ng mặt đợi bà nói theo. Nhưng Kim không thắ y mẹ vớ i bà nói gì. Từ nắ y, trông đoàn tù binh, hai mẹ con đặ t nhiên nhớ bô Kim, nhớ thắ ng Mườ i. Kim không khoe bà nữa. Nó cũ ng im lặg.

Vê tó i đầ u nhà thì thắ y đò ng chí Kiê n Quyê t bườc ra. Bắ t tay bà Ké. Bắ t tay Lạ n. Kim ôm chầ m lắ y, nhắ y bứu vai Kiê n Quyê t.

- Tôi vê mời mẹ, mời chị Lạ n đi dự tiệc tĩnh mừng đoàn kế t, chiế n thắ ng, mẹ mặc áo mới vào. Đi ngay bây giờ, mẹ ạ.

Trông thắ y Kiê n Quyê t, đò i mắ t Lạ n đượ ng thắ m thắ m, bỗ ng tườ ng bườ ng lên.

Kiê n Quyê t vê vừa lúc. Bà Ké thì nghĩ: “Như của cải về đê n. Đặ c lập đê n rô i”. Kim đượ c thê , càng nhắ y tó n lên. Rô i rít đò i mẹ lắ y quầ n áo mới. Bà Ké mở hòm lắ y vòng ra đeo. Mắ y năm nay mới lại đeo chiế c vòng bạc to. Bà Ké

sờ tay thây nó rộng quá xuông đến nửa vai. Bà già đi nhiều rồi. Nhưng bà Ké lúc này có cần gì thây như thế, bởi vì hình như bà đã trông thây chóc nữa kia, mâm cơm đoàn kết của tỉnh, bên anh Kiên Quyết, có thể có cả thằng Mười ngòi đây. Lạn thì nghĩ có thể có cả bô thằng Kim nữa. Mỗi người một hy vọng.

Cả nhà xanh xang đứng ven đường cái đợi ô tô.

Một đoàn ô tô đến. Xe dừng lại mời mọi người lên. Nhiều người đi tỉnh ăn cơm đoàn kết chiến thắng. Người Thổ, người Nùng trên Chi Lăng. Người Mán Thêu ở Ba Sơn về.

Kim búi chặt vai đứng chỉ Kiên Quyết, ngهن cò nhìn ra ngoài xe. Kim reo: “Bà ơi! Kia cò! Cò!”.

Bà Ké nhìn theo ánh mắt thằng bé. Bây giờ ô tô đang vào tỉnh. Đoàn xe bon bon vào buổi chiều ngày hội. Xe cứ chạy, mỗi lúc xung quanh càng trào lên, reo lên, những người, những cò. Và đèn điện khắp nơi vừa bật, như sao trên trời nhảy xuông múa láp lánh trong cây. Bà Ké, chị Lạn, cả những người Nùng, người Mán Thêu, người Mèo ngòi trong xe, ngay cả cán bộ Kiên Quyết cũng ngó ra. Bao nhiêu hy vọng, mỗi người một hy vọng khác trong cái tưng bừng chung của đất quê.

1950

Cứu đấ t cứu mường

Phải năm đấ t nước loạn lạc, núi lở sông cạn

Cuô i đô ñg mường ta rậm cỏ, Tây ác đống

Ngọn suô i mường ta cạn nước, thổ ác đống

Người trong mường ta phải đem nhau đi ăn rình ở nương

Đã bao nhiêu tháng

Còn đê n bao nhiêu năm...

(Bài hát Mường ở châu Phù Yên)

Con chim kỳ xanh biế c, chân đỏ.

Ít ai trông thấ y chim kỳ, chỉ nghe tiế ng nó thánh thót cao thấ p như tiế ng kèn gọi phường săn. Nghe tiế ng, người ta bảo điề m lành.

Một hôm nghe tiế ng chim kỳ cuô n dài theo gió từ khe Mông Mang đưa ra, ai cũng thấ y mùa đông đương trở lại, có những điề u tốt lành lại theo. Đấ y là mùa gặt hái sắ p tới.

Mùa gặt hái lại đã đê n trên khu du kích.

Nhưng hai bên sườn núi trong các lũng vẫn sừng sững một màu đá xám ngắ t, không thấ y đâu một chút vàng lúa chín. Vẫn chỉ nghe tiế ng chim lẩn quấ t kêu trong gió và trong sương mù.

Nhưng thực ra lúc này ở trong rừng sâu đâu đâu cũng đang tấp nập. Các tổ tăng gia cứ tấp tấp lại họp để tính đổi công gạt. Du kích thì xuống gác tận chân núi. Các vọng mõ báo động cũng được đặt lại. Theo kế hoạch bảo vệ mùa, người ta lại chuẩn bị các bẫy đá, các dõc, các khe lại đặt công thuõc ðộc mới.

Trong khi ðó thì ở phía ðõn Tây dưới Mường Cơi cũng nhận nhịp bắt ðầu những “công việc ngày mùa”: ngày ngày sửa soạn rục rịch lên núi cướp phá ðể triệt lương ăn của khu du kích.

Mùa năm nào cũng vậy.

Những nương âm thãm cứ ðần ðần vàng hoe rõ ðõ ngọt trong khe sâu. Các tổ ðổi công lần lượt, mải miết gạt. Quân Tây như mưa lũ, biết ðược nó ào lên lúc nào! Người ta bảo: “Việc ta ta cứ làm, còn mày muốn cần lúc nào là việc của mày. ðợi mà chạy mày chỉ thêm số t ruột”. Cho nên, công việc ngày mùa trên các lũng tuy vội vã, nhưng vẫn tuãn tự như thường.

Giữa lúc ấy, nghe tin có một ðoàn dân công đang tải muõi và lưỡi dao, cuõc từ phía sông Thao vào qua. Nửa tháng trèo núi, ðến ðây, ðoàn người ðừng lại. Một số trở ra ðể nhật hàng và ðánh ðấu lại mảy nơi ðã chôn cất người chết ðường. Những ngày lặn lội, không thể cố gắng vượt nõi, họ ðã bỏ mình trên lưng chùng núi. Dân công ðừng lại ở ðây cũng ðể lấy thêm người khu du kích ði vác tiếp vai cho ðoàn vận tải, còn ði ðược nữa. Muõi, cày cuõc và súng ðạn vẫn không ngừng lại, vẫn ði vào nữa. Dù rằng các khu du

kích ở trong núi đã mấy năm không biết mặt hạt muối, không ngửi một hơi khói thuốc缭绕, không thấy đâu một vuông vải mới nhưng đoàn dân công vận tải vẫn đi vào, bởi vì các khu du kích xa trong kia còn gian khổ nhiều hơn nữa.

Nhưng ai cũng lặng lẽ, hờ hững, mong đợi, mong đợi một cái gì khác. Có cán bộ đi sẽ có cán bộ ở. Cán bộ, bộ đội, dân công càng đi sâu vào, càng được trông thấy đất nước nơi nào cũng đều đứng lên đánh Tây.

Hôm đoàn dân công lại đi, có đông người các lũng đã bỏ cả gậy, cứ đứng trên mỏm núi nhìn ra cánh rừng đương thoai thoải xuống sông Đà. Chẳng biết có ai thật trông thấy đoàn người đi không, nhưng rồi lũng nọ đồn lũng kia: Đông lắm... mỗi người một vác trên vai... tôi trông thấy đồng chí Sơn đi... đồng chí Sơn đi với mấy người đi đầu...

Người các lũng nào nức thăm hỏi đoàn đi, không phải chỉ vì có dân công, bộ đội đi qua mà còn vì trong đoàn đi ấy có Sơn là một đội viên đội võ trang sau cùng lên đường vượt sông Đà sang Mường La, tiến sâu hơn nữa, để bắt mối với đội võ trang đã rải rác đi trước vào sâu từ hai năm nay.

Du kích Nhấn bữa qua bữa được một con phượng hoàng đất. Nhấn nướng vội một nửa đem xuống làm lương khô biếu Sơn đem đi ăn đường. Rồi Nhấn cứ lẻo đẻo theo Sơn, đưa Sơn xuống khỏi lũng, mặc dầu những đêm qua, đêm kia, Nhấn và Sơn đã trò chuyện dạn dò nhau suốt đêm không chợp mắt.

Nhấn đứng lại, ngơ ngẩn nhìn Sơn, rồi Nhấn nói:

- Anh Sơn ơi! Tôi nói với anh Sơn chuyện này: tôi không phải người Mán, anh Sơn biết chưa?

Sơn biết chuyện ấy đã lâu, từ khi mới đến lũng. Nhấn thường hay nói, nhưng lần nào Nhấn nói lại cũng như nói một chuyện mới lạ. Tuy nhiên, Sơn đã hiểu khi nào Nhấn muốn nói lại như vậy là trong lòng Nhấn đang có một điều ngầm nghĩ vừa như buồn bã, vừa như tin yêu. Cho nên Sơn im lặng, Sơn đợi Nhấn nói. Phải, Nhấn không phải người Dao. Dù cái áo tay chàm rộng rách lượm tướp kia, dù mái tóc kín gáy lại xõa xuống khuôn mặt sạm như một người ngời khói cả mùa đông vừa bước ra cửa rừng kia, ai chỉ mới thoạt trông tầm vóc người nhỏ lẩn và con mắt sắc, vành cằm nở, cũng biết được Nhấn không phải người Dao.

Nhấn nói:

- Năm xưa, mẹ tôi bán tôi lên Mán, tôi vừa đi vừa khóc, tôi bảo: “Mẹ để cho ta khổ một mình thế này, bao giờ ta biết cầm dao thì ta đi giết chết mẹ”. Nhưng đến khi tôi nhón, bố nuôi tôi đem tôi xuống cho gặp lại mẹ, thấy mẹ chỉ khóc thì tôi cũng khóc, không còn nhớ đến con dao nữa. Mới biết mẹ con tôi ai cũng khổ cả, không biết làm thế nào cho hết được!

Nói đến đây Nhấn lại khóc:

- Năm ngoái, tôi trốn xuống Mường Cơi tìm không thấy mẹ đâu. Chết đói hay Tây giết, châu đoàn giết mất rồi. Anh Sơn à, mùa này xong tôi lại xuống tìm mẹ tôi.

- Nếu tìm thấy thì Nhấn đón mẹ lên ở trên nương này.

- Phải rồi! Phải!

Nhân háp táp nói, như chột nghĩ ra, ánh mắt vui hẳn lên, nhìn Sơn.

Một lát sau, Sơn đã đi khuất. Nhân đứng lại, Nhân lại buồn. Bỗng dung Nhân nhớ đến mẹ mình.

Mẹ Nhân, ngày trước, người làng gọi là cô Ảng. Cô Ảng xưa đã một thời đẹp nức tiếng đất Mường Côi. Lệ làng ở đây bắt người ta mỗi năm phải đi làm công [1], bắt cả công đàn bà. Chao ôi, những con gái đẹp nhà quan thì càng làm đẹp cửa đẹp nhà quan hơn, con cái nhà dân trắng mà đẹp thì chỉ sinh lo, sinh bệnh cho cha mẹ. Bô Ảng đã già yếu mà năm nào cũng phải chăm đi ở công thay con gái, vì cụ không muốn nhà quan nhìn được mặt con gái. Mẹ của Ảng thì bắt con mặc váy vá, quăn thắt lưng thêu, dùng đội khăn lụa trắng, cho đừng ai biết đã nhờn rồi, đừng ai để một đuôi mắt nào tới nó.

Nhưng rồi một năm, bô không còn sức đi ở thay con được, Ảng đã phải đi làm công cho tri châu Né. Ngày ngày Ảng tìm cách lách việc đi làm đò xa để tránh làm trong nhà. Lúc về nhà châu Né, Ảng tìm chỗ ngồi trốn giữa máy chục người dân nghèo xóm hậu dân quan. Mẹ đã dặn: “Đừng để ai nhìn thấy mặt mày!”.

Thế rồi tri châu Né cũng nhìn thấy mặt Ảng. Bởi nhà quan đã quen tìm người hậu trong đám người dân tới ở công rồi. Ảng phải đi ở hậu quan từ đây. Bô mẹ không còn biết đâu có cửa nào to hơn, cao hơn nữa mà kêu oan

cho con gái được. Người con gái mười bảy đành đem thân đi nâng giã c ông lão bảy mươi. Tôi ngày Ấng ngờ i một xó nhà, rót nước, nướng thịt, bung xôi, đun nước tắm. Con mắt mờ mịt không còn lúc nào ngược trông ra thấy được mùa nào có con chim nào đã về qua dưới cửa sổ.

Ngót mười năm nay đầy đọa Ấng rô i, tri châu Né chết. Ấng được trở về làng. Người con gái trong mừng đi lấy chồng xa trở về làng, như người ta mong ước: chồng thì tay dốt trâu, vai gánh gà vịt; vợ thì quấy ninh, quấy nõi, lưng địu con nhỏ. Nhưng cô Ấng ở nhà quan trở về chỉ đeo một túi quần áo và đi một mình. Bố mẹ không còn nữa. Bố mẹ buồn khổ chết đã lâu rô i.

Ấng từ nhà châu Né về, nhưng từ đây lại thành ra người chuyên tay của các quan châu, quan làng, những ông chúa đất ở Mừng Côi, ở Mừng Vạt, ở Mừng La. Ấng không đi hâu riêng ai, mà Ấng phải đi hâu khắp mọi người quan. Mỗi lần tri châu, châu đoàn về Mừng Côi, là đất lắm cảnh đẹp, để đi săn, đi chơi hang đá, đi tắm suối nước nóng ngày Tết, các quan đều cho gọi Ấng theo hâu rượu, hâu thuốc phiện, hâu chăn đệm. Tan cuộc chơi lại cho cô Ấng về. Bây giờ tuy Ấng còn trẻ đẹp, nhưng dân tráng trong làng thì không ai dám lấy. Người ta sợ quan, mà người ta cũng khinh hạng đàn bà là người thừa, người không biết làm ăn gì. Ấng khiếp sợ cái đời sống ấy. Nhưng Ấng còn biết làm thế nào? Ở đâu cũng một đất nước của quan châu.

Cô Ấng sinh được hai con, cũng không biết bố nó đích thực là người quan nào. Không nhà quan nào ra nhận mặt con. Nhưng mỗi cuộc săn, mỗi chuyến đi tắm suối nước

nóng, đi chơi hang núi đá ngày Tết, các quan vẫn bắt cô Áng đi hâu. Cô Áng phải đem gửi con ròi đi hâu quan. Và tuy quan không nhận con, song lệ làng thì vẫn giữ nghiêm, các quan làng đã ngã vạ người đàn bà chữa buộm. Lệ làng phạt mỗi trẻ con để hoang thì mẹ nó phải nộp làng mười hai đồng bạc hoa xòe. Những đứa con cô Áng là trứng của nhà quan, nhưng nhà quan không nhận thì nó cũng chỉ bả trứng con qua, con cú trong rừng, cho nên làng mới phạt vạ. Cô Áng phải đem một con lên núi cho người Dao, đổi lấy mười hai đồng bạc trắng về nộp làng. Vẫn chưa hết khổ. Không có chông, trong nhà lại không có đàn ông, thế thì phép quan châu cũng không chia cho đàn bà được phần ruộng để làm [2].

Mẹ đành phải ôm con la liếm đi vét cỏ i già gạo ngoài suôi xin ăn.

Mười mấy năm qua. Rách quá, ốm quá, chẳng mấy lâu mà người Mừng Cơi đều đã gọi cô Áng là bà lão Áng, bà lão Áng ăn mày.

Khi còn bình yên, Nhấn đã lớn, mỗi năm một lần, Nhấn đem một con gà xuống Mừng Cơi biếu mẹ. Hai mẹ con thấy nhau chỉ khóc: “Con ơi! Vì mẹ khổ mà hai con của mẹ, đứa thì hóa ra trâu, đứa thì hóa ra bò”.

Ba năm nay, Pháp trở lại chiếm Mừng Cơi, lập lại quan châu, quan mừng. Các làng ven rừng không chịu cúi đầu, đều bỏ lên ở bí mật trên núi. Nhấn không xuống thăm mẹ được. Bà Áng già cũng không biết đường nào lên núi. Có lần Nhấn xuống, phải khi đói khát quá, không vào

được làng. Nhưng nhiều người Thái, người Mường bỏ Mường Cơi chạy lên ở khu du kích, họ kể vẫn thấy bà lão Ảng còn sống, bà ở một mình. Hỏi: “Em tôi đâu, con gái bà ấy đâu?” Người ta chép miệng: “Đưa con gái lớn ấy lại phải đi hầu ông triều bà nằng nhà châu đoàn Cẩm Vàng rồi, lại đến bỏ đi thôi!”.

*

* *

Bỏ đi thôi! Bỏ đi thôi! Những tiếng ma rùng rợn, thì thào vang lại. Nhân nấp vật xuống lịm đi. Nhưng rồi dân dân Nhân nghĩ: “Không, không thể bỏ đi thôi. Mẹ ta, em ta sẽ lên đây ở. Rồi ta đi bộ đội như anh Sơn”.

Một hôm Nhân nói với bố:

- Bố à, tôi muốn xuống Mường Cơi.

Ông Sinh đang mài dao, ngẩng mặt lên, trừng mắt hỏi, Nhân bảo:

- Tôi đi đón mẹ, đón em lên làm nương cho ta đây.

Ông lão “ừ” một tiếng. Rồi lại cúi đầu mài miết đưa lưỡi dao trên hòn đá. Bao giờ Nhân hỏi, Nhân bàn gì với ông Sinh, ông cũng “ừ”. Ông quý Nhân, con nuôi cũng là con đẻ, ông chỉ có một mình Nhân. Và chẳng, từ khi Sơn đến ở nhà ông, Sơn dạy chữ cho Nhân, ông biết nó đã lớn khôn. Lại nữa, lúc này các lũng đang gặt, nhưng đã sắp đặt tất cả: người thì ở nương cũ canh thóc, người thì đi làm nương mới. Nhà ông có hai bố con, chưa biết ai ở, ai đi. Ừ,

tìm mẹ con bà Áng lên đây, có một việc dễ thế mà mấy năm nay đã nhiều người dưới làng bỏ Tây lên núi ở, sao ông chưa nghĩ ra?

Nhân xuống Mường Cơi mười hôm, từ đầu mộng trắng. Cả vùng mấy làng tập trung chen chúc dưới chân đôn, có chòi canh bốn phía, không phải ai vào cũng được, Nhân ở ngoài ruộng đợi, rồi một đêm, Nhân trèo trộm được vào mường.

Nhân tìm đến cái lều cỏ nước ở bờ suối người ta đã bỏ hoang. Mẹ Nhân ở đây. Câu đầu tiên Nhân hỏi mẹ:

- Em tôi đâu?
- Phải vào ở nhà quan Cẩm Vàng rồi.
- Đã bao lâu?
- Hai năm nay.
- Nó có hay về với mẹ không?
- Từ khi đi chưa về lần nào.

Bà Áng nói rồi khóc. Nhân bảo:

- Rồi bộ đội ta về đón nó. Bây giờ mẹ đi với tôi.

Đêm ấy, Nhân dắt mẹ đi. Cuối mộng trắng, Nhân mới về tới đôn lưng. Nhân công mẹ từ chân núi lên đến khe Mông Mang. Nhân còn nhớ mãi lúc bây giờ đi giữa hai khe núi có nương lúa chín vàng len lỏi cạnh từng hồ đá, tai

lúc nào cũng nghe vi vu tiếng chim kỳ kêu bốn phía. Mẹ và con vừa đi vừa nói chuyện.

Ông Sênh ra tận đầu lũng đón hai mẹ con Nhấn.

- Bà Áng hôm nay lên kháng chiến à?

Nước mắt bà Áng giàn giụa:

- Tôi chỉ còn biết giữ nương như người sắp chết thôi.

Bây giờ đương giữa mùa đông, các lũng bắt đầu đi phát nương mới.

Năm nào cũng vậy, mỗi năm phải đổi nương một lần. Người ta sợ ở đâu lâu, đồn Mường Còi cần lên sẽ tìm được hết tung tích. Cho nên năm nào cũng phát nương, năm nào cũng đi tìm kiếm lục lợi ra những khe sâu nữa, cao nữa. Vãn quanh hết núi này lại chuyển sang phía núi khác. Trên các mỏm đá, người ta cứ leo xuống các vách dựng đứng, quanh năm vang động tiếng vượn hú. Người leo sau, đàn vượn chạy trước. Người chiếm mất chân vách đá của đàn vượn. Trong sương mù lại nghe tiếng vượn vừa chạy vừa hú và tiếng chim kỳ kêu, càng xa thăm thẳm, lẫn tiếng cây người ta ngã xuống, đương rào rào đổ. Dưới chân đá chìa ra từng vạt rừng kín đáo, những vạt rừng chạy nghiêng dài theo khe giữa hai lòng núi khép vào nhau, rồi áp lại, khiến cho người đứng núi khác không trông thấy đất mới vỡ bí mật ở núi này được.

Trong lũng chỉ còn một mình bà Áng ở lại trông nương. Theo tục Mường, mỗi khi một nhà bỏ nương cũ thì để lại người

già trông nương, trông kho đựng thóc và nuôi gà, bao giờ con cháu làm xong nương mới, có lúa ăn đầy đủ mới đón người già đi.

Những ngày đêm mưa tầm tã trên núi, tưởng không bao giờ dứt, cũng qua. Đám mây lam đốm xám như đuôi con sóc nô i nhau bay quăn sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng dứt quãng, đã thấy lộ lộ đường xa một bức vách đá trắng toát. Tiếng chim kỳ lạ thánh thót gọi mưa tạnh, trong từng khoảng trời dịu xanh quang, tạnh ráo.

Trên một cây xoan có bậc thang đóng vắ t vào thân cây, bà Áng ở túp lều cành xoan ấy - chiếc lều như một cái tổ chim. Lều gà cũng ở trên cành xoan với lều người. Quanh lều thông ra lộ xô những dây dợ bắ t dài vào nương sắ n. Nếu có gắ u, có nhím về` đào sắ n, bà giật dây. Bà Áng đuổi thú rừng cả ngày, cả đêm.

Những đêm giông bão, bà Áng vẫn thức. Mà sao bà Áng không thấy điề u gì quanh quẽ trong lòng. Bà Áng ngò i im trong chiếc lều đảo điên giữa cành cây trông ra những mô đá lúc đen sì, lúc bóng nhoáng, nhô trên nương. Nhưng bụng bà vẫn yên tĩnh như khi trời tạnh. Bà đương nghĩ: “Một đời tao không biế t mặt cái ruộng, tao không biế t đi làm nương. Bây giờ già sắ p chế t mới được ngò i canh nương của mình thế này”. Nghĩ thế , trong lòng bùi ngùi.

Trời đã tang tắng, bà kéo cái dây hạ chuồ ng gà trên cành xoan xuồ ng. Cho đế n lúc có ánh nắ ng, bà Áng mới thả gà. Rồ i bà dạo xem qua các giàn bí đỏ, thấy quả nào đã già

mặt, bà cắt đem đặt lên phơi nắng trên các tảng đá. Sau bà sang nương sẵn để xem đêm qua có nhím về đào sẵn không. Đây là những công việc đều đặn mỗi sáng của người trồng nương. Xong một lượt, bà Áng trở về góc xoan, lấy bốn cái bẫy chuột đem vào cài lên những bịch thóc trong lán ven rừng. Bà đã buộc được bốn cái bẫy. “Một đời người phải khổ sở, sắp đến ngày chết mới được bẫy ăn thịt chuột làm hại thóc nhà mình”.

Bà Áng ôm bó bẫy chuột vừa đi vừa tính việc: “Ngâm mây xuống lạch nước cho dẻo mây rồi làm thêm ba bẫy nữa. Thằng Nhấn về thì tha hồ mang thịt chuột nướng đi ăn với du kích... Tết này xong ta bảo nó ra Ngọn Lao xin hộ bông giống, năm nay sẽ phát lấy một nương bông”.

Bà Áng bước lập cập xuống ven suối. Được vài bước, bà Áng bỗng quay lại. Một mùi hăng hắc thoảng quanh. Bà nhớ ngay những hôm lính say rượu à à từ trên đồn xuống đuổi bắt đàn bà con gái dưới làng, mùi quần áo lính nó cũng hăng hắc. Mấy năm ở dưới chân đồn, bà Áng đã thuộc cái mùi ghê rợn ấy. Bà Áng vội ngừng đầu thì, trời ơi! đã thấy trên đầu nương lộ nhô lính tráng vàng lôm lốp.

Một lũ chạy xuống suối lội bà Áng lên, hỏi:

- Nhà bà già ở đâu?
- Nhà ta đây.
- Hôm nay Việt Minh đi đâu?

- Chỉ có người già trông nương, đã mấy năm nay cũng chưa thấy một người.

- Nó đi đâu?

- Tản cư ra Mường Lò rồi.

- Nói láo! Đây mới là nương, còn nhà chúng nó ở chỗ nào?

Lúc ấy người châu đoàn từ ngoài vào, cất tiếng hỏi:

- Nói cho thật, con mẹ già kia! Nhà mày ở đâu? Kho thóc chúng mày để đâu quanh cái nương này?

Bà Áng nhìn lên quan châu đoàn, rồi hốt nhiên im lặng. Bà nhận ra được người châu đoàn này, như bà đã nhận ra mùi quần áo lúc nãy.

Những cái thật quen, mới đây thôi, mà đã thật xa, thật xa lạ. Bây giờ thì bà nhớ: Cầm Vàng, châu đoàn Cầm Vàng là người này. Thoáng một cái, một điều cay đắng lắm từ bao giờ bỗng trở lại, bà Áng nhớ lại hơn mười năm ở hậu quan châu Né. Châu Né già ốm quá, không ngờ được, cả ngày nằm trên tấm đệm đặt giữa nhà sàn. Mỗi bữa ăn, cô Áng lại đem giỏ xôi đến bón cho lão từng miếng. Ngồi cầm miếng xôi dút vào miệng lão, cô Áng thường ngồi phía trong vách nhìn ra và bao giờ cũng trông thấy cái cằm bạnh của lão đưa đẩy trệu trạo, mà cô Áng thân nhiên như trông con trâu già nhai trấu.

Những năm ấy thì thằng Cầm Vàng này còn bé, thường đến đứng xem cô nàng hậu bón cơm cho bố nó. Áng nhìn

thằng bé, cô thấy cái cằm nó cũng bạnh ra, như tạc cái cằm bố nó.

Thế mà nay đã ra là mười mấy năm, bây giờ con gái bà Áng lại phải đem thân vào hâu con cái trong nhà châu Né và thằng Cằm Vàng con nhà châu Né lại gặp bà Áng tận nơi rừng hoang núi cao này. Ai biết thế là thế nào? Nên gào chửi, nên khóc thật to hay nên thế nào? Trong khi ấy bà Áng dần dần trở lại thản nhiên. Sự giận dữ đã nén xuống, lẳng lặng.

Châu đoàn Cằm Vàng quát gặng lại:

- Nhà con ma già ở đâu?

Bà Áng lại nhìn người châu đoàn. Thật rõ là cái cằm bạnh của bố con nhà châu Né. Bà Áng ngọt ngào nói:

- Nhà tao là nhà quan châu Né ở Mường Còi, mà không biết à?

Châu đoàn Cằm Vàng giật mình, rồi chau mặt, quắc mắt:

- Con ma già này nói rô` à?

Bà Áng lại nói:

- Mà là cai khố đỏ Cằm Vàng, con châu Né bây giờ làm quan châu đoàn chứ ai. Mà cướp được con gái tao thì mà quên tao rô`i.

Châu đoàn Cằm Vàng cười nhạt:

- Con già mừng này rồi thật!

Rồi người châu đoàn vút ngọn roi lên.

Từ lúc nào, không đợi lệnh quan châu đoàn, bọn lính đã tràn cả ra nương đuổi bắt gà kêu quang quác, bọn lính đã xô nhau nhổ sắn, dẫn chuỗi, lấy đu đủ, bí đỏ xách vào. Chúng hò hét nhau làm cơm, lung tung ra như cảnh cướp đường. Một toán lưng từ trong rừng ra, vừa chạy vừa kêu: “Kho thóc, kho thóc Việt Minh, tao đốt rồi”. Sau lưng họ, tiếng nổ rừng nửa lớp bột, khói bốc mùn đục.

Bà Áng vùng xông ra, xô giữa đám, quờ quạng hai tay lên, dường muốn cứu xe lũ lính. Chúng họ cứ vừa cười vừa chạy quanh, không đứa nào thèm chú ý đến bà già đang đuổi đánh. Mãi sau mới có một người ngựa tay, sắn đến gạt bà Áng ngã xuống, rồi kéo bà đến trời vào góc xoan.

Bà giãy giụa: “Thóc tao! Thóc của tao! Cầm Né! Cầm Né! Con mày đốt thóc của mẹ con tao!”. Châu đoàn bước lại, đánh bà Áng hai báng súng. Mặt bà đầm và góc cây.

Bà Áng chết ngay dưới góc cây xoan.

Lát sau, bữa cơm thịt gà, bí đỏ lấy của nương, chúng đã chén xong. Những đứa nhát sợ và lười nhát cũng đã bị châu đoàn xua vào phá bụi sắn, ngã cây chuỗi còn sống sót. Xung quanh đã tan hoang hết, cả bọn lại kéo sang phá nương rẫy phía núi khác.

Trên ngựa, châu đoàn Cầm Vàng quay lại. Xác bà Áng gục phía đầu núi, có ý suy nghĩ, nhưng có lẽ chỉ ngờ ngờ

không nhận ra đây là ai.

Hôm ấy, phiên Nhấn canh lũng cho các nhà đi phát nương, Nhấn xách nỏ, đeo ống tên me (tên thuốc độc) lên lỏi hai ngọn núi rồi trèo lên trạm gác trên một cây cao nhìn xuống thung.

Dưới kia, rành rành dòng Mường Cơi tròn như một dòng tiền thùng lỗ đặt giữa cánh đồng. Chỉ là cục đất thế mà nó đã sinh ra biết bao việc ác cho mọi người. Nhấn nghĩ: “Bộ đội cứ về quê ở đồng Mường Cơi ba lần, ba lần là nó phải ngỗ trong đồng thì các lũng ta gặt mùa được yên”. Rồi lại lan man bên chôn: “Bao giờ ta đi bộ đội với anh Sơn về đất đồng Mường Cơi, đuổi hết Tây, hết quan châu, thì cứu được em ta về”.

Vừa vót tên, Nhấn vừa nghĩ. Giữa lúc ấy, Nhấn trông ra thấy khe núi phía nương cũ bốc khói. Bên ấy bây giờ chỉ còn một mình mẹ. Ai đốt gì vậy? Hay là Tây đã lên nương?

Nhấn vội nhảy xuống đất, rẽ lau luôn lên gò gianh. Buổi sáng nào cũng thường nghe vượn hú trong vách đá trước mặt. Nhưng sáng nay không nghe tiếng. Đàn vượn sáng nay sợ cái gì? Hễ nghe tiếng vượn kêu xa hay kêu gần cũng biết được có người đi qua chỗ nào. Thế này tất có người lên nương, vượn cảm lạnh đã chạy tiết cả đi rồi. Ai vào nương? Lũng này chẳng có ai trở lại nương. Chỉ một mình mẹ ta ở nương. Có thể Tây đã luôn qua núi bên kia sang. Thế ư? Ai đi qua vách đá mà vượn sợ chạy? Ai đốt khói to thế kia? Nhấn kéo ống tên, cầm sẵn một nắm. Rồi cứ định gò cỏ tranh, Nhấn trườn lên đứng một chỗ thật cao, đánh mõ

báo động. Tiếng mõ dội qua các đỉnh núi, nghe như chim kỳ kêu, chim gõ kiếm kêu...

Nhân đứng sững nhìn dõi theo khe suối.

Lát sau, lộ một bọn quân áo vàng rợp. Đi trước là toán người vừa ở lũng ra nương.

Thì ra, lính Mường Còi thành lính lên càn, đã bắt được người đưa đường về phá lũng. Nhân không hoảng hốt. Mỗi năm thường nhiều lần đánh với Tây đồn Mường Còi, Nhân trải cảnh này đã quen. Và cũng đã nhiều khi có người bị bắt như thế. Ở các lũng, hỏi cả mấy chục người, ai cũng đã có lần bị đạn Tây bắn phải, chẳng ai tránh khỏi.

Nhân bò xuống thấp, ra sát trên đồi, ngay đầu toán lính và người đi vào. Mấy lần, Nhân gương nỏ, nhưng không bắn được. Nhân lại đuổi. Nhân men gò tranh vượt lên trước, đến đợi ở chỗ cái bẫy đá treo giữa dốc vào lũng. Hai loạt đá tảng chằng thừng tựa vào vách núi. Dưới khe, lỏm chỏm mấy chục lớp chông thuốt độc.

Vào giữa hõm núi, toán người bị lừa ở lũng ra đột nhiên đứng lại. Bọn lính đằng sau bị dồn lên. Trên núi, Nhân trông thấy nhiều người ngựa mặt gào to bằng tiếng Dao: “Kéo bẫy đi! Kéo bẫy!” Bọn lính nghe kêu đình tai nhưng chưa hiểu thế nào.

Nhân luống cuống nắm lại cái thừng, mà Nhân không dám giật. Nhân run tay không dám giật. Nhân đã biết các người dưới kia bảo giật bẫy, nhưng giật bẫy thì chết cả, chết cả người của ta.

Một người lính chạy vọt lên đầ u đầ c rô i nói to xuồ ng:

“Có nhà! Có nhà! Đầ n nhà đầ đầ rô i”. Bọn lính phía dưới càng lao xao: “Nhữn quân Mán này nắ m chề t đầ à? Nó cản đườn à? Giề t đi!” Nhưng cả toán người lữn vẫn nhùng nhắ nğ không nhích bước. Họ cô đầ n bọn lính nghẽn lại giữa đầ c, họ vẫn ngắ nğ mặt lên núi, kêu khóc, gào thét: “Kéo bắ đi! Kéo bắ !” Bọn lính tức quá, vọt ô lên. Nhắ n giật bắ.

Hàng trăm tảng đá rầ m rầ m rơi. Người lắ n đá lắ n thồ c cả xuồ nğ vực. Tiề nğ rú, tiề nğ thét.

- Chề t rô i! Có chông!

- Có chông!

- Chông cắ m chề t rô i!

Chỉ còn thoát mắ y người lính cùng với chầ đầ n Cầ m Vàng đi sau. Chúng tôi tả chạy nực trở lại.

*** * ***

Ngay đầ m á y, các nhà trong lữn đầ n đi núi khác. Người ta phònğ bị hòm sau đầ n Mườn Cơi lên báo thù. Cũng đầ m á y, các xóm Mườn, xóm Dao trong khu du kích từ lữn Tùm Cầ đầ n khe Mông Mang đầ u chuyề n, họ đi làm lữn mới, tìm nườn mới.

Trăng vắ`ng vắ`c sáng như nước chảy trên lá. Những người còn số`ng sót đề`u đã gồ`ng gánh lên vai cả. Nhắ`n công ông Sênh. Ông Sênh bị gãy chân. Con công bồ` đi, lúi lũi, cắ`m lắ`ng, bước cao, bước thắ`p. Đoàn người chuyên lắ`ng đêm lắ`n lắ`n đi sâu hơn, đi lên cao nữa, lên đề`n những đắ`nh núi cỏ bồ`ng thắ`t ngắ`ng lại, quanh năm trời búa sương mắ`t mùng, nhưng vẫn có tiế`ng chim kỳ kêu đêm giục giắ`i, đôi hồ`i.

Một năm sau.

Bắ`y giờ là cuố`i mùa thu năm 1952. Một tổ quan báo chúng tôi vượt vùng rừng núi đắ`i trắ`ng vào chuẩ`n bị chiế`n trường trong hậu đặ`ch Tây Bắ`c.

Chúng tôi tới một làng người Dao trong khu du kích Bản Thái - khu du kích đầ`u tiên gặp, từ hôm vượt sông Thao vào đắ`y.

Các khu du kích ở Tây Bắ`c! Trồ`ng vào bản đồ` quân sự, thắ`y miề`n Tây chỉ chít đầ`n bồ`t giắ`c, nhưng cũng chỉ chít những khu du kích. Chúng tôi đã đắ`t chân đề`n một khu du kích trên núi đã năm năm nay không biế`t mặt hạt muố`i, không có vắ`i. Vào các nhà không ai dám đứ`ng đắ`y. Vắ`y áo rách cả. Nhưng rô`i ai nắ`y vừa cười vừa khóc kéo cán bộ ngô`i xuố`ng. Chúng tôi đã tới những nơi đắ`u thương đứ`ng cảm ắ`y.

Có giao thông lên báo:

- Bộ đặ`i mới vào, đề`n các lắ`ng nhiề`u lắ`m. Nhiề`u người đườ`ng về` lắ`ng ta.

Nhân háp táp hỏi: “Phải bộ đội Sơn không?” rồi Nhân chạy ngay ra.

Cả lũng, tất cả lũng kéo ra đầu dốc nhìn xuống, xôn xao: “Trời ơi! Bộ đội... Bộ đội...”.

Từ khi võ trang vượt sông Đà sang Mường La, từ khi người bộ đội sau cùng là Sơn đi khỏi, thì bây giờ các lũng mới lại được trông thấy bộ đội.

Ba người đương trèo lên lũng, lượn quanh tí tấp mãi dưới ghềnh đá.

Chẳng mấy lúc, ba chúng tôi đã đứng trước mặt mọi người, cười cười, thờ thờ. Vừa tới, mà dường đã quen từ lâu. Các cụ già, các chị, em bé, các anh, người nào cũng quần áo rách lóa tóa, người nào cũng hóc hác đen cháy, nhưng ai ai cũng tự nhiên, thân thiết, đến vuốt vai, sờ súng, sờ ba lô bộ đội, vừa cười vừa ghé nghiêng ngấm nghĩa bộ đội.

Ông Sênh chổng chiếc nạng, khập khiễng ra tận trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Các bộ đội trẻ, khỏe, má béo căng đỏ. Ông giơ tay vuốt cái vai áo màu xanh lá. Áo bộ đội bây giờ không rách như áo Sơn ngày trước. Ông sờ đầu khẩu súng trường các-bin mập mập, nhẵn bóng, ông nghiêng tai nghe, ngấm, luôn miệng: “Ồ súng bộ đội...” Ông nhìn, ông nghĩ: “Không còn ai gầy ốm như ngày trước nữa rồi. Điềm tốt thế này thì đánh được giặc rồi”.

Từ này, Nhân đứng im, Nhân thần thờ nhìn chúng tôi. Rồi Nhân nói:

- Có gặp anh Sơn ở đâu không?

Chúng tôi biết làm sao mà trả lời! Nhưng chúng tôi đoán ngay là có bộ đội tên là Sơn đã từng phát triển công tác qua đây. Không để cho người du kích trẻ tuổi kia phải thất vọng, chúng tôi trả lời: “Anh Sơn... anh Sơn trước ở đây à?”. Thế là Nhân xoắn lấy và trò chuyện về anh Sơn đến hết cả đêm hôm ấy.

Hôm sau, chúng tôi từ khu du kích bí mật xuống điểu tra quanh đồn Mường Còi. Cùng đi, có cả Nhân. Ông già Sênh chòng nạng đưa con một quãng ra đầu núi.

Đi lần này, vào lúc các lũng lại đang tấp nập một mùa gặt mới, lại đang sửa soạn chòng cày và các tổ tăng gia lại rủ nhau đi phát nương mới, như mỗi năm, theo lệ thường.

Sau này, mỗi khi kể lại chuyện hôm Nhân đi, Nhân nói rằng lúc xuống dốc núi, Nhân trông thấy Mường Còi thấp thoáng dưới bóng sương. Nhân nhớ đồng ruộng, nhớ làng mạc ven chân rừng, có ao cá, có đò chèo, có chuồng lợn. Bây giờ là một buổi sáng, tiếng chim kỳ cuồn dài theo gió từ các hốc đá còn mù mịt sương sớm đưa ra. Rồi Nhân nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình, Nhân muốn khóc.

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ, tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phùng sẵn. Nhân không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ

kêu, Nhấ n tưởng hô`n mẹ và hô`n em đi đâu cũng đuổi theo Nhấ n.

[1] Trong chế độ Thổ ty, lang đạo ở Tây Bắc trước, các nhà chia mừng (tri châu), phìa (lý trưởng) bắt từng xã, từng thôn hàng năm, hàng mùa phải đi hầu hạ, làm không công cho nhà quan, gọi là làm công.

[2] *Tục lệ cũ nhiều nơi ở Tây Bắc: đàn bà và người tàn tật không được làng chia phần ruộng công. Vì thổ ty, lang đạo bảo đàn bà và người tàn tật không đi phu, đi lính (mặc dầu ở nhiều nơi họ cũng bắt công đàn bà) nên không được phần ruộng.*

Vợ chồng A Phủ

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý [1]_Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngô ì quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước ở dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói: Nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muôi về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới biết cô ấy không phải là con gái thống lý Pá Tra. Cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý.

My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồ Ngải thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lý. Ngày xưa, bố My lấy mẹ My không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn, My là con gái đầu lòng. Thống lý đến bảo bố My:

- Cho tao đưa con gái về làm dâu thì tao xóa nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiêc ngô, nhưng cũng lại thương con. Ông chưa biê t nói thê nào thì My bảo bô rằ ng:

- Con đã biê t cuôc nương làm ngô, con đi làm nương ngô trả nợ thay cho bô . Bô ðừng bán con cho nhà giầ u.

Tê t năm â y, Tê t vui chơi. Trai gái đánh pao, đánh quay rô i ðêm ðêm rủ nhau đi chơi. Nhữ ng nhà có con gái thì bô mẹ không thể ngủ ðược vì tiê ng chó sủa. Suô t ðêm, con trai ðê n nhà người mình yêu, ðứng thối sáo xung quanh vách. Trai ðứng nhả cả chân vách ðầ u buồ ng My.

Một ðêm khuya My nghe tiê ng gõ vách. Tiê ng gõ vách hẹn của người yêu. My hô i hộp lặ ng lê quơ tay lên thì gặ hai ngón tay lách vào khe gõ, sờ một ngón thắ y ðeo nhắ n. Người yêu của My thường ðeo nhắ n ngón tay â y. Biê t hiệu. My nhắ c tâ m vách gõ. Một bàn tay ðắ t My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mắ y người choàng ðê n, nhét áo vào miệ ng My rô i bịt mắ t, cõ ng My đi.

Sáng hôm sau, My mới biê t mình ðang ngô i trong nhà thố ng lý Pá Tra. Họ nhố t My vào buồ ng. Ngoài vách kia, tiê ng nhạc buộ c cổ chân cúng ma ðương rặ ròn nhắ y nhót.

Lúc ðó, A Sứ ðê n nhà bô My. A Sứ nói:

- Tôi ðã ðem con gái bô về cúng trìn h ma nhà tôi, bây giờ tôi ðê n cho bô biê t. Tiê n bạc ðể cưới thì bô tôi bảo ðã ðưa cả rô i.

A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thồ ng lý Pá Tra đạo trước: cho con gái về nhà thồ ng lý thì được trừ nợ. Chao ôi! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giầu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi.

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thây bố, My quì lạy, úp mặt xuống đất, nước nớc. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái:

- Mày về chào lạy tao để mày đi chết đấy à? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì lấy ai làm nương ngô trả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi!

My chỉ bung mặt khóc. My ném nắm lá ngón xuống đất. Lá ngón My đã tìm hái trong rừng, My vẫn giầu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ. My đành trở lại nhà thồ ng lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. Ở lâu trong cái khổ, My quen rồi. Bây giờ thì My tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa. Là con ngựa phải đổi cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác. Con ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi thôi mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt,

mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong thì lên núi trich nhựa quả thuốc phiện, giữa năm thì gặt đay, xe đay, đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó lanh trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lười lười như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng My nằm, kín mít, có ô cửa sổ là một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng. My nghĩ rằng mình đành ngồi trong cái lỗ áo quan ấy mà trông ra, đợi bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngai, người ta thành lệ, cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày tháng. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới.

Hồng Ngai năm ấy Tết đến giữa lúc gió thổi vào cỏ tranh vàng ửng, gió và rét dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi màu đỏ au, đỏ thẫm, rồi sang màu tím man mác. Đám trẻ đợi Tết chơi quay, cười ầm trên sân đất trước nhà.

Ngoài đầ u núi lấ p ló, đã có tiế ng ai thối sáo rủ bạn đi chơi.

My nghe tiế ng sáo vọng lại, thiế t tha bô ì hô ì.

My ngô ì nhắ m thầ m bài hát của người đang thối sáo:

Mày có con trai con gái

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu...

Tiế ng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầ u làng đầ u có một móm đấ t phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tề t. Trai gái, trẻ con ra sân chơi á y tụ tập đánh pao, đánh quay, thối sáo, thối kèn và nhảy.

Cả nhà thố ng lý Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tề t cúng ma. Xung quanh, chiềng trồ ng â m ì, người ô p đồ ng vẫn còn nhảy đồ ng, người hát nhưng lòng My đang số ng trở về ngày trước. Tai My vắ ng vắ ng tiế ng sáo gọi bạn đầ u làng. Ngày trước, My thối sáo giỏi. Mùa xuân, My uố ng rượu bên bê p và thối sáo. Có biế t bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thối sáo đi theo My hế t núi này sang núi khác.

Rượu đã tan lúc nào. Người về , người đi chơi đã vắ n cả, My không biế t, My vẫn ngô ì trơ một mình giữa nhà. Mãi sau My mới đứng dậy, nhưng My không bước ra đườ ng chơi, mà My từ từ tha chân vào buồ ng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết. My cũng chẳng buồn đi.

My ngò i xuô ng giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắ ng. Đã từ nă y, My thắ y phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như nhữ ng đê m Tết ngày trước. My trẻ lắ m. My vẫn còn trẻ. My muố n đi chơi. Bao nhiêu người có chồ ng cũng đi chơi ngày Tết. Huố ng chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Nê u có nắ m lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chề t ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thắ y nước mắ t ứa ra.

Mà tiề ng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đườ ng.

Anh ném pao, em không bắ t

Em không yêu, quả pao rơi rồ i...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đầ u về , lại đang sắ p đi nữa. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồ i bịt cái khăn trắng lên đầ u. Có khi nó đi mắ y ngày mắ y đê m. Nó còn muố n rình bắ t nhiề u người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói gì.

Bây giờ My cũng không nói. My đê n góc nhà, lắ y ô ng mỡ, xắ n một miề ng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầ u My đang rập rờn tiề ng sáo. My muố n đi chơi. My cũng sắ p đi chơi. My cuố n lại tóc. My với tay lắ y cái váy hoa vắ t ở phía trong vách. A Sử đang sắ p bước ra, bỗng quay lại, lắ y làm lạ. Nó nhìn quanh, thắ y My rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

- Mà y muốn đi chơi à?

My không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm My, lấy thắt lưng trói hai tay My. Nó xách cả thúng sợi đay ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xoắn xuống, A Sử quăn luôn tóc lên cột nhà, làm cho My không cúi đầu, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, My vẫn nghe tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “*Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào ...*” My vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thôn thức nghĩ mình không bắt được con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chùng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ tấm vách gỗ ra chơi rùng. My nín khóc, My lại bò ỉ hô ỉ.

Cả đêm ấy My phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại trần trụi tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng, rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm thầm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa rèo

trong lò nấ u lợn. Không một tiế ng động. Chẳng biế t bên buồ ng quanh đấ y, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biế t tấ t cả những người đàn bà khô n khô sa vào nhà quan đã đượ đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như My. My không thể biế t. Người đàn bà lấ y chồ ng nhà giầ u ở Hồ ng Ngài thì một đời chỉ biế t theo đuôi con ngựa của chồ ng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thồ ng lý Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồ i đi chơi, khi về nhà nhìn đế n thì vợ đã chế t rồ i. Nhớ thế , My sợ quá, My cựa quậy, xem mình còn số ng hay đã chế t. Cổ tay, đầ u, bắ p chân bị dây trói siế t lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiế ng xôn xao phía ngoài. Rồ i một đám đông vào nhà. Thồ ng lý Pá Tra xuồ ng ngựa, cho thị số ng (một chức việc đi hầ u thồ ng lý như người làm mỗ thời trước) dấ t ngựa vào tàu. Nghe như có tiế ng khiêng theo con lợn, con nai, hoặc một người phải trói, vừa vấ t huỵch xuồ ng đấ t, thỏ phè phè.

A Sử chệnh choạng vào buồ ng, áo nó toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắ ng loang lổ đầ y máu, sụp xuồ ng quanh trán. A Sử lặn ra giường. Lát sau, thồ ng lý Pá Tra bước vào. Theo sau thồ ng lý là một bọn thị số ng vẫn thường ra vào hầ u hạ, ăn thịt uồ ng rượu, hút thuố c phiện nhà thồ ng lý.

Có người bây giờ mới nhìn thấ y My phải đứng trói trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sử.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe như có tiếng bô chông gọi ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho My. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, My ngã xuống.

Chị dâu nói khẽ vào tai My:

- My! Đi hái thuốc cho chông mày.

My quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được. My phải ôm vai chị dâu, hai người khỏ sở dìu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, My nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị A Phủ đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, vẫn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, dọa đánh bọn con trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho cánh A Sử bị vướng không thể vào được. Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bốt trong nhà ra chửi, A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người con trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi đám ấy vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng đông cả lại, xôn xao.

- Lũ phá đám ta đem qua đây rồi.

- A Phủ đâu? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy ra vung tay ném con quay to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. A Sử vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nạm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thầy vậy, bọn con trai làng tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thông lý Pa Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thông lý.

Mỹ đã hái được thuốc về, thầy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới góc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

Mỹ đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thầy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mỹ đoán đây là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồ ng Ngai đến nhà thông lý Pa Tra dự đám kiện. Các lý dịch, quan làng, thông quán, xéo phải đội mũ, quấn khăn, chông gậy, cuời ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thố ng lý đã bày năm bàn đèn. Khói thuốc phiện ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn con trai làng ấy phải ngò i khoanh tay ngò i cạnh A Phủ vì bị gọi sang hâu kiện, còn bọn chức việc nằ m dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mắ y chục người hút. Trên nhất là thố ng lý Pa Tra. Thố ng lý hút xong một lượt năm điề u, đế n người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lầ n lượt xuồ ng tới bọn đi gọi người về` dự kiện. Chỉ có đàn bà ngò i trong buồng và đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ phải quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy.

Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngò i dậy, vuồ t ngược cái đầ u trọc dài, kéo đuôi tóc ra đầ ng trước, cá t giọng lè nhè gọi:

- Thằ ng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Bọn trai làng xô đế n, trước nhất chắ p tay lay lia lia thố ng lý Pá Tra rô i quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đế n đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắ t dập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lay, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngọt ngào tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rô i Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuồ t tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiề u, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buổi sáng bên cạnh, My cũng thức suốt đêm im lặng gõ i xoa thuốc dẫu cho A Sử. Lúc nào My mỏi quá, tựa mình thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. My lại gục đầu xuống nhắm thiếp đi. Khi đó, A Sử đạp chân vào mặt My, My choàng thức, lại nhắm mắt xoa thuốc, xoa đều trên lưng chông. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo tẩu thuốc phiện, như những cơn một nghiên gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lờ xào và tiếng dấm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau, đám kiện đã xong. Một số người chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn xéo phải bả cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một bữa tiệc ăn cỗ nữa.

Thống Lý Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp rồi nói:

- Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi cho các quan làng về hậu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chóc nữa mỗ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được số ng mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có một trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đòi mày,

đòi con, đòi cháu mà mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ mới thôi. A Phủ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai đầu gối sùng bạnh lên như mặt hổ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, làm mâm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhật xong bạc, nhưng nhật xong lại để ngay xuống mặt cái tráp ấy. Rồi Pá Tra lại đút cả đồng bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thịt làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đêm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chợ thịt làm thịt lợn hậu làng. Trong nhà, vẫn thuộc phiên hút rào rào.

Thế là từ đây A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lý. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn, cái gì cũng làm phẳng phẳng. Không có lúc nào trở về Hồng Ngải. Nhưng A Phủ chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-Bla. Năm xưa, Háng-Bla phải một trận đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn chết, có nơi sạch cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại một mình A Phủ. Có người làng đói bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ ngang bướng, không chịu ở thung lũng

thấp. A Phủ trèo lên núi, lưu lạc đến Hông Ngai. Đi làm cho nhà người, lần nữa mùa này sang mùa khác. Chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết rèn cuốc, lại cày giỏi, đi săn bò tót bạo nhất.

A Phủ khỏe, nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều nhà nói: “Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”. Người ta ao ước thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc trắng, con trai không thể lấy vợ nổi. Và chẳng, thua kém nhiều nổi, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có một chiếc vòng vía bằng đồng lằn trên cổ, nhưng chẳng biết thân, A Phủ cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay, quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở cuộc chơi các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hông Ngai.

Một năm kia, phải khi đang đói rùng. Hồ, gàu từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý Pá Tra lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, lưng trâu bò đứng chen liên khít trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi ăn nương. Bây giờ gặp khi rùng đói, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lên hàng tháng ngoài rùng, đêm đến thì dồn bò ngựa về nằm chầu nhau ngủ quanh lên.

Chẳng may, mấ y ngày A Phủ mê mải đi bẫy nhím, không đé m được ngựa. Hôm á y thấ y vé t chân hổ, A Phủ vội phóng ngựa chạy quanh đàn, dò n ngựa quầ n lại để đé m. Thấ y thiế u một con bò. Đé m lại mấ y lâ n, vẫn thiế u một con bò. A Phủ nhào vào rừng, lâ n theo vé t chân hổ thì tìm được con bò đã bị hổ ăn chỉ còn lại một nửa mình vắ t ngay dưới một gồ c thông cụt. A Phủ nhậ mấ y miế ng thịt roi quanh đấ y rô i vác nửa con bò về . Nghĩ bụng “con hổ này to lắ m, hãy còn ngừi thấ y mùi hôi quanh đây, về lắ y súng đi tìm, thề nào cũng bắ n được”.

Về đé n nhà, A Phủ lắ ng vai ném ngựa con bò xuồ ng gồ c đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

- Mắ t mấ y con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên:

- Cho tôi khẩu súng, thề nào cũng bắ n được. Con hổ này to lắ m.

Pá Tra há t tay, nói:

- Quân ăn cướp làm mắ t bò tao. A Sứ đầ u, đem súng đi lắ y con hổ về .

Rồ i Pá Tra quay lại, bảo A Phủ:

- Mày ra ngoài kia, đem về đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứ ng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắ n được hổ về thì tao cho mày khỏi phải chề t. Nề u không được hổ thì cho mày đứ ng chề t ở đấ y.

A Phủ cãi:

- Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò. Thế nào tôi cũng bán được.

Pá Tra quát:

- Lậy cộc, dây mây về!

Không nói nữa, như con trâu đã lên tròng, A Phủ lẳng lẳng ra vác chiếc cộc gỗ rồi lậy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cái cộc gỗ xuống bên cột nhà. Pá Tra đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây quấn thít từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi lúc lắc được. Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không ai dám hỏi, không ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích giãn dây trói một bên tay. Nhưng mới được đến lúc ấy thì trời vừa sáng. Tan cuộc thuốc phiện sáng, Pá Tra vào nhìn thặng tù, quẳng thêm một vòng tròng lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử đem lính đồng của thống lý đi đuổi, không lòng được con hổ. Mấy ngày chưa về thì cũng đã mấy ngày A Phủ phải trói đứng trong góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang nhà vẫn hừng hực đỏ rực lửa. Mỗi hôm hai buổi cơm, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ chỉ đứng nhấm mắt, cho tới đêm khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mỹ cũng đến chết héo. Mỗi

đêm, My dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng, My ngò i dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu thức, ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, My thức sưởi lửa suốt đêm.

Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì My cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết người bị trói đứng còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng My vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi, My chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy My ngò i đấy, A Sử ngựa tay đẩy My ngã xuống cửa lò. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya, trong nhà đã ngủ yên. My trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. My lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ vẫn mở. Một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Thấy tình cảnh như thế, My lại nhớ lại đêm hôm trước A Sử trói My, My cũng đã phải trói đứng như thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đến chết, nó bắt mình đến chết cũng thôi, ngày trước ông nó, cụ nó đã trói đến chết nhiều người đàn bà cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là A Phủ chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở

đây, chết thế nào cũng được... Người kia thì việc gì mà phải chết thế ... My phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc lửa. My không thối, cũng không đứng lên. My nhớ lại đời mình, My lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo My cưới trời cho nó, My liền phải đứng chết thay vào đây, My phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, thế mà My không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng My tưởng tượng như A Phủ đang biết người bước tới... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lăn lăn đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hốt hoảng, My chỉ thì thào được một tiếng “Đi đi...”, rồi My nghẹn lại. A Phủ bỗng khuyu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

My đứng lạng trong bóng tối.

Bỗng My cũng vụt chạy ra.

Trời tối lắm. Nhưng My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. My nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt.

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, My lại nói:

- Ở đây thì chết mất.

A Phủ chột hiệu.

Người đàn bà khôn khéo vừa cứu mình.

A Phủ nói: “Đi với tôi”. Hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

Hai người đi liền hơn một tháng. Đi trèo trên những triền núi cao ngất, lồm đồm nhà, tháp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy nhà ở trước mặt mà máy ngày chưa tới. Đi từ Hồ Ngải xuống qua vùng ruộng Mường Quài của người Thái, đi từ Nậm Cắt sang Chông Chia, từ Chông Chia qua dốc Lũng Chùng Phụng lại trở về bờ sông Đà giữa châu Phù Yên sang châu Mai Sơn, là chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do và các khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông, rồi về trong những làng Mèo đỏ hẻo lánh vùng Phìn Sa. Xa lắm rồi, nhà thống lý Pá Tra không đuổi được nữa - hai người nghỉ thê.

Ròng rã hơn một tháng, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, đi vừa hết mùa mưa mới tới Phìn Sa.

Hai người tới Phìn Sa thì ở đây không ai còn biết đây là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý, cũng không ai còn biết đây là My, con dâu gạt nợ của nhà thống lý. Ngõ đây là hai vợ chồng một nhà đông anh em ở làng bên kia dốc Lũng Chùng Phụng, ruộng vỡ được ít mà miệng ăn thì nhiều, cho nên anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác. Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng từ những hôm vượt rừng vượt núi sang.

Từ những hôm ấy My mới thật thấy được có chồng. Tuy vậy, có lúc chợt nghĩ tới ma nhà Pá Tra nó đã nhận cho My là vợ A Sử. Nhưng cũng chỉ sợ từng lúc. Mấy ngày sau, chẳng những chẳng sợ ma làm chết, mà còn quên tất cả. Ở Phìn Sa thì mọi người đều gọi là vợ chồng A Phủ.

A Phủ làm nhà theo đánh ra một ngọn núi tranh. Những ngày quang trời trông thấy dòng sông dưới kia và cánh đồng Bản Pe có ruộng xòe như cánh quạt. Được ít lâu, một hôm A Phủ bỗng thấy ở Bản Pe có một vết đỏ như ổ mỡ òi đùn. A Phủ sang bên làng hỏi mọi người, rồi về nhà bảo vợ:

- Thằng Tây mới đục đất làm nhà ở Bản Pe, đất đỏ ta trông thấy đấy.

A Phủ vẫn cho là thằng Tây thì cũng như “người khách” bán muối, bán vải, kim chỉ ở cửa Vạn ngoài sông Đà, họ làm buôn bán, không bận đầu tới ta. Rồi A Phủ cũng không để ý hơn nữa.

Bản Pe và dòng sông kia, đôi khi trông thấy đấy, nhưng chẳng biết mấy ngày đường mới tới được, cũng chẳng có ngày tháng thông thả nào mà đi tới, chẳng có thì giờ nào nghĩ tới. Bao nhiêu việc đang làm, đang đợi. Nhờ làng giúp, A Phủ mượn được cuốc, được dao. Người ta có trâu thì con trâu làm đỡ một nửa công, đằng này lại không có, hai vợ chồng làm cả việc con trâu.

Năm sau, đến mùa đã có bắp ăn đủ, lại được trông một nương gai, nương lanh để may váy áo.

My ngồi trước cửa dẹt vải, không rũ mặt xuống như những năm trước còn ở nhà thôn lý, mà My ngẩng mặt theo chiếc thoi, tay My vỗ con cuốn quấn vào lưng nhanh thoăn thoắt. Trong chuồng nhà nuôi được hai con lợn nhỏ.

Vợ chồng đang bàn tính phải làm nhà gỗ, vì ở đây đầu núi, nhà tranh không chịu được gió lốc tháng Tám, có khi bay cả người, cả nhà, phải nhà gỗ mới chắc chắn đứng, thế là họ bắt đầu công việc làm nhà gỗ, như mọi người chí thú khác ở trong làng. Mỗi buổi đi rừng, A Phủ vác rìu chặt một cây gỗ, đem về, cái thì đẽo làm ván, cái làm cột, cái làm mái. Đã vác về mấy chục mảnh, dựng sẵn đấy. Chỉ độ ba năm sau sẽ được cái nhà tốt.

Vợ chồng A Phủ thường nghĩ đến cái nhà gỗ cho cả đời mình, đời con cháu, một cái nhà gỗ có tàu ngựa quanh mái hiên, đằng trước đằng sau nhà hai dãy đào. Trước cửa sẽ nhặt khoảng đá sỏi dọn làm một khoảng vườn to, có ván gỗ rào quanh, đến mùa khô ráo thì trồng rau cải xanh, đậu rặng ngựa. Trên những tảng đá to quanh nhà, My đem váy áo ra hong nắng. Gặt hái đã xong, lại sắp Tết. Mấy nhà mổ chung một con lợn to, ăn thịt, uống rượu, còn bao nhiêu mỡ thì để dành làm dầu thắp đèn quanh năm. Vợ chồng thường bàn tính những chuyện tốt đẹp tưởng tượng ra như thế.

Một hôm A Phủ đi nương. Giữa trưa, về tháy trong nhà có một lũ lính. Hai con lợn đã bị bắt ra từ lúc nào, trói nằm trước cửa. Nếu về chậm, chắc chúng nó đã mang đi rồi.

Lạ quá, A Phủ xăm xăm chạy đến hỏi:

- Mày ăn lợn của tao à?

Mấy người lính khinh khinh nhìn A Phủ không nói. A Phủ lại hỏi:

- Thô'ng lý bảo mày sang ăn lợn của tao à?

Những người lính Thái cũng không nói, mà họ há' t hàm về' phía mấy người quan Pháp vừa từ ngoài rừng bước vào, không biết ra tìm kiếm gì ngoài ấy. Cả đòì A Phủ mới thấ'y thằ'ng Tây lầ'n này là một. A Phủ giậ't mình, rón chân chạy lùi. Nhưng A Phủ đã quên ngay sợ và lại chắ'm chắ'm mắ't vào hai con lợn của mình. Trong lúc sợ A Phủ lại cũng nghĩ bọn Tây cũng có thể giố'ng những "người khách" bán muố'i, vải, kim chỉ, xưa nay làm buôn bán ở ngoài ở cửa Vạn, bèn hỏi:

- Mày về' đây mua lợn của tao à?

Người lính gậ't và nói:

- Ủ, quan về' mua lợn của mày. Mày phải khiêng lợn cho quan đi với chúng tao.

A Phủ khiêng lợn. Vừa sợ Tây và lính có súng, vừa lo mắ't không lợn, A Phủ chẳng kịp hú gọi vợ về', đã phải cùng ba người lính khiêng hai con lợn, xuố'ng núi về' Bản Pe.

Rồ'i năm ngày, mườì ngày, mườì hai ngày, nửa tháng cũng không thấ'y về'.

My ra đứng đầ'u nương trông xuố'ng cái đò'n Bản Pe vẫn đỏ hoe như tổ mớ'i. Một lúc thì mắ't hoa lên, nước mắ't lo

lắ ng giàn giụa ra.

Một buổi, A Phủ chạy về. Bộ quầ n áo chàm vẫn rách tơi tả thê. Nhưng trên đầ u, đã bị cắ t cụt cái đuôi tóc, má t cả cái hoa rọi mọi khi dài xuồ ng đê n vai.

Người làng ra hỏi thăm. A Phủ vừa kể vừa chửi:

- Con chó đê ra thắ ng Tây! Nó trói, bắ t nắ m hai ngày một chỗ vói con lợn. Nó bảo ở Phìn Sa nuôi cán bộ, nên bắ t tôi về bỏ tù. Tôi bảo: tao không biê t cán bộ đâu, tao không biê t nuôi ai, từ khi tao về đây tao chỉ biê t có mày đê n, mày lắ y lợn của tao, thê là mày bắ t tao phải nuôi mày đầ y. Chúng nó đánh tôi nhiề u lắ m. Cái tóc dài thê này, cái tóc bố mẹ đê cho tôi, mà một lũ nó đê tôi xuồ ng, đem cắ t hê t tóc đi. Rồ i nó bắ t khiêng đá, bắ t khiêng nước... Con chó đê ra thắ ng Tây! Tôi khỏ quá phải trồ n về, đành bỏ má t hai con lợn cho nó ăn rồ i.

Từ đầ y, những khi trời sạch mây mù, trông xuồ ng Bản Pe thắ y cái đôn Tây đỏ ô i như mô i, thì A Phủ lại kể chuyện và mở vai áo ra, đê m những vế t bị đánh đã vầ n thành sẹo. A Phủ vừa kể, vừa chửi. Bây giờ trông cái đôn không dừ ng dung như trước, mà lại thắ p thỏ m lo. Chạy đi đâu ở thì tiê c nương, tiê c công, mà ở đây thì lo sớm tô i má t của, má t người, không biê t thê nào.

Một hôm, vợ chồ ng A Phủ đư ơng cuố c nương. Nghe phía nhà ở vắ ng lại tiê ng sáo thổi một bài hát.

Thắ y ruộ ng không thắ y nương

Thầy nhà không thầy người...

Có một người lạ vừa lên. Theo thói quen, thầy nhà vắng, khách thường thói sáo gọi chủ về. Người lạ ấy mặc quần áo đen, đuôi tóc dài, nói giọng Mèo trắng. Người Mèo trắng ở dãy núi phía trong thường ra ngoài này tìm đồ ăn.

Đầu câu chuyện với khách, theo thường lệ, A Phủ hỏi:

- Ăn cơm chưa? Ăn cơm nhà ta đi.

Rồi A Phủ và người lạ vào ngay bếp, lấy mấy nắm bột ngô nướng ăn với thịt chuột nấu với rau cải Mỹ vừa nhỏ ở nương về. Họ ăn và nói chuyện.

- Ở đâu về đây?

- Ở ngoài vào.

- Ngoài nào?

- Ở ngoài Chính Phủ vào khu du kích.

A Phủ đứng ngay lên, tay vẫn cầm cái thìa gỗ đầy nước canh vừa múc, chưa kịp húp đồ lành lặn cả trên mặt đất. A Phủ gọi vợ, hốt hoảng. Rồi lại quay ngay vào hỏi người lạ:

- Có phải là cán bộ?

- Ừ, tôi là cán bộ. Nghe nói A Phủ mới bị Tây bắt, tôi về hỏi thăm.

A Phủ tái mặt. Mỹ đang ăn cơm một mình ngoài sân, chạy vào ngơ ngác đứng cửa. A Phủ háp háp bảo vợ:

- Nó là cán bộ!

A Phủ đột nhiên hăng lên, nhảy lại trước mặt người lạ, kêu:

- Pá chính [2]!

Người lạ ấy vẫn điềm tĩnh căm bát bột ngô. A Phủ trợn mắt:

- Tao thù mày!

Người lạ cười:

- Sao A Phủ lại thù cán bộ?

- Một đời tao chưa trông thấy cán bộ mà thằ ng Tây cứ bảo tao nuôi cán bộ, thằ ng Tây đánh tao, cắ t tóc tao.

Người lạ nhìn vào mặt A Phủ, nói:

- Tây muố n ăn lợn của A Phủ nên nó nói dồ i thề thôi. Chứ cán bộ cũng như A Phủ, cũng người chín châu mười mường trong đấ t nước, cũng nghĩ một bụng, cũng uố ng con suố i chảy trong đấ t ra, vẫn thường ở với nhau, có gì khác đầ u.

Rồ i người lạ nắ m tay A Phủ, đứng xích lại, đo cánh tay mình với A Phủ:

- Chân tay dài bằ ng nhau, nói tiế ng nhau. Ta là anh em.

Từ nầy nghe cán bộ nói, A Phủ đã thắ y xuôi. Rồ i dầ n dầ n nghĩ ra. Cán bộ nói tiế ng như ta, tóc dài như tóc ta, cũng họ ta, ăn như ta, cánh tay bằ ng cánh tay nhau, đề n

nhà ta chơi biê't thôi sáo gọi người về, không lấ'y lợn, không đánh ta, cán bộ không phải như thắ'ng Tây, có gì mà phải thù? Thôi, thắ'ng Tây nói dô'ì, nghĩ thế', A Phủ quay ra thì thảo với vợ. Người cán bộ thoáng nghe vợ chồ'ng A Phủ nói, đoán nét mặt và cử chỉ, biê't tình hình đã đổi khác. Rồ'ì thấ'y A Phủ nhồ'm nhoàm ăn bột ngô. My đã bắ't đầ'u ngắ'ng lên nhìn người lạ.

Đợi A Phủ nói với vợ xong, cán bộ hỏi:

- Tây bắ't A Phủ má'y hôm? Làm sao trồ'n về đượ'c?

Thế' là A Phủ mở áo cho xem những nố't sẹo, rồ'ì kể chuyện Tây đánh, Tây sai lính bắ't cắ't tóc, bắ't tù, bắ't gá'nh đá, khiêng nước... A Phủ nhớ vợ, nhớ nhà... A Phủ nhảy qua bờ rào, chạy... Kể xong, A Phủ hỏi:

- Nó đánh ta, nó bảo ta nuôi cán bộ. Trông cán bộ thì cũng như anh em ta, sao nó sợ cán bộ thế'?

Cán bộ bèn cười:

- Nó sợ ông Chính Phủ.

Từ lúc á'y, cán bộ đã thân như người trong một nhà. Đã hiểu cán bộ là anh em thì A Phủ nhìn bắ'ng anh em ngay, A Phủ bảo: “Người Mèo chúng ta thù đứ'a nói dô'ì, thù đứ'a ăn tham, bao giờ cũng thích có người tồ't làm anh em một bụng. Cán bộ có một bụng thế' không?”

Buổi chiề'u, A Phủ bảo cán bộ cùng ra phá cái chuồ'ng lợn, lấ'y gồ' vào đẻo làm vách. Người cán bộ á'y đẻo vách nhanh và phẳng, rõ ràng một bụng như ta. Vừa làm, vừa hỏi:

- Sao không để chuồng nuôi lợn khác?

- Rồi Tây lại lên ăn mấ't, thôi không nuôi nữa.

- Có cách nuôi được.

- Cách nào?

- Ở Pú Nhung trên Lai Châu bây giờ nhà nào cũng có hai nhà. Nuôi lợn ở nhà trong rừng có đủ cái tốt, còn cái nhà ngoài làng thì không có gì. Tây lên tìm không còn gì mà cướp được. Cả nương ngô, nương khoai, nương rau cải cũng làm bí mật thật xa, Tây đi tìm không trông thấy thì không làm hại được.

A Phủ bảo vợ:

- Ta cũng bắt chước người Pú Nhung. Nếu thế thì vẫn ở đây được, không sợ mấ't cướp.

Hôm sau, A Phủ và cán bộ vác gỗ, đeo những quả khoai, ngô, những thùng đựng gỗ nước vào rừng sâu làm lán, làm chuồng lợn, lại đắp cả lò bung ngô. Ba hôm làm đã xong, A Phủ thích quá, ra đứng đầu nương trở xuống cánh đồng Bản Pe:

- Thằng Tây kia mà lên đến cái dốc này thì ta vào rừng. Nay, cán bộ đi bảo cả vùng Phìn Sa cùng biết cách làm nhà trốn trong rừng như ta nhé.

- Người ta làm cả rồi. Chỉ còn có A Phủ làm sau cùng đấy thôi.

- Cán bộ bảo cách à?

- Ừ.

Hai người ngủ ở một lán trong rừng.

Đêm ấy A Phủ hỏi chuyện vợ con nhà cửa, cán bộ nói: “Quê nhà tôi ở dưới xuôi, ở đây cũng có giặc Tây đến, nó cũng đi cướp thế này. Anh em tôi cũng không còn ai nữa. Tây giết mất cả rô`i. Người ta phải đem của đi cất giấu và lập đội du kích đánh nó để giữ người giữ của. Vì tôi biết giấu của, tôi biết đánh du kích nên tôi đi các nơi, bảo mọi người làm như thế. Quê nhà tôi cũng thế này”. Nghe xong, A Phủ gật đầu, nắm chặt hai tay cán bộ: “Ta giống nhau thế thì làm anh làm em với nhau được rô`i”.

Rô`i A Phủ kể chuyện đời mình, đời Mỹ cho tới khi tại sao hai người trốn đến ở đây. Cán bộ nghe, trong lòng xót xa lắm. Nửa đêm mà vẫn thao thức chưa ngủ.

- Tôi xin ăn thế làm anh làm em thật bền với A Phủ.

A Phủ sung sướng quá:

- Tên là cán bộ à?

- A Châu.

- A Châu!

- A Phủ!

- Bây giờ làm anh làm em rô`i, nếu A Châu còn công tác phải đi đâu thì A Châu viết một cái giấy để lại, bao giờ lấy

được nước độc lập tôi mang cái giấ y về xuôi, đế n tận nhà mà nhận nhau.

Hôm sau, về nhà ngoài làng, A Phủ bắt một con gà trống mang lên cúng làm lễ ăn thề nhận nhau làm anh em, theo phong tục.

A Châu treo trên vách một lá cờ đỏ sao vàng nhỏ, từ sáng sớm A Châu đã đi sang mượn được của một tổ du kích. A Phủ thả p má y nén hương. Mùi hương thơm ngan ngát tỏa bay khiến cho người cán bộ miền xuôi ấy nhớ lại khi xưa còn ở làng, mỗi lần trong nhà có cúng giỗ. Bây giờ, lại tự tay làm cái việc phong kiến này, thầy vừa buồn cười, vừa ngượng. Tuy nghĩ như vậy nhưng vẫn lặng lẽ và nghiêm trang để nhích đầu lá cờ lên trên những nén hương, ngay đầu bệ p.

A Phủ đế n giữa nhà, khấ n lâm râm vào bàn thờ cúng ma một lát rồi quay sang bên bệ p, đứng trước nén hương và lá cờ, A Phủ cúi đầu thề :

- Tôi là Vừ A Phủ, tôi đã đem trình ma em tôi là Vừ A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với nó, ăn ở với nhau tốt mãi, bao giờ được độc lập cũng thế, không bao giờ tôi hai lòng đi báo Tây hại nó, nếu làm sai lời thì trời làm chết vợ chồ ng, chết hết giồ ng nhà tôi.

A Châu giờ tay thề :

- Tôi là A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với A Phủ, ai bắt nạt A Phủ thì cùng nhau đánh đũa thù, đánh thắ ng Tây, không bao giờ bỏ anh em.

Đã thê` xong, A Phủ kê con dao lên cắ t cổ gà. Được lưng bát tiể t, A Phủ quỳ xuố ng, uố ng một nửa, A Châu một nửa.

Không thấ y tanh mà cũng không ghê lợ m gì cả. Ý nghĩa tinh thầ n của công việc đã khiể n người cán bộ vượt qua nhữ ng điề u ngầ n ngại lúc nấ y. Từ lúc nghe A Phủ thê`, nét mặt nghiêm, tin tưởng, rồ i chính mình bước ra thê` làm anh em với A Phủ, không bao giờ phản nhau, thì người cán bộ không còn ngưng và sợ mình phong kiể n nữa, mà trước bàn thờ lúc nấ y chỉ thấ y chói lọi lòng trung thực tha thiể t của hai người.

My từ trong bế p ra. Đàn bà không được ăn thê`, nhưng My trông, My nghe hai người thê` thì My không ngồ i bế p được. My ra quỳ xuố ng trước má y nén hương thả p dờ, My bung mặt khóc. A Phủ cũng bật khóc. Mỗi người nghĩ lại ngày qua, cay đắ ng và ngậm ngùi.

A Châu nói với My:

- Bao giờ lấ y được độc lập thì vợ chồ ng A Phủ về` quê tôi chơi. Bấ y giờ, đâu cũng được ở yên, làm ruộng làm nương, làm buôn làm bán, đâu cũng sướng như nhau.

Nghe A Châu nói, hai vợ chồ ng A Phủ ngược lên, nước mắ t còn chan hòa, cùng nghĩ đê`n lúc sung sướng á y: Có cái nhà gỗ trên núi tranh, có trâu, có ngựa quanh nhà, có trẻ con chạy chơi dưới nhữ ng cây đào trước cửa, như họ đã ước từ ngày mới sang Phìn Sa.

Từ đấ y, A Châu thường khi đi, khi về` nhà A Phủ. Mỗi lầ n công tác xa, lại dặn: “Ở đây nhé, rồ i tôi trở về`, ở đây

nhé!...”. Vợ chồng A Phủ vẫn ở đây.

Một năm sau, vùng Phìn Sa thực sự đã trở nên khu du kích. Tây đồn Bản Pe lên cướp lợn, cướp bò, bẻ ngô, thì làng chạy hết, du kích ở lại bắn đuổi. Lâu lâu, không dám lên và khinh thường người ở trên núi nữa.

Hôm ủy ban xã làm lễ thành lập đội du kích, có bộ đội và ban huyện về tham dự, mít tinh rồi chơi đánh pao, đánh yến. Đội du kích đủ súng kíp, có cả ngựa. Những ngày nắng, lên tập bắn lá cây trên đỉnh núi.

Mùa xuân lại đến trên những đỉnh núi cao các làng Mèo. Tết của khu du kích kháng chiến không có tiếng chiêng cúng ma rập rờn. Nhưng trong đời cỏ tranh mênh mông, gió cứ giạt từng cơn vàng rục và trong phong cảnh khô héo cũng tựa tựa mọi năm, mỗi khi gạt hái xong, năm nào cũng như năm nào, trời cao mà như gần, cỏ tranh đã bắt đầu úa, có những con đường đất đỏ ôi, dài hun hút, vờn lên từng nét ghê rợn bên sườn núi trọc, có những buổi chiều buốt, lạnh teo, trong khi ấy cái Tết thong thả tới. Nhà nào cũng nghỉ đi làm nương. Củi gỗ thông trong bếp bốc mùi thơm. Tiếng sáo réo rắt suốt đêm ngoài đầu núi tranh. Nhà nhà giã bánh dày, giết lợn làm Tết. Năm nay trai gái không chơi Tết trước sân đầu làng, sợ tiếng sáo, tiếng reo hò kinh động xuống cánh đồng, khiến Tây đồn nghe tiếng. Họ kéo nhau lên núi, đi chơi trên núi từng đoàn. Các chị Mèo đỏ, váy thêu, áo khoác, khăn hoa chùm rục rờ. Các chị Mèo trắng chít khăn trắng nếp phẳng lì, tóc mai cạo xanh nhẵn. Con trai thì áo chèn, bịt đầu khăn trắng, thắt lưng màu thiên thanh.

Nhà A Phủ cũng giã bánh dày. Tết này là Tết đầu tiên hai người có thịt, rượu mà ăn với nhau. Vợ chồng mừng rỡ, vui sướng như trẻ con thấy Tết.

Buổi sáng, một bọn trai gái trong làng trèo đồi sang nhà A Phủ uống rượu. Bát rượu chuyền tay nhau, mỗi người một hóp, rượu bát chuyền quanh bếp sưởi củi thơm thơm, hết bát ấy lại uống bát khác. Vừa uống vừa hát.

... Em không yêu anh

Quả pao anh ném đi

Quả pao rơi xuống đất...

Họ vừa ra khỏi đây. Tiếng hát, tiếng sáo, mùi rượu, tiếng cười còn đậm ấm đầy nhà, My và A Phủ chưa lên núi, hai người chệnh choáng say.

My ngồi bên bếp, má đỏ rừ, lặng lẽ cời than, nướng miến bánh ngô. Đột nhiên My nhớ lại ngày con gái của mình. Những ngày đầu đời con gái cũng uống rượu, cũng cời than sưởi ấm, cũng nhiều bạn cùng lứa tuổi đến thổi sáo, hát, cười. Nhà My nghèo, váy áo cũ của mẹ để lại cho thôi, thế mà sung sướng bao nhiêu. Nhưng những ngày con gái chỉ ngẩn ngui, nhanh như bóng nắng. Đến khi về đến nhà Pá Tra, My không còn nhớ, không muốn nhớ. Nhưng sao đến tận bây giờ My cũng chưa thể quên dứt được cái lỗ cửa vuông mà bao năm My đã ngồi trong bóng tối ngược mắt ra, lúc nào cũng chỉ thấy mờ mờ bóng sương. My đang nghĩ lại.

A Phủ đã buộc xong gói bánh, xách đèn ngõ i trước bếp, bảo vợ:

- Ta đi chơi.

- Không đợi A Châu về` cùng đi à?

My lại nói:

- Bao năm nay không đánh pao, không thổi sáo, quên hết rô i.

- Bây giờ không ai cười nhau đâu.

Biết thế, nhưng My vẫn hỏi:

- Anh không có vòng bạc, em không có váy thêu mới, đi chơi sao được?

A Phủ cười to:

- Bây giờ ở du kích, ta chơi Tết không còn đĩa ăn mặc đẹp đi đánh nhau cướp vợ đâu. Đây không phải Hồ`ng Ngài rô i.

Nghe thế, My tủi lòng. My khóc, nhưng lòng My thì phơi phới. My cời tay rút sáo cài trên ngực áo A Phủ. Nước mắt giàn giụa, My nhắc ông sáo, thổi một bài hát, mười mấy năm nay không thổi, nhưng My vẫn nhớ từng câu:

Em muôn yêu anh

Anh không yêu

Em bỏ anh không được

Em phải về, em lấy anh

Làm thế nào cho em lấy được anh.

A Phủ cũng xách cái khèn, đứng đây:

... Trời hết rồi, em ạ

Tay em biết cầm kim khâu áo

Em không có lòng thì thôi

Em có lòng thì về

Ta ở với nhau một đêm

Ngoài cửa, bọn trai gái đi qua, lao xao gọi vào:

- Chơi một mình với nhau ở nhà à?

Chẳng biết vợ chồng A Phủ có nghe tiếng không, nhưng hai người vẫn mãi mê thổi sáo, nhảy khèn. Ngoài kia đám trai gái nọ không đợi, tiếng sáo véo von đi.

Lúc sau, A Phủ chột chột khèn, nhìn ra ngoài:

- Ta cũng đi thôi. Có thể lên núi gặp A Châu trên ấy. Mỵ khoác tay nải bánh lên vai. Hai người theo đường dốc đi lên.

Vẫn vui như lúc nãy, vợ đi trước, thổi sáo. Chồng đằng sau hát theo. Tiếng hát ú dài, mênh mông trong đồi tranh. Hôm ấy trời trong như một bóng sáng, trông xuống thấy chảy qua chân núi dòng suối ngọt nước trắng tinh.

Tới đầu dốc, sắp vào vệt rừng thưa, bỗng A Phủ che ngang tay lên trán, dăm dăm nhìn, rồi nói:

- Con chó đẻ ra thặng Tây. Nó lên cướp Tết của ta kìa, đông lắm.

A Phủ vứt cái khèn xuống tảng đá, lao về nhà, dắt ra một con ngựa của đội du kích.

- Em lên báo tin cho du kích.

My phóng ngựa lên núi. A Phủ ra khe đá, lấy khẩu súng kíp vẫn giấu ở đây, rồi chạy tắt núi tranh sang Phìn Sa.

Từ trên rừng, các đám trai gái đang chơi đã thành đội du kích tập hợp lại.

Đội du kích về đến làng, thì lính đồn đã ủa vào khắp nơi. Không có chỗ phục, súng kíp không đến gần được, nhưng cứ leo mỏm đá, đứng ngay trên đầu những nơi chúng sục sạo, bắn súng và lăn đá.

Ở đầu dốc vào rừng, một tổ phụ nữ tiếp tế bị giặc vây bắt được. Cả My cũng bị bắt.

Cuộc càn quét của giặc lên khu du kích Phìn Sa kéo luôn ba ngày.

Ngày thứ nhất chúng khuân hết của cải các nhà, từ cái thùng gỗ, cái váy, cái cối đá, đem về một chỗ, bao nhiêu người già, trẻ con còn mắc trong làng chưa chạy được nhất cả ở đây.

Ngày thứ hai, đi đót nhà, cho ngựa phá các vườn rau cải, bẻ nốt những nương bắp muộn, rồi lừa trâu, bò, dê, ngựa ngoài đò tranh về, rồi lên sục đót các lán trong rừng. Du kích bắn lại, chúng chạy bạt xuống.

Ngày thứ ba, tỏa ra trên các dải núi. Ngô thóc và máy chực người già, trẻ con, các chị bị bắt, hàng trăm bò ngựa và mười cánh thặng chết, thặng bị thương, chúng đem cả xuống.

Suốt một ngày chưa xuống tới chân núi. Qua mỗi mô đá, một khe hẻm hiểm trở lại gặp súng nổ, phải chững lại. Nhờ thế, một số chị bị bắt đã tan chạy. My cũng chạy được.

My về chỗ lán cũ. Nhưng lán đã bị cháy hết. My theo liên lạc vào cánh rừng khác. A Phủ cũng vừa về lấy đạn. Thấy chông, My bấu chặt vai, òa khóc, mặc mọi người xung quanh xúm đến.

Những người du kích nghe My kể lại:

- Vợ con A Chê ngay từ lúc xuống giữa dốc thì ngã, đau bụng quá, những thặng lính đi sau giẫm lên, chị phải nằm chết ở giữa đường. Còn có đứa con lên ba, một mình nó lạc lại sau. Thặng lính đến kéo cổ, kéo tóc nó, càng đi càng đánh, đến đầu dốc thì nó ngã không dậy được nữa.

My ngơ i xuống, hai mắt tròn xoe, mặt tái nhợt, không nói, không thở, không khóc. Nhiều người khóc, người chửi. A Phủ bảo My:

- Em đi cả đêm, nhọc quá rồi, đừng kể chuyện khổ ấy nữa.

Rồi A Phủ xúc vợ lên, cõng về chỗ lán cũ, đặt My xuống một tấm ván còn sót lại. My nằm thêm thiếp p. Tỉnh dậy, My thấy A Phủ đang tước mây buộc miếng thịt bò tốt rồi đốt lửa. My vẫn nằm quay mặt ra nhìn chông nướng thịt.

Lát sau, A Phủ đến ngồi cạnh vợ. My nhìn trước nhìn sau rồi nói khẽ:

- Sợ lắm, anh à. Lúc này chưa nói hết. Thông lý Pá Tra về đóng dưới đồn Bản Pe đây. Nó đem lính về ở đồn với thàng Tây rồi.

A Phủ không tỏ vẻ lạnh lùng gì. Nghe xong, quát lên:

- Quân ấy không phải giống người Mèo ta nên nó phải đi ở với Tây. Không được sợ. Phải thù nhiều hơn, nhớ chưa?

My nói:

- Sợ lắm. Bớ con nó mà bắt được ta lần này...

A Phủ hét:

- Mê à? Đây không phải Hồng Ngài, đây là Phìn Sa, A Phủ là tiểu đội trưởng du kích mà.

Rồi không nghe vợ nói thêm, A Phủ cứ lảm bảm chửi, chửi chán lại nói: “Nghĩ xem ngày trước nó tới đánh ta, làm ta khổ hại, có khác gì thàng Tây làm ác bây giờ. Nó không phải

giống người ta”. A Phủ lại ngồi xuống nướng thịt, vừa làm vừa chửi.

Thầy A Phủ quả quyết và chửi rủa bố con thông lý như thế, My cũng lỳ cái bình tĩnh lại.

Chỉ một lát im lặng, rồi những lo sợ lại đến day dứt. Mấy hôm bị bắt đã không làm cho My yên tâm ngay được. My lo nhà cháy, ngô lúa hết, bây giờ lại cặm cụi cày cuốc lấy lương ăn, như ngày mới sang đây, vất vả, khổ cực, mà chắc đâu đã được. Hay là ta đi. Ý nghĩ “lại đi” luẩn quẩn, gạt đi lại trở lại, và khi nhớ, lại ghê sợ nhớ xa cả đến cái chết giữa dốc của vợ A Chè. My càng thêm bị day dứt, hoang mang, khó nghĩ.

A Phủ đã nướng xong miếng thịt bò tốt, quảng xuống mặt ván, reo:

- Có lương khô đem đi cứu người già trẻ con rồi.

My định nói rồi lại thôi. Lương lự mãi sau My mới nói muốn đi ở nơi khác.

A Phủ sầm mặt:

- Thằng Tây bắt một ngày mà nó đã làm cho cái gan của em bé đi rồi... A Châu đã bảo ta giữ đường này cho bộ đội, thì ta giữ đường này cho bộ đội.

Nghe nói đến A Châu, My tỉnh. My vẫn thường nghĩ: Đồi có bố mẹ thì bố mẹ đã chết. Bây giờ mới thấy A Châu, mới biết có người tốt. Giữa hoảng hốt, nay bỗng thoáng lên những chuyện thủy chung, My lại bồi hồi mong chờ.

My không nói “đi” nữa, My trở dậy, cùng A Phủ ngồi nướng thịt bò. Đã nướng xong “lương khô” của du kích. A Phủ nói:

- Mai đi họp đội du kích bàn cách xuống đồn Bản Pe cứu người già, trẻ con về.

My tủm tỉm cười:

- Bây giờ hết sợ rồi. Mai em cũng đi.

Hôm sau, A Phủ và My đi họp đội du kích. Đi đường A Phủ chợt nhớ, nói chuyện:

- Ở Hồng Ngai cũng thành du kích như ta rồi. Tây phải lên đánh tháo cho bố con thống lý Pá Tra về đồn Bản Pe đây.

Lần này nghe nói đến bố con thống lý thì My không lo sợ nữa. My nghĩ: “Không biết các chị ở nhà thống lý bây giờ ra sao? Có theo du kích vào rừng, có thoát được không?”. My nói với A Phủ ý nghĩ hồi họp ấy. A Phủ im lặng. A Phủ đang mãi nhìn ra những làng xóm vừa bị giặc đốt cháy.

Vùng Phìn Sa trước kia, nhà cửa san sát, trâu bò ngựa dê đi vàng núi tranh, bây giờ chỉ thấy thoáng người đứng búi cái bát, cái lười cuốc còn sót trong đám tro đen. Từng đàn quạ lượn trên những vũng máu khô, những nơi mà bọn lính đã vút lại những đầu bò, lòng lợn, hũy còn tanh sặc.

Nửa tháng đã qua, vẫn thấy từng đàn quạ nô'i nhau lượn tìm mùi tanh trên đầu núi.

[1] Tổ chức cai trị của Pháp trước đặt chức thống lý cho chức việc người Mèo cũng như chánh tổng ở xuôi.

[2] Tiếng lóng biểu lộ sự tức giận, cũng có nghĩa như một tiếng chửi.

Vượt Tây Côn Lĩnh

(*Nhật ký của một đại đội trưởng
trung đoàn Lao - Hà*)

Tây Côn Lĩnh là một ngọn núi cao hơn hai nghìn thước thuộc tỉnh Hà Giang, nối với dãy núi Lũng Chùng Phụng chạy liên sang Trung Quốc. Tây Côn Lĩnh, cái bình phong thiên nhiên ngăn Hoàng Su Phì phía tây và Cống Giời phía đông. Pháp đóng ở Hoàng Su Phì không ngờ có thể nào quân ta dám leo một triền núi đá cao ngất không người qua lại bao giờ và, dù đương mùa hè, trên đỉnh núi cũng rét cóng, đến cây cỏ cũng không mọc lên được.

Ngày 25-7-1948, một trung đội thuộc trung đoàn Lao - Hà (Lao Kai và Hà Giang) đã vượt Tây Côn Lĩnh vào tấn công Hoàng Su Phì.

24-7

Buổi chiều, đến chân núi. Bao nhiêu nóng nực đã được cất đi từ lúc nào. Trời đất dưới bóng núi, âm ướt mát rượi. Cái áo trấn thủ dẫm ra sấp hợp thời.

Kiểm lại quân số một lần cuối cùng. X. chiến đấu viên. 3 RM, đủ súng trường AT. Mỗi khẩu 300 viên dự trữ. Súng máy 700 viên một khẩu, còn trữ 1.500 viên. Thế đã là khá nặng. Còn xẻng. Còn xà beng. Với cái túi đeo bấy ngày gạo, lại áo và chăn trấn thủ.

Nặng quá. Công tác chính trị có kết quả. Thực sự đã xây dựng được quyết tâm của các chiến sĩ. Chứ kể ra, dù có leo qua Tây Côn Lĩnh, cũng chưa chắc trận này đã là ghê nhất. Một tháng nay chúng tôi đã tẩn công đuổi địch chạy quanh Lao Chải, vó chân sắt của bộ đội Lao - Hà đã từng băng qua các đỉnh núi lạnh ghê người, đá sắc như dao. Những con người này đã từng được ruồi vàng đốt mưng mủ, sung người như thằn lằn khổng lồ. Đủ vánh đói khát rồi.

Được, Tây Côn Lĩnh! Tây Côn Lĩnh kia! Xưa nay chưa ai trèo qua đầu mây thì ngày mai bộ đội Việt Nam sẽ trèo qua đầu mây.

25-7

12 giờ trưa.

Đi trên triền núi ngoảnh lại, không còn thấy gì nữa. Sau một buổi leo cật lực, dốc Cổng Giời đã là chuyện hôm qua. Và đường như đã xa rồi. Bây giờ chỉ có sương và mây mù mịt phủ ngay trên lưng chúng tôi. Mặt trời đã lù đù ố m đau, một cục vàng nhạt. Như chiều mùa đông miền quê. Trước mặt vẫn dựng đứng vách đá, giắt cạnh khe những cụm cây mua, dây phượng vĩ, máy góc nửa tép cằn. Trông đường đất thê này thì nghe chừng triển vọng ngày hôm nay chỉ là một cuộc leo dài.

Bám vấu đá, bám góc cây mà leo! Tụ tay, tụ chân một cái là mất người. Mà tụ anh hỏa thực thì mất toi cả. Mỗi lần nghe chiếc nôì đờng va lôông côông vào đá, nhiều cậu lại giật mình ngó lại. Càng lên càng lạnh, càng

chiều càng lạnh. Lưng và bụng toát mồ hôi mà mặt và bàn tay thì lạnh tái. Tháng này ở dưới ta đương nắng cháy mỡ. Rồi ông mặt trời ốm o cũng mờ tịt lúc nào không biết. Một thứ ánh sáng đục lờ như nước vo gạo, không ra ngày không ra đêm. Đâu giờ trở quá. Lưng còng xuống lấy đà nhún bước đã thấy cứng nhấc, tức đến ngực. Dễ đã cheo leo trên hai nghìn thước rồi. Cứ bước dựng đứng chân lên từ sáng sớm, còn gì!

Chúng tôi dừng lại trước lúc trời tối hẳn. Còn đủ trông thấy những cái mặt tái nhợt của nhau. Không dám kêu nữa, sợ đêm sẽ rét quá, không biết có chịu nổi không. Nơi này dốc đá thoải thoải, đôi chỗ có đá t, có thể nằm được. Chúng tôi mở com nắng ra, và đi tìm cây, vơ cỏ làm lều.

Một cái lo thứ nhất: chỉ có vài người đi lấy được ít lá dong về lựa thưa lọc che sương. Còn thì phần đông, vừa ngói thì không đứng lên được nữa. Cứ ngói xuống lại run căm căp, com cũng không nuốt nổi. Rét ở đá, rét ở bóng tối, rét từ ruột rét ra. Ghê nhất là mỗi khi nghĩ mới hôm qua còn nóng nực thì trong người tự dựng rùng mình như đang cơn sốt, càng rét khiếp. Bây giờ mới thấy là rét thật, rét ghê quá!

Đêm đến, bốn phía yên ỉ. Không phải tiếng giun dế. Không có giun dế. Chỉ có tiếng người khe khẽ. Có lẽ hai hàm răng đã cắn lại mà tiếng yên ỉ vẫn bật ra. Núi đá âm ứt, không tìm được một que củi. Chăn áo trùm hết lên nhau, vẫn run, vẫn yên, vẫn kêu, không tài nào chịu được.

Rét thấ m từ trong ngực rét ra, không biế t làm thê nào nữa.

Quá nửa đêm, nổi mắ y tiế ng rú, hay là tiế ng ho, tiế ng nôn khan, cũng không phân biệt đượ. Rô i bóng người lê lê từ bên phải sang.

- Báo cáo, đôn g chí N chề t rét rô i. Em bịt mũi không thấ y thở nữa.

- Bật lửa lên!

- Bật lửa không cháy.

- Ét xăng đâu?

Ét xăng đổ ra. Ét xăng không bén lửa. Trong bóng tồ i, lại kéo dài những tiế ng rú, không ra tiế ng... Trời ơi, cái rét đột nhiên quá. Không ai có thể tưởng trước như thê này.

Một cái bóng bò đê n. Run câ m cập:

- Báo cáo anh: đôn g chí B chề t rô i. Em câ u không thấ y đôn g chí á y cựa quậ nữa.

- Y tá đâu? Y... tá... đâu?...

Không nghe tiế ng thưa. Có lẽ y tá đã cứng hàm, y tá chề t rô i.

Từ lúc á y, thỉnh thoảng anh nọ lại phải câ u anh kia xem có còn số ng không. Nhưng rô i có khi câ u cũng không biế t đau, không thấ y còn biế t đau, không thấ y đau,

không thấ y cựa. Phải bóp chặt mũi, người bị ngạt toài lên: thê mới biế t còn số ng.

Trời đực lờ. Sắ p sáng. Số ng rô i.

26-7

Chúng tôi mới hiểu: Khi ban ngày nóng, thì cái rét dữ dội đột ngột ban đêm càng hế t sức nguy hiểm. Những anh em bị chế t, người còn mê m rấ t lâu, như người nắ m ngủ. Cái chế t bắ t thầ n.

Hai phầ n ba không đi đượ c. Bây giờ cứ nghiế n vào nhau. Tay nắ m lại cũng không mở đượ c ra. Phải đi, không thể dùng dắ ng! Dùng dắ ng thì chế t hế t. Nhọt nhọt quá rô i. Anh khỏe xô c anh yế u, vục nhau lế t đi!

Thê nhưng cũng phải bỏ lại đấ y hai người. Một bộ đội. Một dân quân. Sáu dân quân làng P rấ t tồ t, đã tình nguyện theo chúng tôi đi. Thê là đêm qua chế t ba, bây giờ hai. Hai người vừa mắ t, chân tay nhuôi ra, mà mặt lại không tái, cứ đỏ lịm lên. Tuy nhiên, đấ y không phải là số ng, mà đấ y là bị rét đứt mạch máu, chế t tươi. Đồ ng chí y tá (y tá vẫn còn số ng) tiêm long não cũng không lại. Chỉ một lát sau, thì tím ngắ t. Chúng tôi liệ m các đồ ng chí vào chắ n rô i đem đặt cả vào một cái khe đá. Không có đấ t chôn, cũng không đào đượ c.

Chúng tôi vịn nhau đi đượ c một lúc thì mô ` hôi đỏ ra gân bót cóng, dầ n dầ n người hò i lại. Lại lên cao nữa. Nhưng ban ngày không khủng khiế p như ban đêm. Ai cũng cô leo. Đường như chỉ sợ lại sắ p tồ i, tồ i thì chế t. Đêm nay nữa thì

thật chết hé t. Lên đến đỉnh núi vẫn mênh mông sương, khói, mây gì không biết. Mịt mù ẩm ướt, hơi nước đọng giọt trên những cụm nứa cằn, bé tí tẹo như những khóm trúc non bộ.

May sao, dốc Tây Côn Lĩnh phía bên Hoàng Su Phì thấp hơn phía Công Giời. Cho nên, mới đổ dốc sáu tiếng đã trông thấy rừng xanh mờ viền dưới chân. Sương mù bớt đặc. Chúng tôi như đánh hơi thấy mùi ấm áp của cuộc sống. Mới có hai ngày mà dài thế, như sang tận thế giới nào.

Bốn giờ chiều gặp một cái lán bỏ hoang của người Mèo. Lán làm nương, bỏ lâu, nương đã hóa rừng cả rồi, nhưng có người đã đến là chắc có sống. Mừng quá. Chúng tôi vào đốt lửa và nghỉ ở đây. Trời hôm nay cũng rét, nhưng lửa đã thổi cổ được cái rét lên ngọn núi.

Khai hội toàn đại đội. Đại đội trưởng đứng lên nói:

- Từ giờ phút này, chúng ta đã vào đất địch. Thế là đã làm được một phần mục đích của cuộc tiến quân, bây giờ chỉ còn phần tìm đánh địch. Hai ngày hôm nay vất vả, có đồng chí chưa được đánh đã hy sinh ở dọc đường, các đồng chí có vì thế mà nản không?

- Không.

- Nản lúc này là chết. Chỉ có tiến vào mới sống, đánh được địch mới sống. Chúng ta quyết đi tìm địch, đánh địch. Ta có quyết tâm không?

Những cái đầu trọc hiên ngang nghênh lên:

- Quyết tâm!

28-7

Bắt đầu tiến hành. Xuống dốc quá nửa buổi thì tới trước cứ điểm Túng Quá Lìn. Túng Quá Lìn đóng trên một quả đồi trọc chĩa nóc trong núi ra. Đòn khô đỏ và kẻ cướp. Đứng trên cao, chúng tôi trông thấy rõ ràng hai súng máy và một móc-chi-ê 50.

Chúng không có thể tưởng quân ta lại xuất hiện từ trên núi xuống.

Chúng tôi tấn công giữa ban ngày. Xung phong ô-át loạn xạ lên, ném lựu đạn vào lô cốt đồn, tấc ngay một ổ súng máy.

Địch bị đánh thành linh. Nhưng chỉ sau vài phút cuối, chúng tỉnh ngay, bắn ra rất dữ. Chúng tôi không vào đồn được, phải rút ra, nã một loạt đạn AT, rồi lại xung phong. Nhưng cũng không vào được.

Phải rút hẳn ra ngoài, bao vây các đồi xung quanh. Chặp tối lại đánh. Chúng bỏ đồn chạy đêm, để lại hai xác chết. Chúng tôi thu được một khẩu Brenn, còn đạn móc-chi-ê, đạn súng trường thì vô lũng, khiêng không xuể.

Kiểm điểm lại, thấy: Chiếm được đồn, nhưng không gọn nhanh, không thực hiện được kế hoạch hoàn toàn tiêu diệt địch. Và thế là lộ bí mật. Sự có mặt của chúng tôi, địch đã biết. Không thể tấn công thành linh được nữa.

Tuy vậy, thắ ng lợi đầ u tiên đã làm hắ ng hái anh em. Chúng tôi đố t đờ n Túng Quá Lìn rô i tiế n vào Bản Quá.

29-7

Vắ n rừ ng núi xen kẽ, nhưng không còn hoang vắ ng. Và đã hế t đố c. Đây là một vùng bắ ng phẳng ở lưng núi. Con đườ ng vào Bản Quá chố c lại gặp nương ngô xanh ròn. Vài nhà người Mèo thắ y lính đờ n Túng Quá Lìn nửa đêm chạy qua, cũng đã bỏ đi hế t. Không cách nào đi vận độn g đầ u ra lương thực. Chỉ còn có hai ngày gạo. Nế u chiề u hôm nay không tới Bản Quá, không cướp đượ c lương thực của địch thì có thể phèo tuố t.

Giữa đườ ng, vượ t một khe núi đá, thì chạm trán một toán địch đánh chặn. Tao ngộ chiế n. Nó địn h tiêu diệt mình. Mình thì nhắ t quyế t xông vào, trước hế t là cướp lương thực. Đoi bên cùng hắ ng. Mình xung phong. Nó cũng xung phong. Nhưng vào cách nhau khoảng 20 thước, lưỡ i lê và má c chúng tôi xộc lên thì chúng nó bỏ chạy tán loạn. Chúng tôi đườ i theo.

Lại một toán giặ c khác từ Bản Quá tới tiế p viện, Chúng tôi đườ ng đườ i, gặp bọn mới. Chúng nó chiế m đượ c đờ i cao, quét liên thanh xuố ng. Chúng tôi hy sinh mắ t hai. Phải lùi lại tám trăm thước, dàn trận. Hai bên bắ n nhau cho đế n tớ i mịt mới im tiế ng súng. Các hỏa thực phải đi bẻ ngô trên nương về lượ c. Chúng tôi đầ n lắ y ngô của đờ ng bào, không biế t làm thế nào khác. Phải giữ lại ngày gạo cuố i cùng làm vô n.

30-7

Quân địch tấn công từ sớm. Nhưng chúng không tiến được. Đánh nhau suốt ngày. Chúng được tiếp thêm đạn từ Bản Quá ra. Moóc-chi-ê cầm canh đội sang cả đêm. Ban ngày không đi được, mà đêm thì không biết lối vào. Ngày gạo cuối cùng cũng đã hết rồi.

31-7

Chúng tôi lại tấn công từ lúc sương còn đục. Từng bộ phận nhỏ của địch định đã bọc ra sau lưng ta, nhưng đều bị đánh bật lại. Chúng nó ít quân. Nhưng chúng đã hãm ta vào một thế nguy hiểm. Chúng chiếm được lợi địa, nếu bác ông nhòm thì nhìn sang suốt tận đằng sau ta. Cứ liên lạc nào thò đầu ra khỏi chỗ nấp là y như rằng bị moóc-chi-ê rút chặn, đuổi. Các hỏa thực phải cảm tử mới đưa được thức ăn lên cho chúng tôi. Mà nào có gì. Nó là sáng kiến linh động của nhà bếp: một ôm rau lang luộc với mỗi người được hai bắp ngô.

Có khi moóc-chi-ê câu tung cả người hỏa thực lẫn rổ rau lên. Ngô ì dầy, nhạt rổ rau, rồi lại bỏ.

Có những tổ ở phía ngoài không thể liên lạc tới được. Các chiến sĩ nằm trong hố, đói quá, nhảy chồm chồm, hét cuống lên.

Một tổ nghĩ ra một mẹo: Rình lúc quân địch ăn thì xung phong vào. Xung phong hết sức táo bạo, mãnh liệt. Chúng phải bỏ chạy. Nhưng chỉ để lại vài hạt cơm vãi. Có lẽ nó đã biết chiến sĩ ta đói, đánh cướp cái ăn.

Không thể nã nã.

Ở cao nguyên, sương xuống rất sớm. Nhờ sương mờ, đại đội trưởng cho bộ đội bí mật rút về Túng Quá Lìn.

Địch không biết.

Chúng tôi chạy nhanh như ngựa. Ba cánh thương binh, hai chiếc cánh khiêng đạn chiến lợi phẩm lóc nhóc chạy theo.

Về tới Túng Quá Lìn, chúng tôi nhảy xa lên nương ngô. Đại đội trưởng HT không thể nào giữ được vẻ nghiêm nghị giữa hai hàng quân, cứ ngỡ nết bấp này đến bấp khác. Nước ngô sủng ngâu trắng hoe nhoét hai mép.

Đêm lại làm một bữa ngô non luộc húp cả nước. Sau bữa ấy, khi đã tỉnh người, rồi thì chúng tôi bỗng lo lắng hơn. Thế là lại ăn ngô của đồng bào. Phạm kỷ luật chiến trường. Mà đây là đồng bào trong vùng địch, chưa biết gì về quân đội ta. Tuy không có kiểm điểm, không ai nói ra, nhưng cứ tự nhiên, không ai lên nương bẻ ngô nữa. Mỗi anh chỉ còn vài quả đào tìm được trong rừng, để dành mai ăn.

Toàn đội khai hội. Ánh lửa bập bùng hắt lên những cái đầu trọc bóng nham nhở tóc, mặt anh nào cũng vêu vao vạc từng nét sâu hoắm như đã đói khát hàng tháng ròng rã.

Đại đội trưởng nói:

- Ngày mai trở về. Bốn giờ sáng hành quân.

1-8

Lại qua Tây Côn Lĩnh.

Đường dốc trở ra không cao lắm. Chỉ già nửa ngày đã lên tới đỉnh. Cảnh rét đỉnh núi lại tái diễn ghê gớm. Bởi vì còn thêm cả cái đói trong người và hai ngày đánh nhau đã kiệt sức. Mù mịt sương phủ, âm hết quần áo. Không có mặt trời.

Chúng tôi đi từ lúc bốn giờ sáng - không phải sợ địch đuổi kịp, nhưng cốt hành quân sớm để quyết vượt qua đỉnh để xuống cho được bên kia. Đó là kinh nghiệm máu của chuyên vào đã để lại: Nếu dừng lại đêm trên đỉnh núi thì chết.

Nhưng mà rét cứng kheo rồi. Người cứ dõn lại, lom khom xúm xít rên, run. Có một anh lên cơn sốt, nằm phục xuống. Mọi người đến xúc dây. Anh nôn ra từng bát máu rồi gục xuống, lần cuối cùng. Nguy ngập quá. Bây giờ mới xế trưa. Chắc là chưa khùng khiếp rét như trong đêm. Nhưng bởi chúng tôi sút quá rồi. Đại đội trưởng giơ tay lên hét:

- Đi, đi. Đứng đây nó đông máu lại, chết hết bây giờ.

Rồi anh đẩy từng người đi. Đoàn quân lại rùng mình, ngất ngư, tuột đá, búa cỏ, tuột thõng hai chân. Rồi lại tuột đá, lại búa cỏ, lại lần lần xuống. Một thương binh rên rí:

- Để tôi lại đây, cho tôi chết... tôi chết giữa đường thôi.

Nhưng ba cái cẳng thương binh vẫn lách đi, lách xuống. Lúc nào ba cái cẳng thương binh cũng dõ mặt với cái vực

sâu. Các anh nằ m trên cắ ng vắ n rằ n rằ , đò i chố c lặ i vậ t nằ i đò i đượ c đặ lặ i.

Đế n đầ y, đố c đứ ng thầ n vậ i, khồ ng cách nào khiề ng cắ ng xuồ ng. Phả i bỏ cắ ng lặ i. Các thườ ng binh, cái chắ n trắ n thủ quắ n kín như đặ làm chắ n liệ m sắ n. Vặ ch chắ n ra, mặ t anh nào cũ ng đầ xắ m ngắ t. Hằ m rằ ng cứ ng. Chỉ còn mộ t anh thề u thầ o:

- Anh lầ y áo... lầ y chắ n tồ i... mặ c vầ o... anh đi...

- Khồ ng! Lề n đặ i đò i trườ ng: Chứ ng ta cùng đi!

Mồ i thườ ng binh đượ c tiề m hai ổ ng long nầ o. Anh y tá tiề m xồ ng, nằ ng tầ ngườ i lằ n, vặ n tay, bốp chầ n rồ i xồ c đứ ng đầ y. Mắ y anh khỏ e thay nhầ u xồ c nắ ch tầ ng bứ c đầ ra xuồ ng.

Thề lầ rồ i, xuồ ng đượ c cả. Tuy nhiên, nhìn lặ i chứ ng tồ i đầ phả i đặ trề n cả đườ ng đi và về, hai ngườ i trong Bả n Quầ và sáu ngườ i nằ m muồ n đò i trề n đầ ng Tây Côn Lĩ n.

Thề rồ i, càng xuồ ng đượ c bao nhiêu thì càng bớ t rết bầ y nhiều. Chín giờ. Tô i lắ m. Vắ n tồ m cầ y, bứ lầ , trự t. Mộ t đầ n quầ n lặ i tìm đượ c cái lầ n Mề o khồ ng có ngườ i ở. Chứ ng tồ i loạ ng quạ ng bứ c quầ nhữ ng cầ ng đầ o trườ quầ , và vầ o mặ t. Nhữ ng khồ ng ai còn sứ c vớ i tay lằ n. Có anh cô ngắ t, cắ n mộ t miề ng, quầ đầ o vầ ngậ rằ ng thì hằ m cứ ng lặ i, đế n nồ i khồ ng há ra đượ c.

Khồ ng đồ t lầ , khồ ng còn đầ sứ c đi vồ củ i đồ t lầ nầ . Tầ t cả lầ n ra đầ t, nằ m sắ p chề t.

2-8

Tình đây, nhiều người nhìn thấy mình nằm trên những đám phân ngựa đã mọc nấm trắng. Một số tình, lò dò đi kiếm được nấm rau tàu bay. Ánh lửa bấp làm cho xung quanh đã hời hời.

Nồi canh rau muống được bắc ra. Mọi người vục đầu húp. Nhưng đói quá, lại vừa trải cuộc kinh khủng đến như thế, ruột đã quắt cả lại. Húp vào càng bái hoải. Có anh lại ngã ra, ngất đi.

Đại đội trưởng chọn một tổ ba người còn khỏe, trút súng lại, chạy về trước báo tin.

*

* *

Chiều hôm ấy, một tiểu đội cấp hành quân lên. Họ đã gặp chúng tôi, nhưng dường như không thể biết hơn ba mươi con người ấy nằm đây từ bao giờ, bởi vì sự im lặng đến kinh rợn, như vào chỗ không người. Tôi được nghe kể: Họ đã thấy chúng tôi xúm xụp, chông đống, tay quắp, chân co như những xác chết. Mép sùi bọt. Mặt trắng bệch. Xung quanh thì bừa bãi nồi, túi thuốc, súng, cả chăn hãy còn cuộn nguyên, đạn - cả khẩu Brenn và những hòm đạn moóc-chi-ê 50 chiến lợi phẩm thu được ở Túng Quá Lìn. Đại đội trưởng nhắm mắt nửa nằm nửa ngồi, đầu lả xuống một tảng đá. Chăn trăn thủ trùm ngoài cái áo khoác dạ “cút ngựa” rơi tụt xuống chân.

Tôi chỉ còn nhớ tôi vừa lão đảo ngô ì xuông đấ y. Mắ t vàng, đầ u nặng như đeo đá. Một ý nghĩ ngộ nghĩnh cồ ắ ng thoáng tới. Tôi thử hát xem tai tôi có còn nghe tiế ng của tôi không. Không biế t tôi có hát nổi không, nhưng tai tôi chẳng nghe tiế ng gì hế t. Tai tôi ù ù sắ m động. Thế ầ là tôi ngô ì gục, nửa tỉnh nửa mê như thế ầ .

Câu chuyện vượt Tây Côn Lĩnh mới cách đây ba tháng.

Hôm nay, lại hành quân. Từ Phồ ầ Ràng lên, cũng toàn đầ c rừ ng. Đại đầ trưởng HT bảo tôi:

- Bộ đầ trung đầoàn Lao - Hà chúng tôi thì quanh năm leo, lại leo.

1949

Mùa hái bông

Mùa xuân, vùng Mường Piêng có tục lệ cũ: Trai gái đi chơi hang núi. Những cuộc hò hẹn vui thú nhất là những cuộc chơi hang.

Năm 1952, trong chiến dịch giải phóng Tây Bắc tôi qua khu du kích Mường Piêng, được nghe câu chuyện sau đây.

Pháp trở lại. Cả các làng bản Mường Piêng phải bỏ ruộng, lên ở núi. Cây lau, cây bó mọc lấp hết ruộng. Hoa lau hoa bó hoang dại loang ra năm này qua năm khác trắng xóa cánh đồng.

Làng mạc, nương rẫy bây giờ ở bí mật trên núi cao. Đến mùa gặt, đứng trên ngọn này, trông chếch sang sườn núi khác, chốc lại thấy một vệt sáng vàng vàng. Ấy là những nương lúa tra kín đang trở.

Năm ấy, thành linh Tây lên lòng. Cả làng lại phải bỏ nương lúa, bỏ núi đi lên nữa đến nơi hóc hiểm, xa hơn. Như một đàn trâu vào rừng biết bảo vệ nhau, họ đi từng đám. Người già, trẻ con gồng gánh đi giữa. Du kích mang nỏ và súng kíp giữ gìn trước, sau. Hơn hai mươi người và đồ lễ trèo núi. Mấy ngày mấy đêm vẫn đi. Đêm đến, trông xuống vòm sương mù mịt, thấy ánh một đốm lửa. Đấy là cái đống Tây đóng giữa làng cũ, vẫn còn thấy cái đống ấy. Người ta lại giục nhau, lại trèo đi.

Nhưng bỗng cả bọn dừng lại đợi. Vẫn chưa cháy anh Sinh trở lại.

Du kích Sinh đeo súng kíp, đi trước. Anh vừa theo mùi hôi thoảng qua.

Mùi hôi thú rừng. Cả Tây cả thú rừng đều nguy hiểm. Du kích phải đi tìm xem sao.

Theo bờ suối cạn, một dải lau dài dạt, gãy lả tả. Đám lau bị gió xoáy còn nặng đầu chân vừa xéo, chưa góc lại được. Mặt Sinh nóng bừng, như thói quen những khi đi săn gặp mồi. Sinh lách vào bụi, cứ nương theo ngọn lau đó luôn về phía trước.

Cả bọn đứng đợi. Cô Hoa sốt ruột nhất. Mắt Hoa dăm dăm về bờ lau, hai tay nắm chặt đòn gánh. Hoa ngò i xoáy giữa đờ đạc, rồi Hoa đứng lên. Chốc Hoa lại thì thào với cô Hắt, cô Hói. Hắt và Hói cũng bản khoăn lây. Hắt bực mình, đùa:

- Con hổ nó không lấy mất chông mày đâu.

Hoa im. Nhưng chỉ được một lát, Hoa lại rì rầm.

Giá như thời bình yên, Sinh đã được đến ở rể nhà Hoa. Cha mẹ già trong nhà đã bả ng lòng. Ai cũng biết hai người mê nhau lắm. Nói gheo, không biết thẹn nữa.

Mùi hôi vẫn rập rờn trong gió. Hoa cứ nghĩ như ở đâu con hổ đang rình Sinh. Các bạn lại nói đùa:

- Không, con hổ cái nó chẳng cướp chông mày.

- Năm nay chạy rừng, không có thịt, du kích đi kiếm thịt về ăn Tết đây. Con hổ, con gấu cũng thế.

Vừa lúc ấy, Sinh về. Sinh lẳng một vác thịt trên vai xuống. Một nửa con nai, lòng gan thòi lòi, hai đùi sau còn nguyên. Thì ra con nai bị hổ tha vào trong khe suối cạn, ăn không hết, bỏ lại.

- Thịt Tết đây.

- Con hổ thương ta chạy Tây khó nhọc, hổ biếu ta cái Tết.

Các cụ già và lũ trẻ con xúm quanh. Họ vác lên, ước nặng. Quên cả đường chạy núi, cứ nhón nháo vui như sắp ăn cỗ trong làng. Một cụ già nói:

- Ta có trèo lên đến quả núi trước mặt, nghỉ lại ăn Tết. Thịt làm Tết đây rồi.

Bọn trẻ lao xao cười:

- Phải rồi, ăn Tết với xòe...

- Không có trộm, không rượu mà xòe được à?

- Cứ gì trộm với rượu, vui thì nên xòe thôi.

Hoa liếc nhìn chị em. Chân ai cũng như đã muợn bước ra sàn xòe. Trong lòng hơn hờ vui.

Họ nghỉ lại trên ngọn núi ấy để ăn Tết thật. Đồ đạc, cái ninh, cái chảo, quang gánh tạm dòn cả vào hang đá. Các cụ nhớ Tết ở làng, cứ ngò cửa hang nhìn xuống. Không

biết đến năm nào thì được trở lại ăn Tết dưới làng. Các anh du kích đem bịt miếng da bò lên mặt một cái nhình, làm trống. Các chị thì căng lại dây đàn. Ăn Tết được hai cái đùi nai to. Và cũng trống, đàn, cũng xòe hát đây.

Trên mô đất phẳng, phát đi vài đám cỏ rặng rợ, đã thành cái sân chơi đầu làng. Tiếng trống pháp phùng như tiếng gió thổi vào lá chuôi. Tiếng hát giáo đầu lúc xa lúc gần, cũng như những năm nào bình yên.

Chơi đầu chẳng bằng chơi dây

Chơi đêm cũng lịch chơi ngày cũng xinh...

Nhớ năm ngoái, cũng ở khu du kích trên Khe Dao, có bộ đội về ăn Tết. Mấy làng Mường, làng Mán Nga hoàng, làng Thái đi ở du kích đều đến xòe hát ở làng Mán Sơn Trang. Tiếng chân xòe rộn rã lạch xạch trên sàn nhíp với tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát. Sinh và Hoa cũng đi xòe, mấy đêm ngày được cùng nắm tay nhau. Cũng như bây giờ.

Sinh và Hoa bước lại. Hai người đã đi xa đám xòe lúc nào, cũng không biết. Trời bừng sáng. Họ đi trong nắng xuân dịu dàng. Hoa phủi bụi than bết trên váy áo. Váy Hoa đã bạc, nhiều chỗ rách cả rồi. Hoa thấy Sinh ngấm mình. Hoa xấu hổ, muốn khóc. Hoa nhớ lại mùa bông tháng Bảy vừa qua. Giữa mùa bông, Tây lên càn. Nương bông của Hoa đang nở trắng cả lưng núi. Giặc đốt phá hết. Hoa không hái được quả nào. Đã mấy năm nay chạy rừng.

Hình như Sinh cũng đang nghĩ như thế. Nhưng Sinh nói:

- Thằng Tây làm hại, nên quần áo mới rách thế này đây.

Hai người im lặng. Tiếng hát đám xòe xa đưa tới. Hoa cúi lau nước mắt. Hoa nhớ lại. Hoa buồn. Nhớ lại vài năm nay, từ khi Hoa biết, Hoa chưa được biết cái Tết nào bình yên ở làng. Hoa theo mẹ lên khu du kích từ năm Hoa còn bé con con. Hoa đi, gánh đôi quang gánh dài quá. Đường dốc, tròn thúng quệt vào đá, mẹ Hoa phải nâng quang lên cho Hoa bước. Cái váy chàm này mặc từ năm chạy ở làng đi. Mỗi năm váy bạc, nhuộm lại, rồi lấy bột vải thật lưng, lai gấu xuống cho vừa tầm cao lớn lên của cô con gái đến thì. Khéo chắp vá đã mấy năm, vẫn mặc được nhưng váy áo càng ngày càng tồi tả. Biết đến ở chỗ nào lại trông nương bông được? Hoa tủi, khóc.

Sinh cười:

- Ngày mai lên khu mới, tôi đi tìm đất làm cho Hoa một nương bông. Tháng Bảy này bông lại nở trắng nương, bông để may váy áo mới cho cả nhà cũng không hết.

Lúc ấy, bọn cô Hắt, cô Hói chạy tới. Họ đang ra tìm hai người.

- Chỉ xòe tập ở đây thôi. Ta sửa soạn đi cho kịp thôi đường. Hoa im lặng, bấu tay, ngả vào vai áo Hói, Hói gắt:

- Rách áo tao!

Hoa mỉm cười, đưa mắt nhìn Sinh, nói:

- Đê n chỗ ở mới, tao lại giồ ng bông. Tháng Bảy này tao hái bông, vừa may váy áo vừa cho chúng mày cũng không hê t được.

Mâ y chị em cùng cười. Váy áo đưong rách, nhưng họ nghĩ đê n nương bông nê và váy áo mới. Như thê mới vui được.

Tiê ng đàn, tiê ng hát xòe còn văng vẳng. Họ lại chạy vào vòng xòe. Xòe rô n thêm lúc nữa, rô i mới đi. Sinh nắ m tay bạn xòe, khéo chọn chỗ đứng ngay trước mặt Hoa, Hoa bỗng ngường, cúi đầ u. Đám xòe thêm người mới, lại rộn rã hơn.

Chơi đầ u chẳng bắ ng chơi đầ y,

Chơi đêm cũng lịch chơi ngày cũng xinh...

*

* *

Cô Hắ t đã kể lại cho tôi nghe những chuyện làng chạy giặc lên ở khu du kích năm â y. Kể đê n đầ y cô ngậ ngừng:

- Sáng hôm sau, đưong đi thì gặp Tây ở đầ ng núi kia lên chặn. Em bò vào bụi cây, đê n khi Tây đi rô i em lại chạy theo làng.

- Thê còn Hoa thì sao?

- Tây bắ n chê t cả hai người.

Hắt im, không nói nữa. Trên cái sân nhà ả́ng mới dựng lại, Hắt quay con cú. Tiếng lạch xạch đê`u đê`u. Sợi bông vãi trắ`ng muô`t chảy theo guô`ng. Như sợi bún xuô`ng khuôn. Đắ`y có phải là sợi vãi bông giô`ng tồ`t ở Khe Lao năm trước, các làng trên khu du kích đi lắ`y về` giô`ng? Thê` là cái ước mong đượ`c váy áo mới của Hoa và Sinh đắ`y.

Trai gái Mườ`ng Piêng vẫn có tục cũ đi chơi hang mùa xuân. Bây giờ đi chơi hang mùa xuân cô nhớ Sinh và Hoa khi ở khu du kích trên núi vẫn mong mùa hái bông và đợ`i mùa xuân chơi hang.

1955

Thào My kể chuyện đời mình

1.

Nhà em ở núi Nhá Súa, núi em có ba nhà ở cửa hang. Đứng đây trông xuống cánh đồng Mèo Vạc xa xa.

Đến năm em được mười tuổi thì em lấy chồng. Chồng em lên bóc. Nhà nó ở núi bên kia. Mỗi buổi chiều, nắng bên này ngã về bên ấy, bóng núi sang theo, như núi liền nhau. Nhưng thật thì không có đường sang và em sợ lắm, em không biết mặt nó bao giờ.

Lúc đầu, bố mẹ bảo chênh lệch quá không cho lấy. Nhưng còn nợ người ta nhiều rồi thì sao. Người ta đã dọa về bắt em đòi nợ rồi lấy của xa đôi người em ra.

Mẹ em cũng khóc, bảo: Người Mèo trắng xưa nay không lấy người Mèo hoa, vì người Mèo hoa chết không được đắp chôn.

Sợ cứ sợ, nhưng cái nợ lâu năm còn phải sợ hơn. Mẹ em sợ em phải lấy chồng người Mèo hoa nhưng lại bảo em: Con ơi! Con đến tuổi đi lấy chồng rồi, con có thương bố mẹ thì con đi lấy chồng cho bố mẹ có phận nhờ mà trả được nợ người ta.

Rồi mẹ lại bảo đến năm hai mươi tuổi thì mới cho cưới.

Em không lo. Em còn mười năm được ở nhà. Nhưng con hổ đã vào cạm rồ*ì* mà không biế*t*. Nhà chồ*ng* bắ*n* tin báo nhà nó hế*t* người làm nên xin cưới ngay. Thê*ù* là bô*u* mẹ em lại nghĩ ra cái sợ khác. Đòi người ngày trước thật lắ*m* cái sợ. Dù không cho cưới, nhưng đã hẹn rồ*ì* thì nế*u* em chế*t* bây giờ cũng là ma nhà người, cũng lại phải đê*n*, thân con gái trố*n* đi lắ*y* chồ*ng* đâu cũng phải đê*n*. Bạc nợ còn không trả được, lắ*y* bạc đâu để đê*n*. Thê*ù* là em sắ*p* phải về nhà chồ*ng*.

Từ lúc â*y* như có ai đặt em ngồ*i* vào bóng tồ*i*.

*Nước mắ*t* em chảy tràn, ướt hế*t* thành giườ*ng**

Nghĩ không nổi, suy không tới, trời vẫn chưa sáng.

Em quên tắ*t* cả, chỉ có cái sợ. Em đi tra hạt bắ*u* trên nương xong, vào rừng, hái bảy chiế*c* lá ngón. Em chỉ còn nghĩ cái chế*t*, chẳng nghĩ gì nữa. Chỉ còn ăn lá ngón cho được thoi sớ*ng* thì mới khỏi về nhà người ta.

Về nhà, bô*u* đi vắ*ng*. Chỉ còn mẹ. Đã thắ*y* hoa mắ*t*. Nế*u* không báo mẹ là mình đã ăn lá chế*t*, mẹ không được biế*t* ta sắ*p* chế*t* thì thương mẹ quá. Nhưng em chưa dám nói thẳng. Em hỏi em gái:

- Mà có hoa mắ*t* không?

Nó đáp:

- Không.

Em nói:

- Chị đang hoa mắt lắm.

Nó vẫn đun cháo lợn. Mẹ đang xay bắp. Nói thế, cũng không ai để ý. Em đến xay bắp với mẹ. Em vào cầm cái tai cối đỡ cho mẹ nghỉ. Bà hàng xóm đang bước tới. Em hỏi lại em gái:

- Mà có nhìn thấy má y bà đi kia?

- Một bà.

- Chị thấy bốn, năm, sáu bà...

Em gái cười:

- Chị hoa mắt rồi.

Bà lão chăm chú nhìn em rồi kêu: “Trời ơi. Con này ăn lá thuốc, má sung to rồi kia”.

Mẹ em khóc:

- Ai chửi mà mà đi ăn lá thuốc!

Mẹ em chạy ngay lên rừng, hái về một nắm lá “cuôn tua”.

Cả xóm đã xô tới. Em không đứng được nữa, em ngó tựa vào cối đá. Em thấy mẹ em bung bát lá thuốc đến, mẹ em khóc. Em thương mẹ, em uống hết bát nước lá già độc.

Lát sau em nôn thóc hết. Em tỉnh.

Ai cũng hỏi em buồn gì mà định chết. Em nói: “Em không muốn về nhà chôn”. Mẹ em vừa khóc vừa kêu:

“Mày chết thì nợ vẫn đầy, bố mẹ còn khổ nữa với người ta, con ơi!”.

Vài hôm sau, hai bà trong họ bên núi kia đến đem em về nhà chông.

2.

Em về nhà chông rồi. Đứng bên núi này, trông sang vẫn thấy Nhá Súa, thấy cả ba nóc nhà, còn nhận ra nhà em ở giữa. Nhưng đời em thì khác hẳn từ nay. Thoạt bước vào em thấy chông em đang búi tay lên cột nhìn ra. Nó là thằng bé mới cao tới khuỷu tay em. Con gà, con lợn vào nhà nó chưa biết đuổi.

Ngày ngày, em xay bắp, vác nước, cắt cỏ bò, lấy rau lợn... Việc nào không biết thì em trông người ta mà làm theo.

Mấy hôm đầu, em lạ, quên khóc. Đến hôm em được về nhà chơi, trông thấy bố mẹ, thế là òa khóc ngay. Lần sau được về, không muốn đi. Rồi lần sau xin về, mẹ chông không cho đi nữa.

Nương núi quanh vùng Mèo Vạc đều rất nương đá. Một hòn đất phải chen nhau với ba hòn đá. Nhát cuốc xuống, cả cánh tay chúi lên. Em không cuốc được. Bố chông em làm nương ác lắm. Ra đến nương, ông chia từng sải chân cho mỗi người làm. Ai làm hết phần mới được ăn cơm. Em đói không dám đi ăn vì chưa hết phần nương của mình.

Đến khi làm xong tìm gói cơm, người ta đã ăn hết. Chiều lui thủ về, lưng cồng bó củi. Em mà ngã thì đành chịu cho bó củi to đè chết. Em cố không ngã.

Từ nhà ra suối lấy nước phải xuống một dốc sâu. Gà gáy đến sáng bạch chỉ được hai lượt vác. Mẹ chòng đeo ba ống vác đi vác nước. Con dâu mười hai tuổi, mẹ chòng cũng khoác cho ba ống vác to bằng thế.

Em leo, ngã. Lúc dậy phải quay xuống, lấy lại. Về chậm, mẹ chòng bảo:

- Mà làm không bằng bữa cơm tao cho ăn!

Gà gáy, mẹ dậy làm cơm. Một lần, đang ngủ, nghe gà gáy xối dưới đầu. Trông ra bếp đã thấy mẹ chòng thổi lửa. Giật mình, chạy ra. Mẹ chòng còn nói:

- Mà trông người ta khó nhọc thế này mà bây giờ mới dậy à?

Từ đây ngủ say thế nào, lúc mẹ chòng dậy cũng cứ tự nhiên phải dựng đứng người lên, dậy theo. Một mình sáng sớm xuống suối lấy nước, lúc ấy thật sợ. Nhưng ở nhà còn sợ chửi hơn, thế là phải đi.

Xay bắp đến rời cánh tay xong rồi ngời bóc đậu, bóc đậu xong còn bằm một núi cỏ bò, cỏ ngựa. Có đêm đang làm, buồn ngủ quá rời con dao. Mẹ chòng quay sang, quát: “Mà giả cách ngủ à? Đi cống nước cho tỉnh mắt ra!”

Em đứng dậy, cúi đầu, khoác ba ống vác. Em vừa đi vừa khóc một mình.

Bây giờ làm con dao trong vỏ của người

Làm con vật trong chuồng người, làm con dâu nhà người.

3.

Rồi em mười sáu tuổi. Dù sao thì bây giờ em cũng đã thạo mọi việc trong nhà, mọi việc ngoài nương. Lại biết làm mảnh ruộng lanh, tháng Bảy đập lanh dẹt vải, quanh năm tước sợi, khi mùa xuân tới, em dọn khung cửi ra ngô ì dẹt.

Em đã lớn. Em thấy người ta chông chông vợ vợ đi đâu có đôi, em đi đâu đi một mình. Chông em lên mười, nó không dám đi cùng em.

Em lại thêm cái khổ khác. Em đi làm nương một mình, bố mẹ chông chửi là đi chơi với trai. Có lần, em ở nhà, bố chông đi làm về, thấy có anh họ bên Tà Dú lấy măng về cho. Bố chông chửi ngay: “Chúng mày xấu lắm. Sao lúc tao ở nhà không đẻn?” Tới mùa thu ngô, khi ấy nhà ai cũng nấu rượu, cả bố cả mẹ uống rượu, càng chửi nhiều. Ai đi qua ngõ nhà em, lúc nào cũng nghe tiếng quát: “Con dâu à... Con dâu thế à...” Nhưng chẳng ai đi qua cửa nhà này. Cả làng đã biết tính bố chông em. Trai lạ đi qua, ông lấy đá ném.

Sắp Tết, em xuống chợ, tiện đường em xin phép về Nhà Súa thăm bố mẹ.

Bố chông tròn mắt:

- Mà y tro`n viec Te` t nha` nay` a`?

Mẹ chõ`ng chép miệng:

- Biế` t con này lười thế` thì ngày trước chẳng lấ` y về`!

Chõ`ng em đã đượ`c hơn mười tuổi. Nó bắ` t đầ` u biế` t nó có quyề`n với em. Nó cũn`g chửi:

- Con hổ` vô`!

Em không chịu đượ`c. Em bước ra, nhưng bụng em đau như cắ` t. Em không thể` chịu. Em đứng giữa cửa, quay lại, nói:

- Chửi cả ngày cả đêm thế` này không số`ng đượ`c. Từ nay tôi không phải con dâu nhà này nữa...

Rõ`i em chạy thật nhanh. Nước mắ` t giàn giụa.

Nhưng em không về` nhà em. Em lên núi, đế`n chỗ có mọc dây lá ngón, tuố`t một nắ`m rõ`i ngầ`u nghiế`n nhai hế`t ngay. Xong em lên đứng tảng đá, nhìn về` nhà em bên Nhá Súa. Em khóc gọi: “Mẹ ơi!”

Trả bặ`c người ta đủ cân, cho con bỏ đườn`g lo

Trả vậ`t người ta đầ`y chũ`ng, cho con đượ`c xa đườn`g khổ.

Nhưng mẹ cha không trả đượ`c thì con đành phải chế` t.

Mẹ chõ`ng lên núi tìm. Em ngồ`i xuố`ng khóc, không về`. Lát sau bà bác chõ`ng lên. Bà hỏi em:

- Con ơi! Con nuố`t lá ngón rõ`i à?

Em lắ c đầ u. Lúc á y, trong người đã thắ y lạnh. Em nghĩ chắ t mà rét thì chắ t khỏ quá, phải về lắ y chăn đắ p mới chắ t.

Em theo bà bác về . Hai bàn tay cứng, rô i cứng lên cánh tay. Thuố c đã ngắ m. Thuố c đợc ngắ m cứng cả hai cánh tay em rô i.

Bồ chồ ng ngô i lờm mắ t ra như con báo thắ y mô i. Con báo cá t tiế ng chừi con người:

- Mà y còn vác mặt về à?

Em chẳng nói. Em chẳng chào. Em sắ p chắ t. Em không biế t sợ ai nữa. Em vào bê p, lắ y ô ng rượu, rót ra bát nửa cân, uố ng hắ t, rô i vào giường đắ p chăn.

Em thắ y hoa mắ t. Em biế t mình chắ t đế n nơi. Chợt nhớ một việc, em đứng dậy, sang nhà bên, gọi chị con dâu bà bác lúc nắ y sang. Xưa nay, chỉ có chị dâu này cùng một cảnh nên thương em.

Chị dâu đế n ngô i bên. Em úa nước mắ t, nói nhỏ vào tai chị:

- Chị ơi! Áo này, cái thắ t lưng này em cho chị. Chị mang đi! Để đây thì mai kia người ta lắ y mắ t.

Chị dâu hỏi:

- Em uố ng lá đợc rô i à?

- Không.

Chị dâu vào bếp lấy lửa, đem đèn soi lên mặt em, rồi kêu:

- Má sung to thế rồi mà nói không à!

Chị dâu ra cửa kêu to. Nhiều người chạy đến, có người lên ngay rùng, lại lấy vè năm lá “cuốn tua”. Nhưng khi nghe tiếng chị dâu kêu, em tức lắm, em bò dậy. Em vèn cái cối gỗ chặn thêm cửa buồng, không cho ai vào.

Nhiều người chạy đến. Rồi người ta lấy búa bổ toạc đôi cánh cửa. Họ khiêng em ra ngoài. Em kêu khóc:

- Làm gì mà làm thế?

Một người quát to:

- Mà không uống thuốc độc thì mày đứng lên đi thử xem!

Em đi mấy bước rồi ngã rụi xuống. Thế là tay chân em bị trói lại. Em mím chặt môi. Có người lấy con dao này miêng em, đổ thuốc.

Em nôn ra mật xanh mật vàng.

Em lại phải sống.

4.

Đau khổ cho em, sống lại rồi, vẫn phải ở đây. Phận làm dâu như con ngựa trong tù.

Chỉ được mấy hôm đỡ, sau bố mẹ chôn lại chửi, cái gì cũng chửi. Em ngò i ra cửa thêu váy, mẹ chôn đuổi vào, bảo: “Mày ngò i ngoài cửa cho con trai nhìn à?” Ban đêm, động có tiếng chó sủa, bố chôn ghét con trai đến quấy, lấy súng bắn ra.

Một hôm, em đang cõng nước, có người đến báo tin: Em gái bên Nhá Súa chết rồi. Em ở nương về, chỉ được nghe nói lại. Bố mẹ chôn vẫn ngò i yên. Em không dám hỏi xin về nhà.

Em ra đứng men núi, trông về Nhá Súa, em khóc. Trông thấy nhà, nhưng từ nay không thấy em mình nữa. Em lại khóc. Em khóc đến khi trời tối xuống. Em bỏ xay ngô. Bố chôn uống rượu rồi nói: “Không cho nó đi, trói chân nó vào thang bếp”. Cả đêm làm nhảm nói thế.

Hôm sau, hai người đi uống rượu nhà họ ở núi bên. Em liền chạy về nhà. Đứa em chết đã một phen chợ rồi. Nó với bạn đi thả bò, để bò ăn nương ngô nhà thôn lý Dương Trung Nhân. Người coi nương giữ con bò lại. Hai đứa sợ quá, trốn vào rừng lấy lá ngón ăn rồi ôm nhau ngò i chết.

Mẹ con em trông thấy nhau lại khóc. Em chỉ ngò i được một lúc. Em nghĩ thương bố mẹ mà đành phải đứng lên. Chạy về nhà người ta cho kịp trước tối. Bố mẹ chôn đã uống rượu say về nặm li bì. Chôn em bảo:

- Con lợn chạy ra rừng rồi, tao đi gọi mãi không được.

Em sợ quá, bây giờ mà con lợn chưa về thì con lợn nặm trong bụng hổ rồi. Phen này lại khôn khổ. Đến khuya ông

bà tinh dậy, chửi từ đây cho đến sáng.

- Mày trả tao bạc cưới rồi muốn đi lấy người nào thì đi. Đồ ng tiền bỏ xuống hang đá còn nghe tiếng kêu róc rách, đây này mất tiền mà hại thêm. Con tao không thèm lấy mày nữa. Đi ngay, trả bạc tao, trả bạc nhà tao.

Bố chòng càm gậy đuổi. Em kêu van:

- Cho tôi nẵm nhờ đến sáng đã.

- Không, không, công tao đã vác cây về làm cái giường này, tao dựng cái giường lên bây giờ.

Đã nói quá thế thì em không biết sợ nữa.

- Trước đi đón dâu ở đâu, giờ phải đưa tôi về đây.

Thế là bố chòng nổi cơn quát tháo, đem súng ra bắn âm ỉ vào bóng tối có tiếng chó sủa.

Hàng xóm chạy đến can ngăn. Mẹ chòng lấy quả bầu lọ đựng rượu trên bếp, rót hai cái bát một cân rượu, bung vào đầu giường em, đặt xuống cho em uống. Phong tục người Mèo tiễn khách như thế. Bây giờ em là người lạ rồi.

Em ra bếp thổi cơm. Xong đâu đây, em cắp bọc váy áo, bước qua cái cửa còn tối. Chạy trong bóng tối, em sợ hãi, nhưng em lại nghĩ nhớ hãi bất được thì chết, không sợ nữa. Em cũng không dám chạy về nhà bố mẹ. Em về nhà em thì người ta đến đòi bạc bố mẹ em ngay.

Em lên ngô`i nương lúa đé`n sáng. Bây giờ đưong mùa thu lúa mặch. Buô`n khỏ` thê`, nhưng thấ`y công việc em vẫn tiế`c. Mặch đã chín mà nương xa, ở nhà bô` mẹ em chưa kịp lên gặ. Em vừa rút lúa vừa khóc, đé`n trưa thì em xé`p cắ thận lúa lên lê`u canh nương. Buô`i chiề`u, em làm nô`t rô`i trèo lên lê`u nương giã lúa làm cơm ă. Tìm thêm đượ củ gừng em nấ`u bát canh.

Không biế`t sợ mà cũng không ai biế`t em đi đầ.

Mẹ ở Nhá Súa nghe tin em đi đầ mấ`t, hô`t hoảng lấ`y gạo nế`p đem đé`n nhà thầ`y bói. Thầ`y bói nói nó đi theo người con trai khác rô`i. Lầ`n sau thầ`y bói lại nói nó nhắ xuô`ng giế`ng đá. Lầ`n sau lại nói một phiề`n chợ nưả nó không về` thì nó chề`t đườg xa rô`i.

Sau có ông lão thả bò qua nương về` kể, bô` mẹ chồ`ng biế`t em ở nương nhà mình. Mẹ chồ`ng lên gọi. Em không về`. Em ngô`i nghĩ một buô`i chiề`u, một đê`m. Em muô`n số`ng, nhưng em không muô`n về` đầ`y nưả. Em đưong thì con gái, em tiế`c đầ. Nhưng em đi đầ?

Không đi đầ đượ, thê` là hôm sau em lại lủi thủi về` nhà người ta. Bô`n góc núi, chỗ nào cũng chỉ có phong kiế`n. Đạo trước, có người bảo: Phải nổi oan ức thê` thì về` nhà xin tiế`n mẹ đem theo, kiện đé`n tận thố`ng lý Dương Trung Nhân xem sao. Em không dám. Đầ bà đi kiện, quan bắ`t nộp tiế`n lễ rửa cửa. Rô`i quan cũng đé`n cho lính ngủ bừa bẩ với mình, sợ lắ`m.

Tối năm 1952 bộ đội ta về đánh quân nhảy dù Dương Mỹ Sài của Tây thả xuống thì mới thật có bộ đội ta tới Mèo Vạc. Xóm em có trường thôn, có tổ nông hội. Ông Chông Chà bảo em ra làm công tác phụ nữ.

Mẹ chông rên rỉ: “Ôi chà! Nó đi công tác à, tát ai?”

Ông Chông Chà nói: “Đi chợ được thì đi công tác cũng được”. Em không muốn làm, vì nỗi bố mẹ chông em ác, sợ xấu hổ với chị em. Nhưng chị em bảo: Em không làm thì chị em không ai làm gì. Rồi họp xóm, cả xóm phê bình bố chông. Bố chông sợ đông người phải nhận lời cho em đi làm tổ trưởng phụ nữ.

Sau thầy em đi cả ngày, lại thầy người ta cứ đến nhà đòi xử chuyện người ăn cắp rau, người trộm đồ đạc, ông cụ cho là lời thôi quá, phàn nàn. Trước chẳng cho phụ nữ là cái gì, bây giờ con dâu cứ đi luôn, sao gây thù oán nhiều thế?

Rồi dần dần lại chửi. Nhưng thế là em biết cách mạng, em cứ đi họp, em thích đi họp. Ở các cuộc họp nghe những chuyện mới lạ về làng xóm, về đời người, về đất nước ở khắp các nơi, em được biết không phải ở chỗ nào người đàn bà cũng u mê đau khổ, em như người đi đêm có đuốc soi ghènh đá. Nghe nói các nơi đều trai gái bả ng nhau, đoàn kết gia đình em suy nghĩ rất nhiều.

Nhưng cứ về đến nhà thì lại như vào bếp gặp khói. Cái khác của em là bây giờ nghe chửi em không buồn nữa. Em không nói chông lại. Em đã biết lựa lời.

Bố chông em đã thay đổi, càng ác hơn. “Nó thích đi công tác làm quan rồi về nhà nó dạy tao. Tao chưa bao giờ thấy đàn bà đi họp, đi hát, đi nói chỗ đông như bây giờ. Núi sắp đổ chết hết con người rồi”.

Chông em đã mười lăm tuổi. Từ thừa nhỏ, thấy em khổ, bây giờ nó lớn, nó cũng đi họp xóm nó đã biết nghĩ. Thấy bố mẹ chửi em, nó nói:

- Mặc nó! Người già ở nhà biết gì!

Thế là bố mẹ chông kêu lên như bị ai bóp cổ:

- Có mà không biết gì! Nó ngủ với đứa khác đã lâu rồi mà vẫn không biết gì đây! Ôi trời ôi, con kia cho con tao ăn gì mà con tao lú lú p như người sắp chết!

Đi họp em nói ý nghĩa tự do, bình đẳng, làm chủ, giải phóng, đánh đổ quốc, xây đời sống mới. Người họp đi khỏi, em ngơ một mình, em lại rơi nước mắt. Mình ra sao đây? Em đi công tác mê mải mà lúc về lại buồn. Bố mẹ nói bóng gió: “Con mèo con chó muốn ăn không muốn làm”. Bố mẹ chửi cả đêm. Chông lên gác bế p ngủ. Khi mình đi khỏi, nhà họ mới dọn các thức ăn với nhau.

Em nhìn đói, lại đi. Chông bây giờ đã biết phải trái. Nó đuổi theo em, đưa cho em miến com ngô bọc lá chuối. Em cầm miến ngô, đi lui thui. Nhưng em nghĩ ta đã bước được một chân ra khỏi chỗ đau đớn, không nên chết. Bây giờ có cách mạng rồi. Dân dân, bớt nghĩ đến cái chết.

Tết lại sắp đến. Một hôm, đi họp trên xã về đến cửa, nghe ông nói: “Mày còn dám về ăn cơm nhà tao à?”. Em nghĩ nhục quá, quay ra.

Ông em chạy theo. Em bảo nó:

- Về bên Nhà Súa ăn Tết.

Nó lác đầu đứng lại. Hai mắt nó nhòa nước mắt. Nó sợ bố mẹ hơn, không dám theo em về Nhà Súa.

Em được về Hà Giang học rồi đi sáu tháng công tác tham gia xây dựng khu tự trị Việt Bắc. Rồi em nói trên huyện cho em công tác thoát ly. Em nghĩ em còn phải trở về nhà ấy thì em không thể chịu được. Các anh bảo cứ về xã.

- Thào My cứ về, ta giải quyết đoàn kết. Vận động được cả ông đi công tác thì hay.

Nghe các anh, em lại vững tâm về làng. Sau thời gian đi công tác, em đã biết thêm bao nhiêu cảnh người phụ nữ Mèo cũng đã phải qua quãng đời làm dâu ông bố vợ lớn, bố mẹ ông ác nghiệt, như cảnh em.

Cọc đã đóng, nhỏ cọc

Nhỏ phăng thả xuống vực sâu.

Nhưng đi lo giải quyết việc người thì dễ, đến việc mình sao phức tạp, khó khăn gấp nghìn.

Việc đầu tiên em về nhà, gặp bữa ăn, không thấy ai đứng lấy bát cho em. Phong tục người Mèo ghét nhất đưa

tham lam. Khi ta về nhà, đương ăn cơm mà không ai mời, không ai lấy bát cho, tức là người ấy bị khinh như con chó, con chuột vậy thôi.

Một hôm, em đi nương về, chị dâu gọi vào, nói nhỏ:

- Người ta vừa mời bà cô đến để đi tìm lấy vợ hai cho chồng mày.

Chị dâu lại nói:

- Nhưng bà cô bảo phải hỏi vợ cả trước, nó bả`ng lòng mới được, nó về nhà này đã mười hai năm nay, nó đi công tác chứ nó có chết đâu mà quên nó.

Bà cô ấy sang, thầy em, kêu lên:

- Mày không về sớm thì người ta tìm rượu uống rồi đây.

Bà cô thương em nhưng em nghĩ tủi thân lắm. Mười mấy năm trời, từ năm em mười tuổi đầu bước chân về nhà chồng đến nay hai mươi hai tuổi, bây giờ em hóa ra con người thừa. Em cũng nghĩ thương chồng. Nó đã được mười sáu. Nó cũng biết thương em, nhưng nó vẫn sợ bố mẹ nó hơn.

Tuy vậy, em vẫn cố.

Em hỏi nó:

- Có đi công tác cùng nhau thì đi.

Nó không nói, nhìn em, con mắt thật bơ i rô i. Buổi tối, bơ chồ ng hầ m hầ m trở tay vào mặt em:

- Định kéo nó đi đâu? Cho nó ăn bùa nữa à? Mà y muô n làm cho nhà tao tuyệt tự à? Con chó kia, cứ đi báo quan cho ông theo kiện cả năm cũng được, đi báo quan đi.

Từ hôm ấy, chồ ng em không nói gì nữa. Thấ y em đi nương nó đi lúc khác. Nó sợ bơ mẹ nó hơn tất cả.

Một hôm, em số t phải nằ m nhà. Bơ chồ ng lại cầ m hai bát rượu vào đầ u giường nói:

- Mười hai năm nay mà y về nhà tao mà không sinh đẻ. Mà y không được làm nhà tao má t giồ ng. Mà y phải uồ ng hai bát rượu này mà bằ ng lòng cho chồ ng mà y lấ y vợ hai.

Em nhắ m má t, không nói.

Ông ấy đổ cả hai bát rượu lên mặt em. Dù em không uồ ng nhưng người ta làm ác thế cũng coi như đã được “ma” em nhận rượu rô i. Trong lòng em bơ i rô i lắ m. Em không biế t nghĩ thế nào. Lầ n ấy em đi họp phụ nữ bên Phó Bảng, hai ngày không nói được một câu.

Có chị hỏi:

- Sao Thào My không phát biểu?

Em khóc. Em kể. Một chị cười nói:

- Dễ thế mà không nghĩ ra. Đầ u tranh lấ y chồ ng khác chứ sợ gì!

Một câu nói ngắn gọn có thể, em nghe tình người ra.

Không may cho bọn họ, cái cô vợ hai định đi tìm lấy ở làng khác không về. Cô ấy cũng sắp ra làm tổ trưởng phụ nữ. Cô ấy không bả`ng lòng lấy lẽ. Mà hai ông bà già này thì nghe thấy hai tiếng “tổ trưởng” đã sợ mu`n chết.

Tháng Giêng năm sau, em được chính quyê`n cho ly dị, không phải trả của. Thế` là em thoát tù.

Tháng Hai, em đi với bộ đội lên tiểu phi trên biên giới ít lâu rồi về làm công tác phụ nữ ở trên huyện.

*

* *

Nếu ai chỉ biết Thào My hôm nay, không thể hình dung ra những chuyện thương tâm tôi vừa kể ở trên.

Sổ tay công tác của Thào My để trên bàn, một trang tình cờ, ghi:

“Thào My sinh ở Nhá Súa. Ngày vào Đảng: 6-4-1960

Ngày chính thức: 28-10-1960”

Có lẽ đầu quyển sổ tay nào Thào My cũng viết những dòng ngày tháng kỷ niệm sống lại đó.

Tôi lại đọc được những dòng chữ ngắn gọn viết những câu văn thật đẹp. Không biết những câu này Thào My nghĩ ra hay Thào My đã chép lại những lời hợp với lòng mình ở quyển truyện nào, ở sổ tay nào của ai khác:

“Yêu mê n ơi! Mùa hoa thuở c phiên cuô i cùng ơi! Sáng sớm mặt trời lên chói lọi đỏ hồng, chiếu u khắp núi rừng đẹp đẽ, lúc đó nghĩ đên mùa hoa thuở c phiên. Hôm nay trời đẹp, mặt trời chiếu u khắp núi rừng. Mùa xuân ư? Không, đây chỉ là mùa hạ, nhưng là buổi nắng ban mai. Cây có cành, hoa có quả làm cho trái tim hò i hộp, nhớ gì như nhớ mùa hoa thuở c phiên cuô i cùng...”

Sầm Sơn

Bãi biển Sầm Sơn, chập tõ i một ngày giữa tháng. Trăng ngời biển sắ p lên.

Dải cát dài tít xa lên tận cửa sông Mã sang sáng in bóng những tòa nhà mới nhiê`u tâ`ng cao đứng nghển đầ`u, mở những ô mắ t cửa sổ lóng lánh trên hàng cây sa mộc. Bóng núi đơn sơ trông gọn nét hơn, như đầ`ng chân trời dầ`n dầ`n ai cuố n bước mảnh treo.

Lúc này, biển đã vắ ng hẳn. Sau một ngày ô`n ã, náo động của những người đi nghỉ mát, biển trở lại lặng lẽ bình thường, mà ta dễ thắ y ở bất cứ bờ biển nào. Sóng nước mơ hồ` thì trào khi xa khi gầ`n. Bóng trăng rờn loang loáng trên cát. Những người chài kéo thùng lưới đứng yên, tưởng không bao giờ đụn g đây.

Từ một tòa nhà nghỉ mát lộng lẫy của tổng Công đoàn mới xây, có hai người lữ ng thữ ng bước ra. Họ qua dưới rắ ng sa mộc, đi về` phía biển. Nhưng không phải họ xuố ng tắ m. Biển đêm không còn ai. Trên bờ cũng hế t người đi dạo. Chỉ có hai người á`y. Khi họ đã ra tới giữa bãi cát sáng trắ ng bóng nước và ánh trăng thì trông rõ cả hai người.

Một thiế u nữ dân tộc Mèo. Cô con gái Mèo trắ ng ở núi cao xuố ng chơi bờ biển. Mỗi khi cô trông về` phía sóng nước, đôi mắ t trong chưa hế t ngạc nhiên. Miệng cười tươi lạ lùng. Cả khuôn mặt cô, trắ ng xanh trong ánh trăng, vẫn

đượm về hồ n hậu, nhưng cũng ngời ngời những tinh anh. Rõ ràng, cô thầy đi đâu cũng gặp đất nước ta, có bờ ngõ, nhưng không bao giờ lạ. Đây là Liu Sa. Liu Sa mới cùng đoàn đại biểu các dân tộc ở Tây Bắc về chơi Hà Nội, rồi vào nghỉ Sâm Sơn. Lần đầu tiên, có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc ấy, một thiếp nữ Mèo đã từ núi xuống dạo chơi trên bờ bể đêm nay.

Đi bên Liu Sa là một người đàn ông đã đứng tuổi. Dáng nghiêm nghị. Người ấy thường đi chậm lại một chút, lơ đãng nhìn theo Liu Sa và sóng nước. Cứ trông mắt nhìn thì biết người ấy dường như hồ i nghĩ ngợi một điều gì. Sáng trắng phơn phớt trên gò má và ánh mắt càng làm chìm sâu hơn những hốc tởi trên mặt. Đôi lúc, ông mỉm cười. Lúc ấy thì má và mặt đổi nét, xô xệch. Càng tởi hơn, mà ông không biết. Nhưng những trườ mế n, âu yế m của một người yêu đời vẫn nguyên trong tiếng cười, câu nói và cử chỉ. Tuy nhiên, cái dáng già nua đã bắt đầu lạnh lùng của ông đi bên một sức lực dường như hơn hờ, cứ vừa hòa hợp, lại vừa xa xa.

Dải cát, biển và ánh trăng trải dài.

Hai bóng người đi, tí tắ p, thong thả men theo lợi nước viề n ngắ n cát.

Chu: Cô Liu Sa, cô có trông thầy những đóm lửa vừa mọc ngoài biển kia...

Liu Sa: Một ông sao mới lên đây.

Chu: Không phải.

Liu Sa: Lửa đốt nương nh?

Chu: Không, đây là thuyền biển lên đèn đi đánh cá đêm.

Ờ, tôi phải dạy cô biết trông biển mới được.

Liu Sa: Ờ nh. Anh Chu ạ, ngày trước chị Khúa Ly bảo em... nhiều lắm.

Ngày ấy, chị em Liu Sa còn ở khu du kích. Không biết ai đã kể cho Khúa Ly nghe những chuyện đường xuôi. Có lẽ các cán bộ đội vũ trang nhớ quê thường về qua đây. Nhưng cũng có lẽ chỉ là mơ ước. Khúa Ly thường kể cho nghe những chuyện đường xuôi, chuyện Hà Nội rất huyền ảo, mà hai chị em chưa biết bao giờ.

Bất chợt, Chu nhìn Liu Sa. Chu thoáng nghĩ: “Liu Sa giống chị như đúc”. Rồi Chu cúi xuống, hơi cắn môi, như giữ một điều suy nghĩ trong lòng. Và không để ý những câu chắp nối riu rít lúc nói, lúc hỏi của Liu Sa, Chu vẫn đắm đắm nhìn ra đóm lửa chập chời ngoài biển, Chu kể những chuyện khác về đóm lửa:

- Ngày Liu Sa, cứ khi nào trông thấy vệt lửa trong đêm thì tôi nhớ lại năm 1952, chiến dịch giải phóng Tây Bắc. Lúc ấy đơn vị tôi vừa tiến xuống dốc núi Phìn Sa, thì gặp người ở khu du kích ta ra đón. Không phải lửa du kích đốt lên đón bộ đội đâu nh. Chúng tôi biết: các đóm Tây ở sườn núi bên kia, đóm Nậm Mười, đóm Sài Lương sợ đêm tối phải im từng bước mới qua được. Mắt cứ trông về phía đóm lửa, chịu không biết được xa hay gần. Tôi nhớ

những đóm lửa nguy hiểm ấy suốt đời. Suốt đời tôi nhớ cái đêm đầu tiên đặt chân tới khu du kích Phìn Sa.

Liu Sa: Thế nào, hả anh? Lần đầu anh đến à?

Chu: Chúng tôi đến khu du kích lần ấy là lần đầu. Người khu du kích ta bầy lâu khổ lắm. Năm năm rồi, không có một hạt muối ăn. Rách rưới hết cả. Đón bộ đội mà các chị cứ ngỡ. Váy áo nát quá, xâu hổ, không dám đứng dậy. Cả bộ đội và nhân dân cùng khóc. Có những giọt nước mắt, không biết vì sung sướng quá hay vì buồn quá. Trông thấy nhau thì phải òa lên thôi. Không khóc sao được, Liu Sa à. Chúng tôi từ bờ sông Hồ ng ngoài kia, một tháng trời vượt bao nhiêu rừng núi, bao nhiêu đèo bốt, vào đây vẫn gặp đòng bào một lòng một dạ kháng chiến. Còn người khu du kích, bao nhiêu năm nay trốn lên ở núi cao, chết thì chết quyết không về với Tây, chỉ mong có ngày gặp bộ đội. Thế là bộ đội và mọi người cứ khóc, không sao nín được.

Liu Sa (ngơ ngẩn hỏi): Chị Khúa Ly có khóc không anh Chu?

Chu không nói. Liu Sa đợi. Nhưng Chu vẫn im. Liu Sa lơ đãng nhìn khơi. Những ánh lửa chập chới ngoài khơi lại thu hút ý nghĩ của cô. Liu Sa cũng đang nhớ lại những ngày gian khổ thuở bé, cô hỏi:

- Đóm lửa ngoài kia có giống lửa đèo Sài Lương đó không?

Chu: Cô Liu Sa ơi! Không bao giờ những đóm lửa gióng nhau đâu. Bây giờ là mùa hè 1961, dưới châu Thuận đã mở trường cho Liu Sa về học, còn trên biển Sâm Sơn năm 1961 này thì chỉ có thuyền của ta nổi lửa đánh cá đêm mà thôi.

Liu Sa: Không bao giờ còn Tây, anh Chu nhỉ? Ở Phìn Sa cũng thế ...

Chu: Phìn Sa...(nói nhỏ một mình) Không biết là suốt đời tôi nhớ những đóm lửa nguy hiểm kia hay là suốt đời tôi nhớ Phìn Sa, nhớ người du kích Phìn Sa. Gian khổ và tâm lòng, những cái gì đã khắc vào tim ta? Cũng không biết nữa.

Hai người lại im lặng một lúc lâu. Liu Sa không còn trông ra khơi. Liu Sa cúi xuống nhìn bàn chân bước lồm trên cát mịn. Nhìn là nhìn vậy thôi, Liu Sa đã hết những choáng váng kỳ lạ khi vừa tiếp xúc với biển. Liu Sa đang nhớ quê và Liu Sa kể:

- Anh Chu à, anh vẫn nhớ Phìn Sa ư? Phìn Sa bây giờ đã ra ở cửa suối, không ở rừng nữa. Các làng Mèo trên núi không phải lang thang đuổi theo đất mới trơng ngô. Ta đã được ở một nơi nuôi bò, trơng cây. Bò trên Phìn Sa bây giờ đã đi từng đàn vàng khắp núi tranh. Lại còn trơng cây quế, cây hồ i, cây cam, cây táo... Người đi học lớp y tá, học trường thương nghiệp đông lắm. Bao giờ anh Chu lại về công tác ở Phìn Sa nữa?

Một câu trả lời khẽ thoáng trong gió, nửa dè dặt, nửa mơ ước:

- Chắc có khi còn về`...

Liu Sa cười tươi hẳn, quay sang nhìn Chu, như hỏi: “Thật hả, anh Chu?”. Người ta, khi hơn hở bao giờ cũng đẹp. Khuôn mặt trái xoan, cái cổ cao sang sáng của cô gái Mèo trắng “đẹp như người phương xa”. Chu thật không thể nhớ và so sánh em bé Liu Sa hôm du kích với cô thiếu nữ Mèo trắng trên bãi Sầm Sơn bây giờ.

Chu lặng yên nghe Liu Sa mê mãi tươi cười:

- Anh Chu về` nhé. Phìn Sa bây giờ khác trước. Khác cả khi anh đi rồi. Anh Chu bây giờ có đi chợ trên núi, anh Chu sẽ không nhận được chợ nữa. Chợ có cửa hàng, có kho muối, có trạm y tế. Anh Chu cũng không nhận ra người quen nữa đâu.

Chu nghĩ: Hôm vừa rồi, mới trông thấy Liu Sa, tôi cũng không nhận ra được, các chị ấy làm nương đi dép cao su, mặc áo lót cổ vuông, vào hàng mua thuốc Ngọc Lan đánh răng. Phìn Sa ta có trường học chữ rồi.

Chu: Vui nhỉ?

Liu Sa: Thật đấy.

Những khác lạ trên khu du kích ngày trước, đương gọi lại cho Chu những sôi nổi khác.

Chu hỏi Liu Sa:

- Có bao giờ Liu Sa nghĩ rằng nước ta có núi, có đồng bằ ng, có cả biển rộng như thế này không?

Liu Sa: Em đã nghĩ ngày nào được về chơi quê anh Chu chắc thấy biển rộng thế này.

Chu: Ô` em biết thế ư?

Liu Sa: Em biết thế đấy. Em biết từ ngày xưa, khi Tây còn lên càn quét khu du kích, mẹ em đi em chạy rừng đào măng ăn hàng tháng. Khi ấy, chị Khúa Ly đã kể cho em biết về quê anh thế. Những chuyện đường xuôi thật xa xôi nhưng thật là thích làm cho tất cả mọi người chạy rừng đương khổ cũng thấy vui. Em nhớ từ ngày ấy.

Dáng mặt Chu nghiêm lại, đượm buồn, Chu già hẳn đi. Chu không nghĩ Liu Sa trả lời như vậy. Câu trả lời của Liu Sa đã đẩy những suy nghĩ của Chu trở lại những kỷ niệm, mà dù cái kỷ niệm nhẹ nhàng nhất thì bao giờ cũng đượm buồn. Huống chi lại là những chuyện buồn thảm đã qua. Tuy nhiên, có lẽ lúc này, tiếng biển thì ào trong vắng lặng, bóng người thiếu nữ đi dưới ánh trăng và lòng Chu bồi hồi. Chu ở lại. Những ngày gian khổ không phải chỉ có quyết liệt đương đầu với kẻ thù. Đội võ trang lặn lội chiến đấu lâu ngày trong hậu địch Tây Bắc, đã gặp vô số éo le cuộc đời. Chu đương nhớ, Chu lại hỏi Liu Sa một câu khe khẽ:

- Chị Khúa Ly kể thế à?

Liu Sa: Vâng, chị Khúa Ly kể, em nhớ từ ngày ấy.

Chu (cười, thoáng buồn): Thế à?

Liu Sa lại riu rít nói và Liu Sa nghĩ: “Anh Chu đang nghe mình nói”.

Thật ra Chu chỉ im lặng như chiêm bao.

- Chị ấy bảo quê anh Chu xa lắm. Về quê ấy phải đi qua một con sông vừa dài vừa rộng chưa bao giờ ta biết. Chị ấy thường lo sẽ không qua sông được. Người Mèo ta sợ ma không muốn đi sông nước. Con sông to ấy là biển Sầm Sơn này chứ gì?

- Cô Liu Sa đã được xuôi tận biển Sầm Sơn, đất nước của ta, ta muốn đi đâu thì đi, Liu Sa ạ.

Liu Sa: Anh Chu à. Từ ngày ấy chị Khúa Ly đã không biết sợ đâu. Chị nói anh Chu đã có lòng qua sông lên núi thì rồi cũng có ngày chị em ta qua con sông chặn đường về tận quê nhà anh Chu. Bây giờ, em đã được về tận đây, anh Chu à.

Chu im lặng, dừng lại. Anh đang nghĩ gì? Anh đang nghĩ đến những ước mong của con người, những vui sướng tới được ước mong ấy. Thì nỗi buồn khác lại man mác hiện ra, Khúa Ly, Khúa Ly ơi!

Hai người vẫn sóng bước đi.

Liu Sa vẫn cười. Tiếng cười khúc khích trên bờ biển vắng vặc trong bóng trăng và ngấn nước. Trời, nước và người dạo đêm thật thanh thoi.

Liu Sa bỗng đứng lại. Liu Sa muốn hỏi Chu gì về những đóm lửa ngoài khơi, bây giờ không phải chỉ lóm đóm, mà ánh lửa lung linh, kéo dài thành một chuỗi sao sa ngang mép nước và chân trời đêm. Nhưng, làn cát mịn kê liền sóng cứ từ từ đẩy lún nghiêng gót chân Liu Sa. Liu Sa buồn chán quá, cười lạnh lạnh.

- Anh Chu đứng xem cát sắp lúi em xuống biển à?

Chu dặt tay Liu Sa lú rú bước khỏi ngọn sóng. Chu nghĩ thầm: “Liu Sa giống chị quá”. Nhưng lúc này, nghĩ thế, Chu không thấy gọn buồn. Vết thương trong lòng Chu cũng là vết thương chiến tranh của bao người, chắc là vậy. Nghĩ thế, Chu thấy mình đang vượt lên, bình tĩnh. Hai người lại thong thả đi.

Tự dưng Liu Sa nói, nghiêm trang, tiếp theo ý nghĩ lúc này, bây giờ vừa nhớ thêm:

- Nhiều điều ước đã thành sự thật. Nhiều điều ước thì bây giờ không có. Bây giờ thành sự thật thì chỉ có mình em về quê anh Chu mà thôi.

Chu nói:

- Chuyện buồn không phải là chuyện của người ít tuổi. Em đi chơi trong đất nước ta tuyệt vời, em đã thấy bao điều mới, em biết thế không?

Liu Sa (hớn hờ): Thật nhỉ? Đấy, những cái đèn đánh cá lấp lánh xa kia, trên núi thì không bao giờ có. Nhưng ở Sầm Sơn thì lội biển ra tới được. Lạ quá, anh Chu nhỉ?

Chu cười:

- Phải rồi.

Trăng đã lên cao, xòe tròn như tiếng quạt sáng, rì rào, sóng liếm chân. Liu Sa được dịp giỡn cười.

Tiếng cười nhẹ nhàng của Liu Sa ru vào vắng lặng. Đêm Sâm Sơn càng khuya càng mênh mông mãi ra. Cô thiêu nữ Mèo trắng và người cán bộ cũ ở trên núi còn đi dọc biển, đến lúc trăng trong lắm, mới trở lại.

Chiếc áo “xường xám” màu hoa đào

Giáp Tết năm ấy, tôi rời Khuổi Sao, định nán lại Kỳ Lừa vài hôm rồi xuôi. Lại cũng định qua cánh đồng Tràng Định vịt quay ngon có tiếng, còn rủ ông bạn về đánh chén Tết niên nhà lão Mã Hợp ở Khơ Đa. Cũng chẳng mấy ai. Đến Khơ Đa, nhả n lão Công ra. Ông Bùi Thành thì qua Thát Khê, tôi kéo đi. Hai lão bạn già này khi nào cũng muốn đi với tôi. Các ông cho nghề viết báo của cái anh nhà báo Tô Hoài Nông Văn Tư là công tác cũng như ban thanh tra đi lục lại thành tích cách mạng của các ông đã mịt mờ từ lâu, rất lâu rồi.

Ông Thành bỏ quê Hà Tĩnh lên Lào từ thời Đông Du rồi trôi dạt về Trung Quốc. Ông đã thường đi lại nhà ông Tôn Thát Thuyết ở bên ấy rồi ông xuống Long Châu, bên ngoài đóng vai thợ may. Đến năm 1954, cách mạng thành công, ông trở về làng thì vợ ông đã đi lấy chồng từ tám hoánh. Bà ấy đem chai rượu và cành cau đến quì xuống lạy người chồng cũ xin tha tội. Bây giờ thì ông Thành đã bảy mươi tư, vẫn sống một mình. Ông ở Tràng Định. Ở Tràng Định chỉ ngược mắt thì thấy cửa khẩu Long Châu bên kia, cả một thời thanh xuân của ông đã bỏ lại bên ấy. Chuyện với các ông thì bao giờ cũng vậy, sắp nói đã đoán được cả. Chốc chốc, ông nào đả y lại vỗ đùi hét: “Giá mà còn anh Lý thì những cái chân cục trưởng, thứ trưởng chúng mình ăn đứt...

Giá mà còn...”. Ông Công đã làm binh công xưởng đúc đạn ở Long Châu với anh Lý, chuyện cả đêm không cạn. Ông Mã Hợp cũng thế, có khi còn dài dòng hơn. Ông Hợp khoe cái ngày ở Lũng Nghìu đã uống rượu ăn thịt với anh Lý. Lão không giống ông Thành, ông Công, lão chẳng mong ước cán bộ cao cấp ra sao. Chưa làm to, lão đã được cái sướng rồi. Năm trước, anh Năm đã cho ô tô lên đón cụ ông sinh ra anh Lý với cả lão về Hà Nội chơi. Hôm nào hai cụ áo chàm cũng dắt nhau lên uống rượu ở chợ Đông Xuân, hôm thì rượu thịt cây, hôm thì nhấm với nem rán. Say khướt rồi ngồì xích lô bảo kéo về nhà anh Năm. Chẳng xích lô nào biết nhà anh Năm ở đâu. Thế là xích lô đưa hai cụ miền núi vào đồn công an. Chỉ một lúc đã có cái ô tô bóng nhoáng đen tuyền đến đón tận cửa bót. Cả tháng, hôm nào cũng thế, đã khoái một đời chưa nào!

Tôi được nghe những chuyện kiểu ấy đến một trăm lần rồi. Nhưng lần này tôi về Khơ Đa còn vì một việc người con cả ông Mã Hợp đã lên tận Khuổi Sao nhờ tôi giúp cho. Chả là ông lão ngoài bảy mươi rồi, vẫn được đi làm có lương, lão công tác lương thực ở thương nghiệp huyện. Ngày ngày rong ruổi qua các làng bản thu mua lợn. Có một bà bán bánh khảo ở chợ Đông Đăng, chẳng biết đã bỏ bùa thế nào, lão này đồ đồ đến đâm mê tít. Đến mùa, ông Mã Hợp hay lên núi bắt tấc kè, bán được tiền lắm. Bao nhiêu tiền bán tấc kè thế mà vẫn nhẩn tui. Nhờ chú về nói hộ với bố cháu...

Tôi về nhà lão Mã Hợp vì chuyện ấy và lại cũng còn một tò mò khác. Ông Bùi Thành cũng đã kể cho nghe rằng năm xưa anh Lý ở ngoài Hồng Kông về, định đem cô Mây là

người yêu bên Thát Khê ra công tác hải ngoại. Khi Lý làm ở xưởng đúc đạn Long Châu, cô Máy thường sang vào những ngày chợ. Nhưng đến năm Lý bí mật về Thát Khê thì nhà Máy đã chuyển xuống Đại Từ lâu rồi, mà ở đâu không ai biết. Cái tiếng ác nghiệt có ma gà khiến cả nhà Máy lâm vào cùng túng, không thể ở lại quê.

Lý trở sang Lũng Nghiu, khi ra biên giới thì Lý đem theo cô Pháy em gái lão Mã Hợp bây giờ. Cũng bởi cái luật Hồng Kông rả c rỏi nên mới bắt buộc phải cầu kỳ thế. Trụ sở hải ngoại của Đảng đã chuyển trên Thượng Hải về Hồng Kông, người trong nước ra hay ở Xiêm, ở châu Âu về đến Hồng Kông được gần biên giới hơn. Nhưng luật Hồng Kông không cho đàn ông thuê nhà. Người ta đề phòng đàn ông hay lừa đảo, trộm cướp, buôn lậu. Chỉ riêng đàn bà mới được đứng tên các giá y tờ thuê nhà.

Bây giờ Phùng Chí Kiên ở Hồng Kông, thường trực cơ quan hải ngoại. Từ 1927 ở trong nước ta, Mạnh Văn Liễu (Phùng Chí Kiên) học trường quân chính đảo Hoàng Phố trên sông Tây Giang. Rồi cùng Hồng quân Trung Hoa tham gia khởi nghĩa Quảng Châu. Công xã Quảng Châu thất bại, đại đội trưởng Mạnh Văn Liễu đưa quân về xây dựng khu Xô Viết hai huyện Hải Phong, Lục Phong, sau đó lại với quân cách mạng Quảng Tây vận lý trường chinh tiến về phía tây. Năm 1931 Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc với Mạnh Văn Liễu, gửi Mạnh sang Matxcova học trường đại học Phương Đông. Năm 1935, về Ma Cao dự đại hội Đảng lần thứ nhất. Năm 1936, đeo thẻ căn cước giả người Trung Hoa tên là Phùng Ngươn Bình về Sài Gòn hoạt động cho đến khi cơ

quan hải ngoại được thành lập chuyển về phố Đại Nam, số nhà 71 thì Mạnh lại được điề`u ra công tác thường trực Hồ`ng Kông.

Bấ`y giờ Phùng Chí Kiên đã bôn`mười tuổi, người gầ`y sắ`t, bởi thề` có tên thường ngày là Mã Gầ`y để phân biệt với đồng chí khác là Mã Béo. Cởi áo, trên mình Mã Gầ`y chắ`ng chịt sẹo - các vết thương trận đánh ở những khu Xô Viế`t Quảng Tây và trong cuộc trường chinh lịch sử của cách mạng Trung Quố`c.

Cô Phẩ`y ra Hồ`ng Kông và hai người yêu nhau. Hơn ba năm sau, năm 1941, Mã Gầ`y về` Pắ`c Bó họp Hội nghị Trung ương 8 ở Khuổi Nậm. Cô Phẩ`y cũng về` chuyế`n á`y. Đế`n Long châu, hai người chia tay. Mã Gầ`y sang Cao Bắ`ng. Phẩ`y lại về` Lũng Nghìu, hẹn đợi nhau.

Rồ`i Mã Gầ`y xuô`ng Bắ`c Sơn chỉ huy trung đợi 1 Cứu quố`c quân. Cuô`i tháng sau, địch huy động hơn năm nghìn quân từ bôn` phía Lạng Sơn, Bắ`c Giang, Bắ`c Cạn, Thái Nguyên tá`n công căn cứ quân du kích. Sau những trận ở Khuổi Nọi, ở Gia Huầ`n, đợi du kích rút ra ngoài vòng vây tránh lên căn cứ địa Cao Bắ`ng. Một cánh cùng Hoàng Văn Thái, Đặng Văn Cáp sang Bình Gia, Thắ`t Khê rồ`i qua Trung Quố`c vào Hà Quảng. Cánh Mã Gầ`y chỉ huy lên châu Ngân Sơn sang Cao Bắ`ng.

Ngày 19-8-1941, đế`n Pò Kép châu Nà Rì nghỉ lại, sáng ra gặp một đám người về` châu mua muố`i, thề` là bị lộ. Địch đưa quân chặn các ngã rừng Ngân Sơn. Ngày 22 tháng 8, sáng sớm vượt đờ`i Khau Pầu xã Bắ`ng Đứ`c thì gặp địch.

Mã Gà`y bị trúng đạn, ché`t tại trận.

*

* *

Thé` nào mà hôm á`y chỉ có mỗi mình tôi về` Khơ` Đa. Gặp ngày chợ Thá`t Khê, không thá`y ông Bùi Thành ở nhà, ông Thành đi chợ bán gà. Chợ Tê`t, bié`t thé` nào mà đợi, tôi vié`t má`y chữ để lại, rô`i đi trước. Ông Công cũng chưa đé`n. Mà Mã Hợp chủ nhà cũng còn má`t hút. Chẳng rõ đi lòng lợn Tê`t cho mậ` dịch hay là còn rúc vào nhà bà lão bán bánh khảo trên Đò`ng Đàng.

Ngoài cửa, cài hai chié`c dõi ngăn lợn khỏi chui vào phá vườn. Tôi gội nước chân, lên câ`u thang nhà, ra chỗ sân ảng nhìn xuô`ng đường cái. Chiề`u đã nhuô`m sương giá mà vẫn rớt nắ`ng vàng rực trong những cây hoa mai vừa nảy còn trắ`ng ngắ`n. Tié`ng vó ngựa trên chợ về` nghe lô`c cô`c cả đàn như mỗ` trâu lạc trong cửa rừng. Người lác đác rẽ vào xóm, người đi chợ về`, người kié`m rau kié`m củi ở rừng ra. Căn nhà quạnh quẽ má`y lâ`n qua lại, tôi cũng đã quen, lúc nào cũng vắ`ng, cửa giả trên nhà cũng không then, bởi chẳng có cái gì để má`t trộm. Mỗi nhà khuấ`t dưới bụi mai bên kia đò`i. Vợ chò`ng người con trai Mã Hợp với má`y đứa cháu nhỏ ở cửa hàng bách hóa trên thị trấ`n Nà Sắ`m, thỉnh thoảng mới về`.

Một người điu má`y cây củi lênh khênh đương củi xuô`ng đây nghiêng chié`c then chố`t công. Mùa này, các nhà trong làng trên núi phải nuôi lửa cả đêm. Củi sủi đã được đắ`n sẵn

nguyên cả cây trong rừng từ đạo chớm vào thu, rồi vác dầ n về. Những cành củi cao quá đầ u che lấ p người, như một bó cây nhích đi. Vào đế n đầ u nhà mới trông rõ bà lão công củi. Chẳng nhớ có phải bà lão hôm nào tôi đã trông thấ y vác nước. Nhớ làm sao đượ c những người lam lũ thấ t thêu, váy chàm đã bạc trắ ng như mo nang, cửa tay, đuôi vạt áo rách lượ p tượ p. Mà có hỏi cũng chẳng buồ n trả lời, cảnh thường gặp ở những buổi chiề u khó nhọc người ta đi trong rừng ra.

Bà lão đặt từng cây xế p vào hai bên đố ng củi đùn, đố ng củi sườn tựa cột sàn. Rồi lắ ng lắ ng ra đầ ng sau trèo thang lên bế p. Nghe tiế ng ó ng thổi lửa pho pho đầ ng á y mới biế t. Có khách mà chẳng ra nhóm lại củi sườn ở cái bế p giữa chỉ còn tàn than trắ ng nhọt. Cũng không phải người ta nhạt khách mà lúc nhà chỉ có đàn bà, không có đàn ông tiế p khách thường vẫn hữ ng hờ thế .

Tôi chợt nghĩ hay đây là bà bán bánh khảo ngoài chợ đã về ở với ông lão. Cho nên mới lên thang gác bế p như người nhà.

Ngoài đườ ng vẫn người thấ p thoáng về qua trong sương chiề u vàng xuộm. Chồ c chồ c, một chiế c xe ngựa tiế ng nhạc đồ ng rộn rã, người ngồ i chen gồ ng gánh lúa tủa trở ra hai bên thành xe như cái bàn chông bầy nhím. Đế n giờ mà lão Công trong Hội Hoan, lão Thành trên Thấ t Khê chưa tới thì chắ c hôm nay chưa ai đế n đượ c. Chỉ lát nữa thôi, đã tồ i mịt lại sương xuố ng rét buố t, đồ t đườ c cũng không cháy, ai dám đi đêm. Nhưng tôi cũng đã quen cảnh chờ đợ i và chơi rô n vài ba hôm ở những nơi đầ u rừng, cuố i suố i ngày rộng thắ ng dài như thế này rồi, chẳng á y náy gì.

Một chốc, lại thấy một bà già vào trong ngõ. Bà này thoáng trông đã nhận ra là người chợ búa. Khăn áo chàm sẫm, mặt trắng bệu, vai đeo chiếc túi, tay xách cái bu nhót đôi gà trống. Bu chặt, hai con gà cựa quậy mổ nhau, mào đỏ gay gắt, mỏ há thở phọc phọc thò ra ngoài nan. Bà ấy khoan thai treo cái túi lên đầu cột sà ngang lên nhìn tôi thì cất tiếng, miệng lóe chiếc răng vàng: “Chào ông...”

Ở đằng thang bêp, cái bà lão mặc váy bạc lúc này lại đương xuống thang, con dao đi rùng vẫn giắt trong chiếc thùng buộc thắt lưng, chưa cởi. Bà lão ấy bước tới chỗ bà vừa tới đặt chiếc bu gà. Bà này làm bằm, chẳng nói chẳng rằng. Bà nọ cũng đứng sững. Bốn con mắt tuổi tác kèm nhèm thê mà lộ ra, ánh lên như những nhát dao sấp đâm sang nhau. Rợn quá. Cứ thế một lúc, không ai nói một câu. Đến khi cái bà lão móm quai tay sau lưng từ từ rút con dao ra thì bà lão vừa vào lập cập, nhón nhác. Tôi sấp nhảy bổ trên sân ảng xuống kéo án mạng đến nơi thì bà ấy đã luống cuống quay ra. Bỏ bu gà đầy, quên cả ngoài tay với cái túi cài trên đầu cột. Bà hốt hải chạy cung cúc.

Bà lão nọ lăm lăm con dao, nhưng đứng chằm chằm, không đuổi theo. Hai con mắt đương trừng trừng từ từ cúi xuống, khuôn mặt méo mó, xám ngắt. Rồi tra con dao vào cái vỏ gỗ, lại lòng không cúi rạp lưng trèo cái thang sau lên bêp. Hai con gà trống trong bu mổ nhau quéc quéc, chiếc lông lẩn vào tận chỗ chân cột giữa gàm sà. Việc gì vậy, thế nào vậy, tôi không hiểu.

Tôi mong lão Hạp quá. Một lát, thấy lão xăm xăm vào, như đi làm cỏ ngoài đồng về. Cái mũ lông Nga đen mướt

đứt dây buộc vậy vậy hai bên mang tai theo bước chân nhá p nhỉnh. Nhưng ó ng quầ n lại xắ n ngang đầ u gồ i, vai đeo túi dể t, tay câ m gậy trúc, không biể t gậy chố ng hay gậy bắ t lợn. Thắ y tôi ló đầ u trong cửa sổ ra, lão nói to:

- Anh Tư đã về á? Vun lửa lên, mở cửa to thê để chể t công à! Vun lửa lên...

Nhữ ng người nặng tai có lẽ tưởng ai cũng điể c nên có thói quen nói to như hét. Lão Mã Hợp vừa bước lên thang nhà thì trông ngang thắ y cái bu gà trong gầ m sàn, rô i lại đụng vào chiể c túi chàm treo lủng lẳng đầ u cột. Lão quát:

- Nó mang gà để n rô i á? Đâu rô i, sao lại để túi thê kia?

Tôi chẳng biể t thê nào. Trên nhà cũng không có tiế ng trả lời lại. Dường như Mã Hợp đã đoán đượ c sao đắ y, lão bỏ thang nhà đắ ng trước, chạy lên thang bế p lão nói âm âm, mà tôi chỉ lồm bồm tiế ng Nùng không hiểu. Nhưng chắ c cũng chuyện lôi thôi rắ c rô i vừa rô i.

Lão Mã Hợp bước ra nhà giữa, mặt giận dữ đở gắ ng, rô i lại hê nh hếch cười ngay. Thê là tôi cũng quên ngại mà vui lây, tôi hỏi:

- Cái gì thê ?

- À, à, con mẹ ở ngoài Đò ng Đắ ng á y mà. Tao đã dặn nó rắ ng nhà có khách, đem gà về làm cho chúng tao đánh chén.

- Đôi gà kia à?

- Hôm qua tao đã phải lạy cái con chết già ở nhà này rồi thế mà nó lại đánh đuổi người ta đi.

- Ai? À, à...

- Con Pháy kia kìa, con Pháy chết già kia kìa. Cái con thằn lằn nhỏ mỗ đở với hai đứa con giai, con dâu nhà tao độc ác, chẳng đứa nào cho tao được ngủ với bà lão ấy mà, người già thì cũng phải có vợ chứ, anh Tư có đồng ý không?

Lão Mã Hợp bắt tay tôi như tôi đã đồng ý như thế, rồi lão nhếch miệng cười, giờ cả cái lợi nhọt nhạt, hàm dưới trông hốc chẳng còn chiếc răng nào.

Những điều tôi ngờ ngợ đã vỡ lẽ, cái bà lão bán bánh khảo chợ Đông Đăng đây. Mà bà lão đương ngồi trong bếp là em gái ông Mã Hợp. Là cô Pháy mà anh Lý đã về Lũng Nhìu đưa ra Hồng Kông năm xưa. Là người yêu của Mã Gà y - mà cái ngày ấy, khi về đến Long Châu hai người chia tay nhau, người sang Cao Bằng, người xuống Lạng Sơn, cô Pháy, cô Pháy ấy đấy - Ôi từ năm xưa ấy đến nay, con tính cộng hơn một nửa thế kỷ đã qua không bao giờ cộng lại được...

“Người ta chết rồi có thể gặp nhau nữa hay không? Vừa lắng nghe tuyệt vời ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man... Tôi nằm mơ màng nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không dứt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rộn tiếng pháo cùng với hoa tuyệt phẩm phôi bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này...” Đây là một câu văn của Lỗ Tấn.

Thế là hôm ấy hai lão bạn già cũng chưa ai đến. Ông Mã Hợp bắt trong bu ra một con gà. Tôi không phải nghe tiếng đập nhau thành phạch, khô khô c dưới sàn nhà và như thế cũng làm cho tôi quên đi cái râu rĩ khổ cực nhớ lại lúc hai người đàn bà gườm nhau. Không có tiếng gà phá lòng mổ cắn nhau nữa, thì tôi lại nhớ đến một cô Pháy, thế nào cũng không thể tưởng được ra cô Pháy xưa kia lại có khi, lại có thể là bà lão như cái tã, cái bóng xám lúc này hai tròng mắt sắp long ra, lòi lên, như con mèo ốm đánh nhau với con chuột cống, không biết con nào sắp chén thịt con nào, rồi lại vào lặng yên, hai mí mắt đen xịt buồm bã cúp xuống, củ rú ngòi chết rũ trong cái chái nậu lợn không dám lộ ra chỗ bấp giữa nhà này.

Ngày xưa ấy, Pháy ở Hồ ng Kông trở về, đã bao nhiêu năm cho đến bây giờ, lại lam lũ đi nương, lại đi rừng, đến khi thành bà già lụ khụ điếc lác, răng rụng hết lúc nào. Ai biết bà già kia đã một thời con gái ra Hồ ng Kông, đến bà lão ấy cơ chừng cũng chẳng biết mình đang chờ ai, đợi ai, mình đã có khi đến cái nơi đô hội ăn chơi nhứt thế giới ấy.

- Bảo cô ấy ra đây ngòi ăn cơm cho vui. Chứ ông với tôi thế này, ta bắt chúc phong tục người Dao đàn bà phải ngòi mâm khác à?

Ông Mã Hợp nói:

- Đáng nhẽ thì vui nhiều hơn, ở i giới, nó ác quá, nó bắt ai cũng phải cô quả, ai cũng phải mồ côi. Mặc nó! Nó cũng uống rượu một mình trong ấy đây!

Ôi chao, nó cũng uống rượu trong ấy. Ừ, có thể chứ, cũng phải thể chứ, cái rượu làm cho con người ta khuây khỏa, cái rượu còn gọi được nước mắt về. Ông Mã Hợp và tôi thông thả uống lần lần qua hoàng hôn cho đến khuya. Vẫn những câu chuyện cũ kỹ đã bao nhiêu lần nghe kể: “Tao ra chợ Đông Xuân uống say rồi bảo xe xích lô đạp về nhà anh Năm... Lính gác bông súng ra đón tao uống ô tô. Anh Lý mà còn sống, tôi phải làm ông bộ trưởng, ông thứ trưởng rồi chứ sao tôi lại phải là thằng đi bắt lợn, anh Tư, anh Nông Văn Tư, anh nghe thể có thấy phải không? Ở trên cái tảng đá sau nhà bên Lũng Nghìu kia, tôi với anh Lý uống một chén rượu rồi đập ra thể đưa nào phản nhau thì chết tan như những mảnh chén này... thể cơ mà...”

Tôi đã chẳng kể lại một câu nào về cái chuyện lúc chiều hai bà già gặm gừng và một người đã rút con dao ra. Nhưng chính Mã Hợp đôi lúc lại cần nhẩn chửi một câu về chuyện cái bu hai con gà lăn vào trong gặm sàn, nhớ lúc ấy con cáo đi qua vô mất thì toi rồi. Chắc Mã Hợp đã nhiều lần ngăn hai bà lão hằm hè, có khi đã đánh xé nhau không biết chừng. Một chỗ, Mã Hợp lại thờ dài:

- Nó bắt ai cũng phải như nó, ai cũng phải chết cô độc như nó. Tôi không chấp. Tôi biết chấp thể nào. Mà nó làm gì được tôi, tôi lấy vợ thì tôi lấy chứ, có phải không anh Tư?

Ông Mã Hợp đã nói đến câu ấy thì tôi không còn có thể khuyên nhủ được như người con trai ông đã phải đạp xe từ Nà Sầm về Khuổi Sao khẩn khoản nhờ tôi, về nói với bố anh đừng dan díu với bà bán bánh khảo, bà ấy đeo cho đến cái

áo cũng không còn mà mặc. Ông lại đang làm nhảm. “Vì nó khổ, nó bắ t ai cũng phải khổ như nó, hai anh em như nhau hà hà...”

Rồ i ông Mã Hợp ôm hai tay lên mặt, im lặng. Tôi đang nghĩ đế n bà lão ngô ì uô ng rượu một mình trong kia. Khi người ta đã chế nh choáng có lẽ máu trong người đã được hâm nóng hơn, nghĩ cái gì hay làm ngay cái đấ y, ít nghĩ ra những trở ngại loăng quăng như lúc chưa uô ng rượu. Tôi đã biế t cô Phảy mà hóa ra tôi không biế t cô Phảy, không, cô Phảy không phải mụ Tường Lâm, cô Phảy không đầ n độn ngây dại như mụ Tường Lâm. Ủ, tôi phải vào trò chuyện với cô á y, tôi vào chơi với cô Phảy năm xưa.

Cái bê p xép không có đèn. Nhưng hai cây củi to hò ng rục như hai con trăn lửa. Bà lão ngô ì tỳ một bàn tay lên cái cầ m móm, nhìn đồ ng lửa sưởi. Tôi không trông thấ y be lọ đầu. Bà lão cũng chẳng buồ n ngược mắ t. Đang nghĩ ngợi gì, hay là vô n thờ ơ như không biế t có người đi vào.

- Em là Tư. Nông Văn Tư á y mà, em chào chị Phảy.

Ông Mã Hợp ở gian ngoài nói chõ vào:

- Nó điề c đấ y. Hai anh em tôi điề c. Hai anh em tôi khổ cả. Chú Tư phải hét to lên nó mới nghe tiề ng.

Bà lão nhìn lên. Tôi bỗng gặp cái cười móm mém trong cái miệng không còn răng đã hõm sát dính vào lợi. Thế là bà á y, nếu không nghe được thì cũng biế t lời chào của tôi rồ i. Hay là đã bao nhiêu năm nay bà mới lại thấ y có bóng một người đàn ông lạ đế n với mình mà bà cười? Không biế t

nữa. Tôi ngó i xuông mầu gỗ trước mặt, trong khi bà lão lom khom đẩy cái củi cho lửa to hơn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy bát rượu sóng sánh để trên mặt sàn. Tôi lại càng thông cảm niêm vui của bà lão, cái cảm giác về mù Tường Lâm trong truyện Lỗ Tấn mà tôi đã nghĩ ghép vào như trên kia, khi tôi thoát biệt bà già ấy là cô Phay đã từng ra Hồng Kông ngày xưa, thế là không đúng, thế là không phải lúc này, và thế là tôi, chính tôi mới là thặng đại khờ ngẩn ngơ như mù Tường Lâm của Lỗ Tấn kia.

Tôi cầm bàn tay gồ ghề của bà lão lên. Bà lão ôm cả hai tay tôi, bàn tay nhăn nheo lạnh toát rản chặc như đá tảng nặm lậy tôi, nhấc tôi đứng dậy. Bà lão đẩy tôi lùi tới cái ổ lá chuôi khô mà tôi đoán đây cũng là chỗ bà lão nặm ngủ. Bà lão quay lại lom khom, lúi húi bới đống lá lòi trong góc sàn ra một chiếc làn mây có nắp kiểu hòm đựng đồ vật vẫn thấy bày bán với bàn ghế tre trúc Đông Khê ngoài chợ, mặt làn để bên cạnh bếp lâu đã lên nước bở hôi đen nhánh.

Bà lão lục lợi các thứ trong làn. Đống xống áo cái rách cái bực phếch, dưới cùng có tờ giấy bóng trang kim bọc một mảnh lụa đào màu còn tươi. Không phải mảnh lụa, đây là cái áo “xường xám” mà ngày trước các cô con gái Trung Quốc ở thành phố hay mặc. Áo cộc tay thít lên tận nách, thân áo dài quá đầu gối, xẻ hai bên hông. Mảnh lụa đào rực rỡ giữa ổ lá chuôi khô với những cái váy, cái áo dài chàm đã rách tã. Ôi tấm áo ngày xưa. Cái áo năm xưa ở ngoài Hồng Kông, những buổi tôi mùa hạ, mùa thu, hai người đã quàng vai nhau đi dạo chơi, ngó i chơi bên bờ đảo.

Tôi rũ cái áo “xường xám” lụa màu hoa đào gập nếp phẳng ra rồi giờ lên ướm trước mặt bà lão. Màu hoa đào phơi ra như ngoài kia có nắng bắt vào, với tiếng pháo đón xuân rào rạt vang động. Cái áo thời ấy đây, thế thì người ta còn có hờn, chết rồi còn gặp nhau, cái áo xường xám này vẫn như năm xưa, vẫn đây mà. Bà lão lại móm mém cười, hai tay đẩy tấm áo ra, nước mắt chan chứa xuống hồ mắt.

1993